|  |
| --- |
| **Phụ lục chính thức** |
| **TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM TRA CỦA CÁC BAN HĐND TỈNH**  **ĐỐI VỚI CÁC TỜ TRÌNH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT DO UBND TỈNH TRÌNH HĐND TỈNH**  *(Kèm theo Báo cáo số: 394 /BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh và thay thế phụ lục cũ)* |

| **STT** | **Ý KIẾN THẨM TRA CÁC BAN HĐND TỈNH** | **Ý KIẾN TIẾP THU CỦA UBND TỈNH** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Báo cáo công tác năm 2022 và nhiệm vụ năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh** | |
|  | Đề nghị UBND tỉnh quan tâm thêm một số nội dung sau:  1. Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu đi đôi với tạo dựng môi trường đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.  2. Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính; nâng cao các chỉ số về năng lực cạnh tranh (PCI); sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS); hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI); chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và dịch vụ hành chính công.  3. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực từ đất đai, tài nguyên, môi trường; chú trọng bảo vệ, phát triển các loại rừng, đẩy mạnh tiến độ phát triển cây dược liệu, trồng mới rừng đạt kết quả theo mục tiêu nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra.  4. Nâng cao chất lượng thanh tra, kiểm tra nhất là các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực như: đất đai, bồi thường, đầu tư xây dựng, giải quyết thủ tục hành chính công…; theo dõi, đôn đốc thực hiện nghiêm các kết luận sau thanh tra.  5. Tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh triệt phá các loại tội phạm và vi phạm pháp luật về quản lý kinh tế, lâm nghiệp, tham nhũng, ma túy, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người…; đẩy nhanh tiến độ điều tra các vụ án trọng điểm, các vụ việc dư luận quan tâm.  6. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.  7. Chuẩn bị tốt các nội dung trình HĐND tỉnh theo quy định; thực hiện đúng các nội dung đã hứa với đại biểu HĐND và cử tri thông qua trả lời chất vấn, trả lời kiến nghị của cử tri; chỉ đạo giải quyết các kiến nghị qua giám sát của HĐND[[1]](#footnote-1), Thường trực HĐND[[2]](#footnote-2), các Ban của HĐND[[3]](#footnote-3), Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Pháp chế, UBND tỉnh sẽ quan tâm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường thực hiện các nội dung theo đề nghị của Ban Pháp chế trong thời gian tới. |
| **2** | **Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023** | |
| **a** | **Về hạn chế, khuyết điểm** | |
|  | Việc giao chỉ tiêu kế hoạch trồng rừng, dược liệu và một số loại cây trồng *(cây ăn quả, cây cà phê)* tại một số địa phương chưa sát với điều kiện thực tế; cây dược liệu trồng còn manh mún, chưa tập trung,...Các địa phương chậm bàn giao rừng ngoài thực địa cho các tổ chức để quản lý bảo vệ theo quy định dẫn đến một số diện tích rừng vẫn còn do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý([[4]](#footnote-4)). | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các Sở, ban ngành và địa phương trong thời gian tới khi giao kế hoạch phải đảm bảo thực tế của địa phương; đồng thời nghiêu cứu đầu ra của sản phẩm. |
|  | Chỉ tiêu có 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022 dự kiến không đạt kế hoạch([[5]](#footnote-5))*.* Bên cạnh đó, việc duy trì và giữ vững một số tiêu chí nông thôn mới đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới còn gặp nhiều khó khăn | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Mục tiêu năm 2022 phấn đấu có thêm 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới, kết quả đến tháng 10 năm 2022 đã có 01/8 xã đạt chuẩn nông thôn mới, dự kiến đến cuối năm toàn tỉnh sẽ có 7/8 xã đạt chuẩn, nâng tổng số các xã đạt chuẩn nông thôn mới toàn tỉnh lên 43 xã *(riêng xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông không hoàn thành mục tiêu năm 2022)*. Bên cạnh đó, xã Ngọc Tụ, huyện Đăk Tô là xã mục tiêu năm 2021 đã đạt 19/19 tiêu chí nhưng đến nay chưa công nhận và dự kiến sẽ công nhận vào năm 2022. |
|  | Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện chậm được phê duyệt. Công tác rà soát, bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất chưa đồng bộ, chặt chẽ, còn thiếu sót phải trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung nhiều lần trong năm. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các Sở, ban ngành và địa phương trong Kế hoạch triển khai Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh. |
|  | Tiến độ giải ngân một số dự án đầu tư công còn chậm([[6]](#footnote-6)); công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc([[7]](#footnote-7)). Việc lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư ban đầu còn thiếu chặt chẽ phải trình điều chỉnh chủ trương đầu tư nhiều lần. Công tác quyết định đầu tư còn nhiều khó khăn, vướng mắc, mất nhiều thời gian, đặc biệt là các dự án từ nguồn ngân sách Trung ương. Một số dự án đầu tư công trong quá trình triển khai thực hiện còn thiếu sự đồng bộ, chưa phù hợp với quy định và tình hình thực tế địa phương([[8]](#footnote-8)). | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các Sở, ban ngành và địa phương trong Kế hoạch triển khai Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh. |
|  | Số lượng hợp tác xã thành lập mới đạt chỉ tiêu đề ra, tuy nhiên hoạt động cầm chừng, hiệu quả chưa cao; chưa tạo thành cầu nối liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất giữa người dân và doanh nghiệp trên địa bàn. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã bổ sung báo cáo. |
|  | Việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá dịch vụ công tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp còn gặp khó khăn, vướng mắc([[9]](#footnote-9)). Công tác rà soát, sắp xếp tài sản công tại một số đơn vị, địa phương chưa chặt chẽ, phù hợp với quy định. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các Sở, ban ngành trong thời gian tới sớm nghiên cứu tham mưu xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá dịch vụ công tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp phù hợp, đảm bảo quy định. |
|  | Công tác đổi mới và phát huy hiệu quả hệ thống đào tạo nghề chưa rõ nét. Việc theo dõi, kiểm tra, giải quyết những vướng mắc trong xây dựng trường chuẩn quốc gia chưa thường xuyên; tình trạng giáo viên chuyển vùng hoặc nghỉ việc diễn ra đột biến, nhất là khu vực khó khăn; một số đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập gặp khó khăn trong việc thực hiện chi trả một số chế độ, chính sách liên quan hoạt động chi thường xuyên tại đơn vị([[10]](#footnote-10)). | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các Sở, ban ngành và địa phương trong Kế hoạch triển khai Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh. |
|  | Công tác triển khai thực hiện Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, các địa phương lúng túng trong quá trình thực hiện các nội dung, dự án, kế hoạch vốn được giao. Hầu hết còn đang trong quá trình hoàn thành các hồ sơ, thủ tục theo quy định; quy trình thủ tục đầu tư các dự án thuộc Chương trình MTQG thiếu sự đồng bộ, mỗi địa phương có cách nghĩ, cách làm khác nhau([[11]](#footnote-11)). | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các Sở, ban ngành phối hợp với địa phương tiếp tục rà soát các quy định về quản lý, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia để triển khai xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định về định mức, chính sách,… đồng thời tăng cường công tác rà soát, hướng dẫn, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, địa phương, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. |
|  | Một số quy định về định mức, chính sách hỗ trợ chưa được ban hành *(cơ chế quay vòng vốn; tỷ lệ số lượng dự án đặc thù; một số nội dung, mức hỗ trợ thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững; quy định mức bình quân diện tích đất sản xuất cho mỗi hộ gia đình để làm cơ sở xác định hộ gia đình thiếu đất sản xuất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất…)* dẫn đến các địa phương gặp khó khăn trong việc tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình MMTQG cũng như xác định số lượng dự án đầu tư, định mức hỗ trợ các nội dung, hoạt động, tiểu dự án, dự án thuộc chương trình. |
|  | Công tác đào tạo nghề *(Tiểu dự án 3 Dự án 5 thuộc Chương trình MTQG kinh tế, xã hội vùng dân tộc thiểu số)* tại một số địa phương còn vướng mắc, giao kế hoạch vốn chưa phù hợp, khó thực hiện giải ngân. |
| **b** | **Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 2023** | |
| ***b.1*** | ***Về các chỉ tiêu chủ yếu****:* |  |
|  | Đề nghị xem xét bổ sung bảng biểu số liệu về các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh năm 2023 vào dự thảo Nghị quyết; đồng bộ với chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 do Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh đề ra. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Tỉnh ủy, Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ bổ sung bảng biểu số liệu về các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh năm 2023 vào dự thảo Nghị quyết. Trong đó, điều chỉnh một số chỉ tiêu theo **kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *(họp ngày 29 tháng 11 năm 2022)* và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh *(họp ngày 02 tháng 12 năm 2022)*, cụ thể như sau:**  1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 4.500 tỷ đồng;  2. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội từ 27.000 tỷ đồng trở lên (trong đó vốn đầu tư khu vực tư nhân 20.400 tỷ đồng);  3. Diện tích cây Mắc Ca trồng mới 1.000 ha;  4. Trồng mới trên 4.000 ha rừng;  5. Phấn đấu Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) tăng 05 bậc so với năm 2022;  6. Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giai đoạn 2022 - 2025 ít nhất là 4%, riêng các huyện nghèo giảm trên 6%/năm.  7. Bổ sung chỉ tiêu: Tỷ lệ hộ gia đình ở khu vực nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 93%. |
| ***b.2*** | ***Về nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế-xã hội năm 2023*** |  |
|  | Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo khắc phục một số tồn tại, khó khăn, vướng mắc đã được các cơ quan của HĐND tỉnh giám sát chỉ ra và các nội dung đã nêu tại điểm 2 mục I Báo cáo này và quan tâm một số nhiệm vụ, giải pháp sau: | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo khắc phục một số tồn tại, khó khăn, vướng mắc đã được các cơ quan của HĐND tỉnh giám sát chỉ ra và các nội dung đã nêu tại điểm 2 mục I Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách. |
|  | Chỉ đạo các đơn vị dự toán, các cấp ngân sách tổ chức điều hành chi ngân sách theo tiến độ thu và dự toán được cấp thẩm quyền giao; quản lý chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm hiệu quả đúng định mức, chế độ quy định; hạn chế chuyển nguồn, chuyển nhiệm vụ chi. Kịp thời giải quyết tốt các chế độ chính sách an sinh xã hội phát sinh, chế độ đối với người có công, người lao động; chủ động sử dụng nguồn ngân sách địa phương để thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai và dịch bệnh. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các Sở, ban ngành, các địa phương thực hiện chặt chẽ, đảm bảo quy định trong thời gian tới. |
|  | Chỉ đạo việc xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội sát thực tế, điều kiện, khả năng và lợi thế của địa phương. Nghiêm túc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với các nội dung đã được Đoàn kiểm tra, kiểm toán, thanh tra, giám sát chỉ ra. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ban ngành thực hiện chặt chẽ, đảm bảo quy định trong thời gian tới. Nghiêm túc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với các nội dung đã được Đoàn kiểm tra, kiểm toán, thanh tra, giám sát chỉ ra. |
|  | Chỉ đạo rà soát các dự án chỉnh trang đô thị, khai thác quỹ đất, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với quy định và tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo đúng quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ban ngành và các địa phương thực hiện chặt chẽ, đảm bảo quy định trong Kế hoạch triển khai Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh. |
|  | Triển khai thực hiện hiệu quả các quy hoạch về phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn làm cơ sở kêu gọi, thu hút đầu tư. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ban ngành và các địa phương thực hiện trong Kế hoạch triển khai Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh. |
|  | Tăng cường công tác chỉ đạo rà soát, tham mưu điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khai thác khoáng sản đảm bảo chặt chẽ; nâng cao hiệu quả công tác quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản, bảo vệ và cải thiện môi trường. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ban ngành và các địa phương thực hiện trong Kế hoạch triển khai Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh. |
|  | Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện đúng theo quy định. Đồng thời chỉ đạo thực hiện việc rà soát các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo đủ điều kiện, chặt chẽ, đồng bộ, khả thi và tuân thủ quy định của pháp luật. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ban ngành và các địa phương thực hiện chặt chẽ, đảm bảo quy định trong thời gian tới. |
|  | Chỉ đạo các cơ quan chủ Chương trình, các Sở, ngành chuyên môn phối hợp, hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, địa phương được giao thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình MTQG. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ban ngành thực hiện trong Kế hoạch triển khai Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh. |
|  | Tăng cường huy động, lồng ghép các nguồn lực trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ thuộc chương trình MTQG trên địa bàn. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ban ngành và các địa phương thực hiện trong Kế hoạch triển khai Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh.. |
|  | Về lĩnh vực giáo dục: sớm có giải pháp sớm khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, đảm bảo công tác dạy và học trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo lộ trình chương trình giáo dục phổ thông mới. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã bổ sung báo cáo. |
|  | Về công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm: tập trung xây dựng kế hoạch cụ thể về công tác đào tạo nghề gắn với nhu cầu xã hội và điều kiện phát triển kinh tế-xã hội của địa phương; triển khai có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia đối với các dự án thành phần về đào tạo nghề, tạo việc làm bền vững. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ban ngành và các địa phương nghiên cứu tham mưu thực hiện trong Kế hoạch triển khai Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh. |
|  | Về lĩnh vực y tế: chú trọng giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi; triển khai có hiệu quả các dự án về cải thiện dinh dưỡng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia; Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHYT, nhất là các xã trong lộ trình xây dựng nông thôn mới. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã bổ sung báo cáo. |
|  | Về lĩnh vực thông tin và truyền thông: tăng cường công tác truyền thông đến Nhân dân nâng cao cảnh giác đối với tình trạng một số tổ chức, cá nhân sử dụng chiêu thức lừa đảo thông qua mạng xã hội, điện thoại, tin nhắn... để chiếm đoạt tài sản công dân. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các Sở, ban ngành và các địa phương thực hiện trong Kế hoạch triển khai Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh. |
|  | Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, động viên, nhắc nhở cán bộ, công chức nâng cao tinh thần, trách nhiệm trong thực thi công vụ, tránh gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu. Từng cơ quan, đơn vị, địa phương nâng cao trách nhiệm trong công tác tham mưu thực hiện nhiệm vụ chính trị được cấp thẩm quyền giao. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ban ngành và các địa phương thực hiện trong Kế hoạch triển khai Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh. |
|  | Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm soát chi, kiên quyết không giải ngân, không quyết toán những khoản chi không đúng chế độ, chính sách, không có trong dự toán. Đối với nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu, phải được thực hiện và quyết toán đúng yêu cầu về thời gian. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ban ngành và các địa phương thực hiện trong Kế hoạch triển khai Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh. |
| **3** | **Báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023** | |
|  | Đề nghị UBND tỉnh:  - Tăng cường giải pháp, hình thức tuyên truyền, phổ biến các quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước về PCTN,TC[[12]](#footnote-12) đảm bảo thiết thực và hiệu quả; thực hiện nghiêm việc công khai, minh bạch tài chính công trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện phải chuyển đổi theo quy định; đẩy mạnh cải cách hành chính và ứng dụng khoa học công nghệ trong thực thi công vụ.  - Thực hiện có hiệu quả các cuộc thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của người đứng đầu trong việc chỉ đạo thực hiện các quy định của Đảng, pháp luật Nhà nước về PCTN,TC tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Thực hiện thanh tra, kiểm tra đột xuất các lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực; công khai các kết luận thanh tra theo quy định của pháp luật để các cơ quan, tổ chức và Nhân dân theo dõi, giám sát.  - Chỉ đạo các cơ quan chức năng đẩy mạnh việc thanh tra, kiểm tra xử lý tình trạng “tham nhũng vặt”, nhất là trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 697-CV/TU ngày 20/12/2018 và Công văn số 709-CV/TU ngày 28/12/2018.  - Rà soát, kiện toàn Hội đồng định giá tài sản ở cấp huyện, thành phố hoạt động đảm bảo quy định để phục vụ công tác điều tra, xử lý các vụ án kịp thời, đúng quy định...  - Điều tra, xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ án, vụ việc tham nhũng, tiêu cực, nhất là trong lĩnh vực đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý, bảo vệ rừng. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Pháp chế, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ban ngành và các địa phương thực hiện trong Kế hoạch triển khai Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh. |
|  |
| **4** | **Báo cáo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023** | |
|  | Đề nghị UBND tỉnh:  - Tăng cường thông tin, phổ biến pháp luật về THTK, CLP đặc biệt chú trọng cập nhật các văn bản về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để nâng cao hơn nữa về nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, gắn với công tác kiểm tra, đánh giá thường xuyên, đảm bảo việc thực hiện đạt hiệu quả.  - Tổ chức điều hành dự toán NSNN chủ động, chặt chẽ, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật tài chính, ngân sách; chỉ đạo tăng cường thực hiện việc đấu thầu, đặt hàng, khoán kinh phí, giao quyền tự chủ gắn với trách nhiệm, đảm bảo việc thực hiện theo quy định của pháp luật.  - Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị địa phương được giao thực hiện các nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn vốn được phân bổ đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh gây lãng phí.  - Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án đầu tư công, bảo đảm phù hợp với thực tế, hạn chế điều chỉnh nhiều lần trong quá trình triển khai; kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư của từng dự án. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác lựa chọn nhà thầu, quản lý đấu thầu, đẩy mạnh thực hiện đấu thầu trực tuyến (online) để giảm bớt chi phí hành chính.  - Chỉ đạo kiểm tra, rà soát và kịp thời phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm tại các địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Đất đai.  - Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường đánh giá, kiểm tra, thanh tra trong quá trình đầu tư công, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc cho các dự án để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo theo quy định.  - Tiếp tục thực hiện công khai các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 5 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013, nhất là công khai các hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí sau khi cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý.  - Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị địa phương chủ động xây dựng và thực hiện Chương trình, Kế hoạch THTK, CLP năm 2023 đảm bảo theo quy định. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, các đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ này trong năm 2023. |
|  |
| **5** | **Báo cáo công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023** | |
|  | Ban Pháp chế thống nhất với đánh giá của UBND tỉnh. Bên cạnh đó Ban nhận thấy một số hạn chế như sau: | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Pháp chế, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai thực hiện trong Kế hoạch phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật trong năm 2023. |
|  | Việc chấp hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế; việc thi hành quyết định xử phạt VPHC ở một số lĩnh vực, đơn vị thực hiện chưa nghiêm, một số đối tượng không chấp hành các quyết định xử phạt VPHC nhưng chưa có biện pháp để xử lý cụ thể. Trong quá trình thi hành quyết định xử phạt VPHC chưa áp dụng các hình thức hoãn, giảm, miễn cho các đối tượng khó khăn theo quy định của Luật XLVPHC. |
|  | Vai trò tham mưu của các lực lượng chức năng, đơn vị chuyên môn cho chính quyền địa phương nhất là ở cấp xã *(Tư pháp, Địa chính -Xây dựng, Công an...)* trong việc thi hành pháp luật về XLVPHC có mặt còn hạn chế, chưa thật sự hiệu quả. |
|  | Tội phạm và vi phạm pháp luật về trật tự xã hội, kinh tế, môi trường, mua bán, vận chuyển, tàng trữ và sử dụng chất ma túy tuy được kéo giảm nhưng vẫn còn diễn biến phức tạp; một số vụ giết người, cố ý gây thương tích *(sử dụng vũ khí đặc biệt nguy hiểm)* có chiều hướng tăng nhất là ở vùng dân tộc thiểu số; lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tín dụng đen vẫn còn xảy ra; tội phạm tàng trữ ma túy chiếm tỷ lệ cao trong nhóm các tội về ma túy; tội phạm trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng vẫn xảy ra ở một số huyện, gây thiệt hại lớn.  Công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và vi phạm pháp luật có lúc, có nơi chưa hiệu quả; còn vi phạm trong hoạt động điều tra; việc giải quyết tố giác, tin báo tội phạm còn vi phạm về trình tự, thủ tục trong quá trình giải quyết nguồn tin. |
|  | Công tác giam giữ còn một số vi phạm quy định về chế độ cho người bị tạm giữ, tạm giam; công tác phối hợp quản lý, theo dõi người chấp hành án treo, cải tạo không giam giữ ở cơ sở chưa chặt chẽ. |
|  | Việc lập hồ sơ vụ án còn nhiều hồ sơ chưa khoa học, chưa theo trình tự thời gian theo quy định. Một số quyết định khởi tố bị can còn để trống thông tin về tiền án, tiền sự; nhiều biên bản hỏi cung, biên bản ghi lời khai bị can, biên bản tự khai của bị can thiếu chữ ký xác nhận của Điều tra viên, không ghi giờ, ngày, tháng, năm lập và kết thúc biên bản, không ghi rõ họ tên, chức vụ người ghi lời khai, không gạch chéo phần giấy trắng còn lại khi hết nội dung theo quy định. |
|  | Công tác tuyên truyền, giáo dục để phòng ngừa, răn đe và đấu tranh tố giác tội phạm của cấp chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở còn hạn chế |  |
| **6** | **Báo cáo công tác tiếp công dân, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023** | |
|  | Ban Pháp chế HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh quan tâm thêm một số nội dung sau:  1. Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.  2. Tăng cường các giải pháp tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng, đền bù, thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội để Nhân dân biết, thật sự đồng tình ủng hộ; không để phát sinh tình trạng khiếu kiện phức tạp, kéo dài, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.  3. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương đối với công tác tiếp công dân định kỳ, đột xuất, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đảm bảo quy trình, quy định. Tăng cường đối thoại, giải quyết kịp thời, triệt để các khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh tại cơ sở.  4. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm cử cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ tiếp công dân, tham mưu xử lý khiếu nại, tố cáo của công dân các cấp tổ chức.  5. Rà soát và có giải pháp xử lý đối với những trường hợp đã được giải quyết, trả lời đảm bảo quy định nhưng công dân cố tình không chấp hành, có hành vi gây rối tại trụ sở tiếp công dân; gửi đơn tố cáo sai sự thật đến nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Pháp chế HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các sở, ban ngành, các đơn vị thuộc tỉnh và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện các kiến nghị của Ban Pháp chế HĐND tỉnh. |
| **7** | **Báo cáo kết quả giải quyết, trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến trước và sau Kỳ họp thứ 3 HĐND tỉnh** | |
|  | Đề nghị UBND tỉnh  - Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương chủ động đề xuất chủ trương, giải pháp cụ thể, hiệu quả sớm giải quyết các kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền, nhất là những vấn đề liên quan đến đời sống, dân sinh. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương phối hợp chặt chẽ trong quá trình tổng hợp, tiếp thu và giải quyết kiến nghị của cử tri đảm bảo các nội dung trả lời, giải quyết phải chính xác, kịp thời, đúng thẩm quyền; tránh trả lời chung chung, thiếu căn cứ.  - Kiến nghị với các cơ quan, bộ, ngành Trung ương để xem xét, giải quyết dứt điểm những nội dung kiến nghị của cử tri vượt quá thẩm quyền của tỉnh nhất là việc giải quyết bồi thường của các Công ty thủy điện trên địa bàn huyện Đăk Hà; Công ty cao su...  - Tăng cường chỉ đạo gắn trách nhiệm người đứng đầu các sở, ngành, địa phương trong việc trả lời, giải quyết kiến nghị của cử tri; đảm bảo các nội dung giải quyết, trả lời cử tri có chất lượng, hiệu quả, đúng quy định pháp luật.  - Chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật; thông tin kịp thời về kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để cử tri dễ theo dõi, giám sát, nắm bắt kịp thời; tránh tình trạng để cử tri thiếu thông tin dẫn đến kiến nghị nhiều lần.  - Thực hiện việc phân loại kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri theo Quy chế của UBND tỉnh để đại biểu theo dõi, giám sát và báo cáo trước cử tri. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến kiến nghị của Ban Pháp chế, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban ngành, các đơn vị thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao nâng cao vai trò trách nhiệm, chủ động giải quyết, trả lời các kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền, nhất là những vấn đề cử tri bức xúc, kiến nghị nhiều lần([[13]](#footnote-13)), những vấn đề liên quan đến đời sống, dân sinh...; theo dõi, phối hợp chặt chẽ trong quá trình tổng hợp, giải quyết, trả lời các ý kiến kiến nghị của cử tri đảm bảo nội dung trả lời, giải quyết phải chính xác, kịp thời, đúng thẩm quyền và theo quy định hiện hành; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước đến người dân, nhất là những chính sách hỗ trợ liên quan trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt của Nhân dân và chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tái định canh khi thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh để người dân biết, thực hiện; thường xuyên theo dõi tình hình giải quyết, trả lời ý kiến kiến nghị cử tri trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý để thông tin kịp thời về kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để cử tri dễ theo dõi, giám sát, nắm bắt kịp thời; tránh tình trạng để cử tri thiếu thông tin dẫn đến kiến nghị nhiều lần. Tiếp tục rà soát, phân loại([[14]](#footnote-14)), chỉ đạo trả lời, giải quyết kịp thời, thỏa đáng các ý kiến, kiến nghị của cử tri. Đối với những nội dung có điều kiện giải quyết thì cần xác định cụ thể về thời gian, tiến độ thực hiện để đại biểu và cử tri giám sát, tránh trả lời chung chung, thiếu căn cứ hoặc không thuyết phục, dẫn đến tình trạng cử tri không đồng tình, bức xúc và tiếp tục kiến nghị nhiều lần. Rà soát, nghiên cứu tham mưu cấp có thẩm quyền kiến nghị với các cơ quan, bộ, ngành Trung ương để xem xét, giải quyết dứt điểm những nội dung kiến nghị của cử tri vượt quá thẩm quyền của tỉnh nhất là việc giải quyết bồi thường của các Công ty thủy điện trên địa bàn huyện Đăk Hà, Công ty cao su... theo quy định. |
| **8** | **Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2021** | |
|  | Thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về bảng biểu quyết toán, tính chính xác và khớp đúng giữa các bảng biểu liên quan. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính rà soát các bảng biểu quyết toán, đảm bảo tính chính xác và khớp đúng giữa các bảng biểu liên quan. |
|  | Kiểm tra, rà soát chỉnh lý số liệu quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 sau thời điểm kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Về số liệu báo cáo quyết toán trình Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp thứ 4, Khóa XII khớp đúng với số liệu đã được Kiểm toán Nhà nước Khu vực XII xác nhận tại Biên bản kiểm toán ngày 21/11/2022. |
| **9** | **Báo cáo tình hình thực hiện chính sách, pháp luật an toàn, vệ sinh lao động trên địa bàn tỉnh năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023** | |
|  | Đề nghị bổ sung các chỉ tiêu theo Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ (*Kế hoạch 2548-KH/UBND ngày 5/8/2022 của UBND tỉnh*) | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Chương trình mục tiêu quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động (AT, VSLĐ) trên địa bàn tỉnh năm 2022 như sau:  - Tần suất tai nạn lao động (ATLĐ) là 0,046[[15]](#footnote-15). Như vậy, tần suất lao động rất nhỏ nên không đánh giá chỉ tiêu này[[16]](#footnote-16).  - Số người lao động được khám bệnh nghề nghiệp tăng hơn nhiều so với năm trước[[17]](#footnote-17), đạt 600% so với chỉ tiêu của Kế hoạch đề ra[[18]](#footnote-18); Số cơ sở được quan trắc môi trường lao động có tăng hơn so với năm trước (tăng lên 3,16%) nhưng chưa đạt chỉ tiêu trung bình hằng năm tăng thêm 5%.  - Các huyện, thành phố và Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh đã bố trí 11 người[[19]](#footnote-19) làm công tác quản lý, chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác AT, VSLĐ thuộc phạm vi quản lý và tham gia tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, có kiến thức về AT, VSLĐ.  - Có 39 doanh nghiệp với 1.025 người làm các nghề, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về AT, VSLĐ[[20]](#footnote-20) và có 146 người làm công tác AT, VSLĐ[[21]](#footnote-21).  - Các doanh nghiệp đã tổ chức huấn luyện cho 825 người lao động, đạt tỷ lệ 80,48% và 118 người làm công tác AT,VSLĐ, đạt tỷ lệ 80,8%; có 12/14 người làm công tác y tế được huấn luyện AT, VSLĐ đạt tỷ lệ 85,7% .  - 100% các vụ TNLĐ làm chết người được khai báo và tổ chức điều tra, xử lý kịp thời và được bồi thường, trợ cấp theo quy định. Qua công tác khám bệnh nghề nghiệp chưa phát hiện người lao động mắc bệnh nghề nghiệp. |
|  | Tổ chức đo kiểm tra quan trắc môi trường năm 2022 cho các cơ sở, doanh nghiệp đạt 10,76% *(****giảm 0,74%*** *so với năm 2021)* | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**:  Qua kiểm tra: Việc tổ chức đo kiểm tra quan trắc môi trường cho các cơ sở doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2021 là 7,6 % và năm 2022 là 10,76%. Như vậy, năm 2022 việc tổ chức đo kiểm tra quan trắc môi trường **tăng 3,16%** so với năm 2021.  *UBND tỉnh* ***điều chỉnh nội dung***: Tổ chức đo kiểm tra quan trắc môi trường năm 2022 cho các cơ sở, doanh nghiệp đạt 10,76% *(****giảm 0,74%*** *so với năm 2021)* ***thành*** Tổ chức đo kiểm tra quan trắc môi trường năm 2022 cho các cơ sở, doanh nghiệp đạt 10,76% *(****tăng 3,16%*** *so với năm 2021)*. |
|  | Bổ sung số liệu, và có đánh giá chi tiết đối với: Số làng nghề, hợp tác xã có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh[[22]](#footnote-22); số người làm công tác quản lý, chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác AT, VSLĐ các huyện, thành phố và Ban quản lý khu kinh tế; Số người lao động làm các nghề, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về AT, VSLĐ; số người làm công tác AT, VSLĐ được tập huấn nâng cao năng lực và được huấn luyện về AT, VSLĐ | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**:  Hiện tại trên địa bàn tỉnh chưa có làng nghề được công nhận  theo quy định tại Điều 5, điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn[[23]](#footnote-23). Tuy nhiên, hiện nay một số địa phương có một hộ gia đình, đơn vị được hình thành và hoạt động dưới hình thức là làng nghề đang hoạt động chưa phát hiện có nguy cơ cao về TNLĐ, bệnh nghề nghiệp.  Toàn tỉnh hiện có 187 hợp tác xã đang hoạt động, các hợp tác xã trong lĩnh vực giao thông vận tải, xây dựng và nuôi trồng thủy sản là nhóm hợp tác xã có nguy cư cao về TNLĐ đã được tiếp cận thông tin phù hợp về AT, VSLĐ như Luật AT,VSLĐ; huấn luyện AT,VSLĐ; có biện pháp phòng ngừa nguy cơ rủi ro cho người lao động. Có 39 doanh nghiệp với 1.025 người làm các nghề, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về AT, VSLĐ[[24]](#footnote-24) và có 146 người làm công tác AT, VSLĐ[[25]](#footnote-25).  Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã triển khai công tác hỗ trợ huấn luyện AT, VSLĐ làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động trên địa bàn huyện, thành phố[[26]](#footnote-26) thuộc các đối tượng ưu tiên hỗ trợ chi phí huấn luyện AT, VSLĐ[[27]](#footnote-27). Các doanh nghiệp đã tổ chức huấn luyện cho 825 người lao động và 118 người làm công tác AT,VSLĐ; 12/14 người làm công tác y tế tại các doanh nghiệp được huấn luyện AT, VSLĐ. |
|  | Làm rõ tình trạng các đơn vị, doanh nghiệp chưa thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo định kỳ về tình hình tai nạn lao động vẫn tồn tại qua các năm[[28]](#footnote-28); Việc thành lập tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp chậm cải thiện[[29]](#footnote-29). | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**:  Trong năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo công tác AT,VSLĐ[[30]](#footnote-30) và triển khai, thực hiện nghiêm túc trên toàn địa bàn tỉnh; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị, địa phương[[31]](#footnote-31). Theo đó: trong 9 tháng đầu năm 2022 có 29 doanh nghiệp báo cáo về tình hình TNLĐ; tuy nhiên, một số doanh nghiệp chưa quan tâm bố trí nhân sự thực hiện nhiệm vụ báo cáo định kỳ nên việc báo cáo chưa đảm bảo tiến độ theo quy định.  - Việc thành lập tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp chậm cải thiện là do: Đa số là doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ, có tính chất hộ gia đình (*doanh nghiệp có từ 1-5 lao động là 617/933*).  Năm 2022, toàn tỉnh thành lập mới được 11 Công đoàn cơ sở khu vực ngoài nhà nước và 01 đơn vị sự nghiệp công lập nhưng số CĐCS giải thể là 10 CĐCS khu vực ngoài nhà nước nên số tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp năm 2022 bằng năm 2021[[32]](#footnote-32) |
|  | Ngoài những giải pháp đã xác định tại báo cáo, đề nghị UBND tỉnh quan tâm một số vấn đề trong thời gian đến:  - Tiếp tục triển khai, đánh giá công tác an toàn, vệ sinh lao động theo Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động giai đoạn 2021-2025. Từ năm 2023, đề nghị đánh giá và so sánh việc thực hiện các chỉ tiêu về ATVSLĐ hằng năm so với giai đoạn 2021-2025 được xác định tại Kế hoạch 2548/KH-UBND ngày 5/8/2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về ATVSLĐ giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.  - Tiếp tục triển khai công tác ATVSLĐ thích ứng với tình hình dịch Covid-19; công tác thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật ATVSLĐ, nhất là người lao động làm việc không theo hợp đồng và tình hình chấp hành chế độ báo cáo của cơ sở sản xuất, kinh doanh. Tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác an toàn lao động trong các cơ sở kinh doanh xăng dầu, khí gas, khí hóa lỏng, các chợ và Trung tâm thương mại. Kiểm tra hoạt động quản lý và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; hoạt động khai thác khoáng sản tại các doanh nghiệp trên toàn địa bàn tỉnh.  - Quyết liệt trong chỉ đạo hình thành tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp theo luật định; thực hiện quyền lợi cho người lao động trong công tác chăm sóc y tế định kỳ ở những cơ sở có nguy cơ cao mắc bệnh nghề nghiệp.  - Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc khai báo, kiểm định, cấp phép hoạt động đối với các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, đảm bảo 100% trước khi đưa vào sử dụng được kiểm định kỹ thuật an toàn. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Văn hóa - Xã hội, UBND tỉnh sẽ xem xét chỉ đạo cụ thể trong Kế hoạch triển khai Chương trình quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động năm 2023. |
| **10** | **Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023** | |
|  | Qua nghiên cứu, Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với những đánh giá về kết quả thực hiện, tồn tại hạn chế và phương hướng, nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh đặt ra nhằm khắc phục những hạn chế trong năm 2022 và thực hiện có hiệu quả công tác bảo vệ môi trường năm 2023. Bên cạnh đó, Ban đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo một số nhiệm vụ trọng tâm sau:  - Tổ chức triển khai thực hiện tốt Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ngay sau khi các quy hoạch được ban hành.  - Nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Tập trung rà soát, tham mưu trình cấp thẩm quyền ban hành các chính sách, các quy định trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đảm bảo hoàn thiện, thống nhất và đồng bộ để chỉ đạo, tổ chức thực hiện.  - Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục phổ biến pháp luật về công tác bảo vệ môi trường nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường đến với các tầng lớp nhân dân, nhất là việc tuyên truyền người dân tích cực thực hiện hiệu quả tiêu chí môi trường thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.  - Chỉ đạo rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện các giải pháp đã đề ra qua các năm, xử lý triệt để những tồn tại, hạn chế, không để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường kéo dài.  - Trong tình hình ngân sách địa phương còn nhiều khó khăn, cần tăng cường theo dõi, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường một cách hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo chi đúng mục tiêu.  - Huy động các nguồn lực từ Trung ương, nguồn vốn xã hội hóa nhằm phát huy tối đa mọi nguồn lực trong xã hội tham gia bảo vệ môi trường về xử lý rác thải và nước thải; Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa công tác BVMT, khuyến khích doanh nghiệp sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, phát triển mô hình sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường.  - Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động đối với các dự án đầu tư, các đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh có khả năng gây ô nhiễm cao, các cơ sở có quy mô xả thải lớn.  - Đẩy mạnh các hoạt động bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Triển khai có hiệu quả các quy định về bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; thúc đẩy các hoạt động phục hồi thiên nhiên, các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước, bảo tồn các loài chim hoang dã, di cư tại Việt Nam.  - Nghiên cứu giải pháp đồng bộ trong công tác xử lý chất thải, nhất là khâu xử lý chất thải sinh hoạt đang là vấn đề quan tâm tại một số huyện. Tổ chức việc phân loại rác thải tại nguồn; chất thải nguy hại phải được thu gom, xử lý riêng theo đúng quy định; khuyến khích áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại xử lý chất thải thành nguyên liệu, nhiên liệu, các sản phẩm thân thiện môi trường, xử lý chất thải kết hợp với thu hồi năng lượng... hạn chế tối đa việc chôn lấp trực tiếp chất thải.  - Kịp thời kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án “*điều tra, đánh giá, phân loại và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải*” nhằm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về môi trường thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Sớm ban hành các chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ mục tiêu giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường; hướng dẫn cụ thể đối với các nhiệm vụ liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp và kịp thời với quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; nghiên cứu ban hành hướng dẫn về công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải tại chỗ *(quy mô hộ gia đình).* | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế Ngân sách, UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai trên địa bàn tỉnh *(Văn bản số 4904/VP-NNTN ngày 29/11/2022)*. Đồng thời, làm rõ một số nội dung như sau:  *- Về tình hình triển khai thực hiện một số quy định liên quan đến phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Điều 75, 76, 77 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020:* Hiện nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh (*trong đó có nội dung quy định về phân loại cụ thể chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh*). Theo đó, chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh dự kiến sẽ phân thành 03 nhóm: (1) Nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (*Sắt, thép, nhựa, nilong, giấy, thùng carton, xăm lốp hỏng ...*); (2) Chất thải thực phẩm (*Lá, rễ rau củ quả, thịt, cá ôi thiu, thức ăn thừa...*); (3) Chất thải rắn sinh hoạt khác (*gồm: Chất thải cồng kềnh và chất thải trơ*). Dự thảo quy định đã được đăng tải và lấy ý kiến góp ý của các Sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh và đang lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.  *- Về việc thực hiện quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 120 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định: “b) …báo cáo chuyên đề về hiện trạng môi trường địa phương được công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước kỳ họp thường lệ đầu tiên của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của năm tiếp theo.”*  Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 69 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định: Căn cứ những vấn đề bức xúc về môi trường và công tác quản lý nhà nước về môi trường của địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường đề xuất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ đề báo cáo chuyên đề về môi trường của địa phương trước năm lập báo cáo.  Thời gian qua, Sở Tài nguyên và Môi trường chưa đề xuất xây dựng báo cáo chuyên đề về môi trường trên địa bàn tỉnh; Chỉ tổ chức lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 118 Luật Bảo vệ môi trường và Báo cáo tổng quan về hiện trạng môi trường 5 năm theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 120 Luật Bảo vệ môi trường. Trong thời gian đến, tùy tình hình thực tế tại địa phương, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai xây dựng báo cáo chuyên đề về môi trường theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 120 Luật Bảo vệ môi trường. |
| **11** | **Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh năm 2022** | |
|  | Thực hiện tiết kiệm trong đầu tư, mua sắm tài sản nhà nước và các trang thiết bị. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng tài sản công, thực hiện phương án sắp xếp lại tài sản công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thường xuyên cập nhật báo cáo, kê khai biến động tài sản kịp thời vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Thực tế thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính, các đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc việc tổ chức đấu giá công khai, minh bạch khi giao đất, cho thuê đất theo quy định pháp luật. Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, trong thời gian tới UBND tỉnh sẽ thường xuyên chỉ đạo Thủ trưởng các Sở, ban, ngành và các cơ quan chuyên môn có liên quan, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện tốt công tác quản lý, tăng cường thanh tra, kiểm tra trong quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum để kip thời phát hiện sai sót và xử lý tháo gỡ vướng mắc trong lĩnh vực này theo quy định và thẩm quyền. |
|  | Thực hiện nghiêm túc việc đấu giá công khai, minh bạch khi giao đất, cho thuê đất, cấp quyền khai thác tài nguyên; cần phải đánh giá tác động môi trường một cách đầy đủ, nghiêm túc. |
|  | Nâng cao chất lượng trong việc rà soát, tham mưu các vấn đề liên quan đến công tác quản lý nhà nước tại các cơ quan, đơn vị địa phương. |
|  | Chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý các tài sản công theo quy định; đồng thời tháo gỡ vướng mắc trong việc quản lý, sử dụng tài sản công để thực hiện liên doanh liên kết đảm bảo quy định và kịp thời. |
|  | Tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với các hành vi vi phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định([[33]](#footnote-33)). |
| **12** | **Báo cáo Tài chính nhà nước năm 2021 tỉnh Kon Tum** | |
|  | Chỉ đạo thực hiện việc công khai các thông tin trong báo cáo tài chính nhà nước tỉnh đảm bảo theo quy định Điều 14 Nghị định số 25/2017/NĐ-CP của Chính phủ. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế-Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện trong thời gian tới |
|  | Chỉ đạo các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp tục rà soát, cập nhật đầy đủ, chính xác tài sản kết cấu hạ tầng theo phân cấp quản lý, thực hiện nghiêm việc thông tin, báo cáo theo quy định. |
|  | Báo cáo thêm về triển khai dịch vụ công trực tuyến trong quản lý quỹ ngân sách nhà nước, những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị đề xuất; công tác xử phạt theo Nghị định số 63/2019/NĐ-CP; kiến nghị xử lý các chủ đầu tư có khối lượng hoàn thành nhưng không nghiệm thu thanh toán, quyết toán dự án hoàn thành |
| **13** | **Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2022 và kế hoạch tài chính năm 2023 các quỹ ngoài ngân sách địa phương** | |
|  | Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 185/TTr-UBND ngày 09/11/2022, Quỹ Khám chữa bệnh người nghèo *“luỹ kế dự toán Sở Tài chính thông báo cho đơn vị tính đến quý 4 năm 2022 là 11.703 triệu đồng, số còn lại không có nhu cầu sử dụng (hiện đang theo dõi tại ngân sách tỉnh) 2.369 triệu đồng.”*. Tuy nhiên tại Báo cáo số 329/BC-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự kiến đến ngày 31/12/2022 nguồn tài chính tại Quỹ vẫn còn 14.072 triệu đồng. Số liệu báo cáo không đồng nhất. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Dự toán năm 2022 ngân sách tỉnh bố trí cho Quỹ sử dụng là 14.072 triệu đồng; sau khi Sở Tài chính rà soát nhu cầu chi thực tế năm 2022 là 11.703 triệu đồng, phần kinh phí còn thừa 2.369 triệu đồng đã tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh thống nhất điều chỉnh 2.369 triệu đồng sang chi phí tiêm phòng chống Covid-19 tại Thông báo số 66/TB-TTHĐND ngày 15/11/2022. Sở Tài chính tiếp thu và cập nhật lại số liệu báo cáo cho phù hợp. |
|  | Qua số liệu báo cáo, một số quỹ hoạt động chưa hiệu quả *(như:* *Quỹ Bảo trợ trẻ em; Quỹ An ninh trật tự; Quỹ phát triển khoa học công nghệ;...)*, đề nghị báo cáo thêm hoạt động của một số Quỹ tài chính ngoài ngân sách nêu trên. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Quỹ Bảo trợ trẻ em là loại hình quỹ từ thiện, xã hội, do Ủy ban Mặt trận tổ quốc địa phương làm đơn vị chủ quản, bộ máy hoạt động đa phần là kiêm nhiệm, nguồn kinh phí hoạt động chủ yếu từ công tác kêu gọi viện trợ, tài trợ nhưng thực tế các năm qua nguồn viện trợ, tài trợ còn rất hạn chế.  Bên cạnh đó, theo Báo cáo của Sở Khoa và Công nghệ (cơ quan Thường trực quản lý Quỹ), trong năm 2022, trên địa bàn tỉnh không có đối tượng đủ điều kiện để Quỹ KH-CN thực hiện cho vay. Quỹ An ninh trật tự báo cáo nhiệm vụ chi phát sinh trong năm rất ít. |
|  | Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội([[34]](#footnote-34)), Chỉ thị Thủ tướng Chính phủ([[35]](#footnote-35)) về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo: Sở Nội vụ, Sở Tài chính tiếp tục tổ chức thực hiện Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ. |
|  | Thực hiện rà soát các văn bản, quy định có liên quan đến mục tiêu, điều lệ hoạt động, mô hình tổ chức bộ máy, nguồn thu, nhiệm vụ chi của các Quỹ... để sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo đúng quy định. |
|  | Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, nâng cao năng lực cán bộ, đảm bảo quản lý, sử dụng nguồn lực của Quỹ có hiệu quả, công khai, minh bạch; nâng cao tính độc lập và khả năng tự cân đối quỹ, hạn chế phụ thuộc hoàn toàn vào Ngân sách nhà nước. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Nội vụ, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định |
|  | Tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các Quỹ tài chính nhà nước, thực hiện nghiêm chế độ công khai toàn diện, rộng rãi hoạt động của các Quỹ; xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định của pháp luật, trong đó quan tâm thực hiện đúng trình tự, thủ tục sử dụng nguồn quỹ, đảm bảo thu đúng, thu đủ các loại quỹ bắt buộc theo quy định. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Năm 2021, Sở Tài chính đã tổ chức thanh tra, kiểm tra tại Quỹ Khám chữa bệnh người nghèo, Quỹ Vì người nghèo và Quỹ Cứu trợ tại Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh; Quỹ phòng chống thiên tai. Năm 2023, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Thanh tra tỉnh, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan thực hiện thanh tra tại một số Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định. |
| **14** | **Báo cáo về kế hoạch Tài chính - Ngân sách nhà nước 03 năm (2023 - 2025)** | |
|  | - Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, điều chỉnh số liệu khớp đúng với số liệu trong các báo cáo, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính ngân sách,... | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính rà soát số liệu đảm bảo khớp đúng với số liệu trong các báo cáo, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, tài chính ngân sách,... |
| **15** | **Báo cáo kết quả thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023** | |
|  | Nguyên nhân những hạn chế đã được nêu ra trong năm 2021 nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện: Công tác thu thập số liệu, cập nhật phần mềm còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế, thiếu máy móc trang thiết bị hỗ trợ cập nhật phần mềm, thiếu cán bộ chuyên trách cấp cơ sở, thiếu đội ngũ cộng tác viên thôn làng, tổ dân phố làm công tác trẻ em. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Những hạn chế như đã chỉ ra là do một số nguyên nhân như:  - Công tác thu thập số liệu, cập nhật phần mềm còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế là do: một số cán bộ làm công tác trẻ em cấp cơ sở thay đổi; nên công tác thu thập số liệu, cập nhật phần mềm còn gặp nhiều khó khăn, phải tập huấn và tiếp cận việc cập nhật phần mềm duy trì dữ liệu trẻ em.  - Về máy móc thiết bị tại các xã vùng người đồng bào dân tộc thiểu số còn thiếu, máy đã cũ, có nơi 2 người dùng chung một máy; không có cán bộ chuyên trách làm riêng công tác trẻ em; đội ngũ cộng tác viên giao cho Tổ trưởng thôn làng. |
|  | Làm rõ còn 1% trẻ dưới 6 tuổi (khoảng 779 trẻ) chưa được cấp BHYT. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Cơ quan BHXH đã liên thông dữ liệu khai sinh với Bộ Tư pháp nên việc cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi được kịp thời, đúng quy định đạt trên 99%; 1% còn lại rơi vào các trường hợp: một số sản phụ người dân tộc thiểu số sinh con tại nhà chưa đăng ký khai sinh kịp thời; một số hộ gia đình sinh con nhưng chưa đăng ký giấy khai sinh cho trẻ kịp thời (theo *Điều 15, Luật Hộ Tịch quy định làm giấy khai sinh trong vòng 60 ngày*) dẫn đến trẻ em sinh ra sau một thời gian dài (gần 60 ngày) mới đề nghị cấp thẻ. |
|  | Làm rõ cơ sở đánh giá các chỉ tiêu đạt kế hoạch: Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi đạt 18,8%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi đạt 32,7%. Tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống; Tỷ suất tử vong trẻ dưới 01 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống; Tỷ suất tử vong trẻ dưới 05 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống (Đạt hay ước đạt) | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tính đến tháng 10/2022 các chỉ tiêu về: Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi đạt 18,8%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi đạt 32,7%. Tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống; Tỷ suất tử vong trẻ dưới 01 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống; Tỷ suất tử vong trẻ dưới 05 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống, **đạt kế hoạch đề ra**.  Tuy nhiên, kết quả đánh giá chính thức về tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng của các tỉnh trong toàn quốc (trong đó có tỉnh Kon Tum) là do Viện Dinh dưỡng Bộ Y tế đánh giá (trên cơ sở điều tra chọn mẫu ở từng tỉnh) và công bố hàng năm; kết quả đánh giá chính thức về tỷ suất tử vong trẻ hàng năm của tỉnh Kon Tum là do Cục Thống kê tỉnh Kon Tum đánh giá và công bố hàng năm tại Niên giám thống kê. Đến nay, Viện Dinh dưỡng Bộ Y tế và Cục Thống kê tỉnh chưa chính thức công bố các số liệu nêu trên năm 2022, do đó, số liệu nêu tại Báo cáo là số liệu **ước đạt**. |
|  | Làm rõ về đội ngũ làm nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ trẻ em tại khu dân cư do cộng tác viên y tế thôn làng đảm nhiệm tại 42 xã có hệ thống bảo vệ trẻ em tại cộng đồng (410 cộng tác viên được hưởng phụ cấp 100.00đ/tháng do kinh phí địa phương duy trì hỗ trợ). | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Giai đoạn 2012-2016, tổ chức Unicef Việt Nam hỗ trợ triển khai thực hiện hợp phần Bảo vệ trẻ em thuộc Dự án Phát triển trẻ thơ toàn diện tỉnh Kon Tum, trong đó có hỗ trợ xây dựng được 42 hệ thống bảo vệ trẻ em tại cộng đồng. Sau khi dự án kết thúc, để duy trì mô hình này, hằng năm ngân sách tỉnh đã phân bổ cho các địa phương tiếp tục duy trì hoạt động của mô hình *(trong đó có hỗ trợ 100.00đ/tháng cho Cộng tác viên tham gia mô hình hệ thống bảo vệ trẻ em tại cộng đồng)*. |
|  | Kết quả thực hiện các kiến nghị, đề xuất của Ban Văn hóa - Xã hội đã được Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu tại cuộc họp thẩm tra nội dung này của năm 2021: Chỉ đạo việc xây dựng và lồng ghép vào chương trình giáo dục việc đào tạo “bộ kỹ năng số” cho trẻ em theo độ tuổi gồm một số nội dung, kỹ năng như: kiến thức về mạng Internet, mạng xã hội, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin tối thiểu, bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng... Đồng thời, có biện pháp cảnh báo, phòng ngừa các website độc hại tác động xấu đến phát triển nhân cách của trẻ em. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 1315/UBND-KGVX ngày 06/5/2022 chỉ đạo triển khai Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng”[[36]](#footnote-36) và các văn bản chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương triển hiện lồng ghép kiến thức về mạng Internet, mạng xã hội, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin tối thiểu, bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng vào các chương trình, hoạt động có liên quan đến trẻ em[[37]](#footnote-37); chỉ đạo xây dựng Quy chế phối hợp liên ngành về quy trình hỗ trợ, can thiệp xử lý các trường hợp trẻ em bị bạo lực, xâm hại, trong đó có bảo vệ trẻ em an toàn trên môi trường mạng[[38]](#footnote-38)  Theo đó, Sở Thông tin và Truyền thông ban hành văn bản bảo vệ, đảm bảo nhu cầu về tinh thần và vật chất cho trẻ em[[39]](#footnote-39). Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch số 17/KH-SLĐTBXH, ngày 24/2/2022 về việc triển khai thực hiện Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025”.  Bộ Thông tin và Truyền thông đã thành lập “Mạng lưới ứng cứu và bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng” nhằm phối hợp ngăn chặn, gỡ bỏ nhanh chóng, kịp thời các nội dung xâm hại trẻ em trên môi trường mạng *(Sở Thông tin và Truyền thông đã cử 02 công chức tham gia mạng lưới này để phối hợp giải quyết các vấn đề trên địa bàn tỉnh)*. thời gian tới sẽ hình thành “Mạng lưới ứng cứu và bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng” trên địa bàn tỉnh. |
|  | Giải quyết các kiến nghị của Hội đồng trẻ em tại buổi đối thoại giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với Hội đồng trẻ em tỉnh Kon Tum năm 2021 | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 2693/UBND-KGVX ngày 17/8/2022, chỉ đạo các đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ có triển khai thực hiện nhiệm vụ liên quan đến Hội đồng trẻ em, trong đó có nội dung phối hợp với Tỉnh đoàn giải quyết các kiến nghị của tại buổi đối thoại giữa Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh với Hội đồng trẻ em tỉnh. Theo đó, một số đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ có triển khai thực hiện; tuy nhiên nội dung này hiện nay ngành Lao động - Thương binh và Xã hội chưa tổng hợp được.  Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương báo cáo vào buổi đối thoại năm 2022. Để tiện cho công tác theo dõi, đôn đốc thực hiện, sau buổi đối thoại đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét có Kết luận/Thông báo về các nội dung kiến nghị của Hội đồng trẻ em để Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương giải quyết theo quy định. |
| **16** | **Báo cáo kết quả thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022”** | |
|  | Làm rõ mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi xuống 4% (*số liệu ước thực hiện đến cuối năm 2022*) | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:**  Căn cứ Nghị quyết số 25-NQ/HĐND ngày 27/6/2022 của HĐND tỉnh[[40]](#footnote-40), trong đó có giao mục tiêu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi về giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 4%. Theo đó, Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 29/6/2022[[41]](#footnote-41), trong đó có giao mục tiêu thực hiện Chương trình là giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 4%.  Theo số Báo cáo sơ bộ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 trên địa bàn tỉnh[[42]](#footnote-42), tỷ lệ giảm nghèo toàn tỉnh năm 2022 là **4,31%** (đạt 107,75% kế hoạch); tỉnh Kon Tum hiện có 92/102 xã, phường, thị trấn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi[[43]](#footnote-43) (*chiếm 90,20%)*. Như vậy, tỷ lệ giảm nghèo trong vùng đồng bào DTTS&MN gần như tương đồng với tỷ lệ giảm nghèo chung của tỉnh. Mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi xuống 4% (*số liệu ước thực hiện đến cuối năm 2022*) nêu tại Báo cáo là phù hợp. |
|  | Về tiến độ thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 (*bao gồm vốn đầu tư và vốn sự nghiệp*). Ước thực hiện, giải ngân đến ngày 31/12/2022 ? Tỷ lệ vốn đối ứng của các cấp ngân sách | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:**  - Tổng vốn ngân sách trung ương giao năm 2022 thực hiện Chương trình là 471.305 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển 323.925 triệu đồng và vốn sự nghiệp 147.380 triệu đồng. Đến ngày 30/11/2022 thực hiện là: 27.663 triệu đồng; trong đó: Vốn sự nghiệp: 7.645 triệu đồng, vốn đầu tư: 20.018 triệu đồng. Ước thực hiện đến 31/12/2022 giải ngân đạt khoảng 144.447 triệu đồng *(vốn đầu tư phát triển 103.665 triệu đồng, vốn sự nghiệp 40.782 triệu đồng)*, đạt 30,65% dự toán Trung ương giao.  - Tỷ lệ vốn đối ứng của các cấp ngân sách *(vốn đối ứng, lồng ghép):* Trong năm 2022 Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo rà soát các nhiệm vụ có tính chất tương đồng để lồng ghép, đối ứng thực hiện Chương trình (Văn bản số 3541/UBND-KTTH ngày 21 tháng 10 năm 2022). Theo đó, tổng kế hoạch vốn ngân sách địa phương đã cân đối bố trí đối ứng, lồng ghép thực hiện Chương trình 55,204 tỷ đồng Trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 32,393 tỷ đồng; vốn sự nghiệp 22,811 tỷ đồng[[44]](#footnote-44), *(đạt 11,7%)*, cao hơn mức đối ứng tối thiểu quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 của HĐND tỉnh[[45]](#footnote-45). |
|  | Đánh giá việc thực hiện các Danh mục dự án đầu tư thuộc Chương trình năm 2022 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:**  - Tổng số Danh mục dự án đầu tư thuộc Chương trình năm 2022 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua là: 297 danh mục đầu tư[[46]](#footnote-46).  Đến thời điểm 30/11/2022, số danh mục công trình đã bố trí vốn đang thực hiện là 182/297 danh mục công trình đạt tỷ lệ 61,3% tổng số danh mục; số danh mục công trình đề nghị chuyển tiếp năm 2023 là 115/297 danh mục công trình, chiếm tỷ lệ 38,7% tổng số danh mục.  Hiện nay, các ngành, địa phương đang triển khai công tác chuẩn bị đầu tư và một số danh mục đầu tư đã triển khai thi công theo quy định. |
|  | Đến thời điểm hiện nay UBND tỉnh và các huyện, thành phố chưa ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2022; việc tham mưu còn chậm được nêu tại ý 7 trang 6 Báo cáo (khó khăn, hạn chế); việc ban hành văn bản của các Sở ngành chủ trì triển khai thực hiện dự án, tiểu dự án | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:**  - Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2022:  Theo Điều 7 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định nội dung kế hoạch của địa phương gồm *“Dự kiến mức vốn bố trí thực hiện nội dung, hoạt động; danh mục dự án đầu tư, tỷ lệ dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù”*. Để đảm bảo tính thống nhất, sau khi HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về tỷ lệ dự án đầu tư thực hiện theo cơ chế đặc thù (*nội dung này trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 4*), UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan chuyên môn khẩn trương hoàn thiện, trình ban han hành Kế hoạch về triển khai thực hiện Chương trình; Đồng thời, chỉ đạo các địa phương xây dựng Kế hoạch thực hiện chương trình hằng năm theo quy định.  - Về việc tham mưu, ban hành văn bản hướng dẫn của các Sở, ngành: Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch 4427/KH-UBND ngày 14/12/2022 và các Thông tư, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, đến nay các Sở, ban, ngành được giao chủ trì triển khai thực hiện các Tiểu dự án, Dự án đã kịp thời ban hành các Kế hoạch, văn bản hướng dẫn thực hiện các Tiểu dự án, Dự án theo quy định (*Danh mục văn bản chi tiết đã cập nhập tại Phụ lục kèm theo Báo cáo số 339/BC-UBND ngày 10/11/2022*). Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị chưa có tham mưu, hướng dẫn kịp thời, nội dung này UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo đảm bảo thực hiện tốt hơn trong năm 2023. |
| **17** | **Báo cáo kết quả thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022”** | |
|  | 1. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tập trung vào một số giải pháp sau:  - Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa cơ quan chủ trì chương trình và các địa phương trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện chương trình.  - Có kế hoạch, giải pháp cụ thể để duy trì và nâng cao các tiêu chí đối với các xã đã công nhân đạt chuẩn nông thôn mới.  - Chỉ đạo các Sở, ban ngành đề xuất các giải pháp xử lý, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nêu trên đảm bảo thực hiện nguồn vốn đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm phát huy hiệu quả sử dụng nguồn vốn được giao.  - Phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia. Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng đúng quy định pháp luật trong quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chương trình mục tiêu.  - Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với đối tượng, địa bàn để người dân nắm bắt kịp thời về ý nghĩa, mục đích, sự cần thiết của từng Chương trình. Vận động người dân tích cực tham gia đóng góp vào việc thực hiện Chương trình, dự án và tham gia giám sát việc quản lý, sử dụng các công trình đầu tư một cách có hiệu quả.  - Chủ động bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương (cấp tỉnh, huyện, xã); huy động tối đa các nguồn lực đầu tư từ cộng đồng doanh nghiệp, tài trợ của các nhà hảo tâm trong và ngoài nước, đặc biệt là sự tham gia đóng góp của người dân. Tiếp tục thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án hiệu quả để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương. Sử dụng các nguồn vốn đầu tư đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Quan tâm bố trí kinh phí, huy động nguồn lực cho các xã đã đạt chuẩn duy trì các tiêu chí đã đạt hoặc còn nợ tiêu chí.  - Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng các nguồn vốn; triển khai các nhiệm vụ kế hoạch Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 ngay từ những tháng đầu năm, không để tình trạng giải ngân chậm và dồn về những tháng cuối năm như hiện nay. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các ngành, địa phương trong thực hiện Chương trình năm 2023 theo như nội dung đề xuất. |
|  | 2. Đề nghị xem xét bổ sung bảng biểu số liệu đối với xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo bổ sung bảng biểu số liệu đối với xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu |
| **18** | **Báo cáo kết quả thực hiện “Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022”** | |
|  | Đề nghị UBND tỉnh có Kế hoạch làm việc với các Bộ, ngành liên quan để sớm phân bổ kinh phí của Trung ương cho Tiểu dự án 2 của Dự án 3 (Cải thiện dinh dưỡng) | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:**  Tại Báo cáo số 358 /BC-UBND ngày 21/11/2022 và tại buổi làm việc với Đoàn Khảo sát của Trung ương về tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, năm 2022 (*do Đồng chí Lê Văn Thanh, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội làm trưởng đoàn làm việc tại tỉnh kon Tum từ ngày 20 - 23/11/2022*), UBND tỉnh đã đề nghị các Bộ, ngành trung ương quan tâm “Bố trí nguồn vốn để triển khai thực hiện Tiểu dự án 2, dự án 3 (*về cải thiện dinh dưỡn*g) và dự án 5 (v*ề hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo*). Theo đó, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có thông tin nguồn vốn bố trí theo tiến độ chung toàn quốc chương trình MTQGGN năm 2022; Bộ có tiếp thu sẽ cùng các đơn vị có liên quan rà soát, xem trình Chính phủ kế hoạch bổ sung năm 2022 *(hiện nay Chính phủ đang hoàn thiện tờ trình UBTVQH phê duyệt).*  Tiếp thu ý kiến của Ban Văn hoá - Xã hội, UBND tỉnh sẽ theo dõi và chỉ đạo triển khai kịp thời nguồn kinh phí sau khi được Trung ương phân bổ. |
|  | Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hàng năm sát với dự toán ngân sách và khả năng huy động nguồn lực của từng địa phương trong thực hiện từng dự án của Chương trình. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Văn hoá - Xã hội; UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương có liên quan xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hàng năm sát với dự toán ngân sách và khả năng huy động nguồn lực của từng địa phương trong thực hiện từng dự án của Chương trình. |
|  | Chỉ đạo Uỷ ban nhân dân cấp huyện có giải pháp cụ thể để phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng dân cư tham gia vào quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện Chương trình, nhất là tham gia chặt chẽ vào các dự án thành phần của Chương trình. Đồng thời, đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng đúng quy định pháp luật trong quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chương trình. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Văn hoá - Xã hội, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các đơn vị, địa phương nghiên cứu, có giải pháp cụ thể, phù hợp đảm bảo thực hiệu quả Chương trình trong thời gian tới. |
|  | Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đã được bố trí nguồn lực; chỉ đạo chặt chẽ trong công tác phối hợp, nắm bắt, theo dõi và kiểm tra kết quả triển khai Chương trình. Chú trọng giải pháp lồng ghép các dự án khi có cùng nội dung, nhiệm vụ để tránh chồng chéo, trùng lắp. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Văn hoá - Xã hội, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện trong thời gian tới. |
|  | Sớm ban hành quy định về cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo để các địa phương thực hiện; Có giải pháp cụ thể để thực hiện có hiệu quả dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:**  Hiện nay, UBND tỉnh đã giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương xây dựng, tham mưu UBND tỉnh có Quyết định ban hành quy định về cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo theo quy định ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*tại Công văn số 2794/UBND-KTTH ([[47]](#footnote-47)) ngày 25/8/2022*).  Tiếp thu ý kiến của Ban Văn hoá - Xã hội, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các đơn vị, địa phương nghiên cứu, có giải pháp cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương để thực hiện có hiệu quả dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững. |
| **19** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023** | |
| - | Đề nghị UBND tỉnh trên cơ sở Nghị quyết của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2023 để hoàn chỉnh Nghị quyết của HĐND tỉnh, trong đó, chỉ đạo rà soát, cập nhật bổ sung các chỉ tiêu về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 đảm bảo phù hợp với mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 và các chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các Nghị quyết khác có liên quan. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ rà soát lại các chỉ tiêu đảm bảo phù hợp với mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 và các ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các Nghị quyết khác có liên quan. Trong đó, điều chỉnh một số chỉ tiêu theo **kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy *(họp ngày 29 tháng 11 năm 2022)* và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh *(họp ngày 02 tháng 12 năm 2022)*, cụ thể như sau:**  1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 4.500 tỷ đồng;  2. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội từ 27.000 tỷ đồng trở lên (trong đó vốn đầu tư khu vực tư nhân 20.400 tỷ đồng);  3. Diện tích cây Mắc Ca trồng mới 1.000 ha;  4. Trồng mới trên 4.000 ha rừng;  5. Phấn đấu Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) tăng 05 bậc so với năm 2022;  6. Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm giai đoạn 2022 - 2025 ít nhất là 4%, riêng các huyện nghèo giảm trên 6%/năm.  7. Bổ sung chỉ tiêu: Tỷ lệ hộ gia đình ở khu vực nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 93%. |
| **20** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương và phân bổ kết dư ngân sách tỉnh năm 2021** | |
|  | Thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ về bảng biểu quyết toán, tính chính xác và khớp đúng giữa các bảng biểu liên quan. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến ủa Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính rà soát các bảng biểu quyết toán, đảm bảo tính chính xác và khớp đúng giữa các bảng biểu liên quan. |
|  | Kiểm tra, rà soát chỉnh lý số liệu quyết toán ngân sách địa phương năm 2021 sau thời điểm kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Số liệu báo cáo quyết toán trình HĐND tỉnh kỳ họp thứ 4, Khóa XII khớp đúng với số liệu đã được Kiểm toán Nhà nước Khu vực XII xác nhận tại Biên bản kiểm toán ngày 21/11/2022. |
| **21** | **Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2022; dự thảo Nghị quyết về dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách tỉnh năm 2023** | |
|  | Tiếp tục chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 đảm bảo chặt chẽ, đồng bộ, tuân thủ quy định pháp luật. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính, Cục Thuế phối hợp các ngành, địa phương có liên quan, trong quá trình tổ chức điều hành thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện có hiệu quả các giải pháp khai thác nguồn thu, chống thất thu trong các lĩnh vực, phấn đấu thu đạt dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. |
|  | Chỉ đạo các ngành, địa phương phối hợp với cơ quan thuế mình tăng cường công tác quản lý thu, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra thuế chống thất thu, trốn thuế; quản lý chặt chẽ công tác hoàn thuế, đảm bảo hoàn thuế đúng đối tượng và chế độ hiện hành, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp trốn, gian lận thuế, chây ỳ trong thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước. Thực hiện tốt các giải pháp khai thác nguồn thu, chống thất thu trong lĩnh vực đất đai, hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản, hoạt động xăng dầu, kinh doanh bất động sản, hoạt động xây dựng cơ bản vãng lai, vận tải hàng hóa; giữ ổn định mức nợ đọng thuế dưới 5% tổng thu NSNN trên địa bàn; đôn đốc thu nộp NSNN các khoản theo kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán nhà nước theo quy định. |
|  | Chỉ đạo việc quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, thanh quyết toán đảm bảo đúng quy định. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị địa phương được phân bổ vốn nhằm triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất, tuân thủ các quy định, hướng dẫn có liên quan của cơ quan cấp trên. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan, địa phương liên quan tăng cường hơn nữa việc kiểm tra, giám sát sử dụng hiệu quả nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia được phân bổ. |
|  | Chỉ đạo kiểm tra rà soát các tồn tại, hạn chế, triển khai thực hiện các đề xuất, kiến nghị qua giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực HĐND, các Ban HĐND đối với các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngân sách trong năm 2022. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các đơn vị, địa phương tiếp tục rà soát các tồn tại, hạn chế, triển khai thực hiện các đề xuất, kiến nghị qua giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND đối với các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngân sách trong năm 2022 |
|  | Chỉ đạo đánh giá kết quả thu ngân sách năm 2022, thực hiện dự toán thu ngân sách năm 2023, kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc và giải pháp thực hiện, phấn đấu thu đạt dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính, Cục Thuế phối hợp các ngành, địa phương có liên quan, trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc và giải pháp thực hiện, đảm bảo phấn đấu thu đạt dự toán HĐND tỉnh giao. |
|  | Hiện nay, biên chế hành chính năm 2023 chưa được cấp thẩm quyền giao, đề nghị báo cáo làm rõ cơ sở xây dựng dự toán chi lương và các hoạt động khác. Bên cạnh đó, từ ngày 01/7/2023, mức lương cơ sở tăng 1.800.000 đồng, như vậy dự toán bổ sung như thế nào. Đề nghị báo cáo thêm. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Việc xây dựng và phân bổ dự toán được thực hiện theo đúng Thông tư hướng dẫn số 47/2022/TT-BTC ngày 29/7/2022 của Bộ Tài chính, theo đó biên chế và quỹ tiền lương được tính có mặt đến thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2022 để xác định dự toán chi thường xuyên năm 2023. Từ ngày 01/7/2023, mức lương cơ sở tăng 1.800.000 đồng, Bộ Tài chính sẽ ban hành Thông tư hướng dẫn phương thức xác định nhu cầu và nguồn thực hiện, trường hợp địa phương không đủ nguồn cân đối, Bộ Tài chính cấp bổ sung. |
|  | Đề nghị rà soát, điều chỉnh các nhiệm vụ chi liên quan đến Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Ngày 25 tháng 11 năm 2022 Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã có Thông báo số 70/TB-TTHĐND, trong đó *thống nhất để UBND tỉnh xây dựng, trình HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn (trong đó có tích hợp chính sách về hỗ trợ đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh). Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng Tờ trình về đề nghị xây dựng Nghị quyết và Tờ trình về dự thảo nghị quyết này (****trong đó có nội dung đánh giá, tổng kết Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh*** *về đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030) theo đúng quy trình, quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật*. Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ điều chỉnh giảm chi bổ sung có mục tiêu 1.000 triệu đồng cho 02 huyện (Đăk Glei và Tu Mơ Rông) thực hiện đề án phát triển và chế biến dược liệu, tăng chi khác ngân sách tỉnh 1.000 triệu đồng để xử lý các nhiệm vụ phát sinh cần thiết trong năm theo quy định. |
|  | Đối với nguồn vốn đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia từ nguồn vốn sự nghiệp, đề nghị xem xét bổ sung quy định cụ thể để các cơ quan triển khai thực hiện đồng bộ. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tại Biểu số 07 kèm Tờ trình số 204/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh, trong đó có ghi chú cụ thể nguồn vốn lồng ghép, đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Sở Tài chính đã bổ sung quy định cụ thể đối ứng các Chương trình mục tiêu quốc gia từ nguồn vốn sự nghiệp NSĐP tại hệ thống biểu mẫu kèm theo dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh để các cơ quan, địa phương triển khai thực hiện đồng bộ. |
|  | Chỉ đạo rà soát, cập nhật, điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách đảm bảo phù hợp với số liệu dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao, Nghị quyết Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đảm bảo số liệu phân bổ dự toán bám sát theo nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi từng cấp ngân sách, khớp đúng giữa dự toán thu, chi và các nội dung liên quan đến kế hoạch đầu tư công trong năm 2023, Kế hoạch vay, trả nợ công năm 2023 và Kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023. Đồng thời, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác về thông tin, số liệu. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, sau khi dự toán năm 2023 được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao chính thức và Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh đảm bảo số liệu phân bổ dự toán theo nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi từng cấp ngân sách, khớp đúng giữa dự toán thu, chi và các nội dung liên quan đến kế hoạch đầu tư công trong năm 2023 và Kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023. Trong đó, tiếp thu ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư cập nhật bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 đảm bảo thống nhất số liệu liên quan, cụ thể như sau:  a) Về giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh 4.500.000 triệu đồng, tăng thêm 300.000 triệu đồng *(so với số liệu tại Tờ trình số 204/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)* từ các dự án khai thác quỹ đất và tài sản trên đất, trong đó, tăng thu tiền sử dụng đất 246.984 triệu đồng, tăng thu tiền thuê đất 45.094 triệu đồng, tăng thu tiền bán tài sản trên đất 7.922 triệu đồng.  b) Giao dự toán thu ngân sách tăng thêm 300.000 triệu đồng sẽ tăng chi ngân sách cấp tỉnh tương ứng 300.000 triệu đồng *(so với số liệu tại Tờ trình số 204/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)* được phân bổ như sau:  - Trích 2% bổ sung nguồn dự phòng ngân sách tỉnh theo quy định Luật NSNN: 6.000 triệu đồng  - Trích 70% tăng thu tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định: 37.111 triệu đồng  - Trích 10% chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ: 29.208 triệu đồng.  - Trích 2% bổ sung Quỹ phát triển đất tỉnh: 4.940 triệu đồng.  - Số còn lại được phân bổ chi đầu tư: 222.741 triệu đồng  c) Về phân bổ kinh phí đảm bảo trật tư an toàn giao thông trung ương bổ sung mục tiêu năm 2023: 2.644 triệu đồng.  Theo báo cáo của Sở Giao thông vận tải([[48]](#footnote-48)), tại thời điểm ngày 18 tháng 10 năm 2022 Trung ương chưa có hướng dẫn quy định phân bổ nguồn Trung ương bổ sung cho công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông. HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021([[49]](#footnote-49)) cho phép tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 43/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh([[50]](#footnote-50)) cho đến khi có văn bản mới. Do vậy cơ chế phân bổ kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông năm 2023 vẫn tiếp tục áp dụng theo Nghị quyết số 43/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh, theo đó, Sở Giao thông vận tải đề nghị phân bổ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông năm 2023 (2.644 triệu đồng) theo tỷ lệ quy định như sau:  - 70% cho lực lượng Công an tỉnh: 1.851 triệu đồng;  - 30% cho các lực lượng khác của tỉnh tham gia công tác bảo đảm trật tự ATGT, cụ thể: Ban An toàn giao thông tỉnh: 264 triệu đồng (10%); Thanh tra Sở Giao thông vận tải: 132 triệu đồng (5%); UBND các huyện, thành phố: 264 triệu đồng (10%); Các lực lượng khác: 132 triệu đồng (5%).  Ngày 02/12/2022 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1506/QĐ-TTg về việc giao dự toán năm 2023, trong đó, tại điểm d, khoản 3, Điều 2 quy định: “*Căn cứ số thu xử phạt vi phạm hành chính thực tế năm trước liền kề năm hiện hành, bố trí 79% cho Bộ Công an để thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông của lực lượng công an, 21% còn lại bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương để chi cho các lực lượng khác của địa phương (lực lượng thanh tra giao thông; Ban an toàn giao thông tỉnh, thành phố...,* ***địa phương không thực hiện hỗ trợ lực lượng công an địa phương do Bộ Công an đảm bảo****).*  Như vậy, nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tư an toàn giao thông tại địa phương năm 2023 **không** hỗ trợ cho Công an tỉnh Kon Tum mà do Bộ Công an đảm bảo *(Trung ương giao dự toán qua Bộ Công an).*  Để đảm bảo phân bổ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tư an toàn giao thông năm 2023 theo đúng quy định của Trung ương; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép điều chỉnh, cập nhật lại số liệu phân bổ kinh phí cho các lực lượng thanh tra giao thông, Ban an toàn giao thông và các lực lượng khác, không phân bổ kinh phí này cho Công an tỉnh do Bộ Công an đảm bảo và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết kèm theo số liệu các biểu mẫu liên quan, cụ thể: Điều chỉnh giảm số phân bổ cho Công an tỉnh: 1.851 triệu đồng; điều chỉnh tăng 1.851 triệu đồng cho Thanh tra giao thông, Ban an toàn giao thông tỉnh, các lực lượng khác và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố *(Chi tiết tại biểu kèm theo).* |
|  | Rà soát biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định. |
| **22** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết về kế hoạch vay, trả nợ công năm 2023** | |
|  | Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định. |
| **23** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công năm 2023** | |
|  | Báo cáo về nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2022 đến thời điểm hiện nay, tổng kinh phí đã bố trí, số dự án được bố trí, số dự án chưa được bố trí vốn;… | **UBND tỉnh báo cáo, làm rõ như sau:** Thực nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2022 đến thời điểm hiện nay phân bổ cho các dự án được khoảng 380.650 triệu đồng, chỉ đạt 59,4% kế hoạch đã giao (380.650 triệu đồng/641.036 triệu đồng). Số dự án đã được thông báo chi tiết kế hoạch năm 2022 là 19 dự án, số dự án chưa được phân bổ là 04 dự án([[51]](#footnote-51)). |
|  | Báo cáo về việc trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh thời gian bố trí vốn đối với 04 dự án. Các dự án trên đã đảm bảo hồ sơ thủ tục, điều kiện để Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh thời gian bố trí vốn theo quy định Luật đầu tư công chưa. | **UBND tỉnh báo cáo, làm rõ như sau:**  - Khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công 2019 có quy định: *“Các chương trình, dự án* ***đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới*** *phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm.*  *Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, Thủ tướng Chính phủ quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương,* ***Hội đồng nhân dân cấp tỉnh*** *quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương”*.  - Trên cơ sở rà soát của các đơn vị, địa phương thì dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 có 04 dự án cần tiếp tục được bố trí vốn để thực hiện đầu tư hoàn thành dự án, tuy nhiên, việc bố trí kế hoạch vốn thực hiện trong năm 2023 sẽ vượt quá thời gian bố trí vốn theo quy định. Trong khi đó, các dự án này đều đã được cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án, được bố trí kế hoạch vốn để triển khai thực hiện (*chi tiết thông tin từng dự án có tại Phụ lục kèm theo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh*). Do đó, để có cơ sở tiếp tục được bố trí kế hoạch vốn thực hiện hoàn thành các dự án trong năm 2023 thì việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương (*bao gồm cả ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện*) đã quá thời gian bố trí vốn theo quy định là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công 2019. |
|  | Rà soát, điều chỉnh bổ sung đầy đủ cơ sở pháp lý, thủ tục đầu tư các dự án dự kiến phân bổ vốn thực hiện trong năm 2023 theo quy định của Luật Đầu tư công; đưa ra khỏi danh mục Kế hoạch đầu tư công năm 2023 những dự án chưa đảm bảo hồ sơ thủ tục theo quy định của Luật đầu tư công và đề xuất điều chỉnh kinh phí (nếu có). | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:**  Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo rà soát, điều chỉnh bổ sung đầy đủ cơ sở pháp lý, thủ tục đầu tư các dự án dự kiến phân bổ vốn thực hiện trong năm 2023 theo quy định của Luật Đầu tư công.  Đồng thời, qua rà soát, đến thời điểm hiện nay, có 02 dự án chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định như dự kiến, gồm:  (1) Nhà bia tưởng niệm liệt sĩ huyện Ia H’Drai (Nhà bia và các hạng mục phụ trợ) thuộc nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất điều chỉnh 4.000 triệu đồng dự kiến bố trí cho dự án này sang bổ sung cho dự án Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh Kon Tum (dự án chuyển tiếp, tăng từ 10.000 triệu đồng lên 14.000 triệu đồng).  (2) Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum từ bệnh viện hạng II lên bệnh viện hạng I quy mô 750 giường bệnh (giai đoạn 2) thuộc nguồn vốn xổ số kiến thiết: hiện nay, chưa đủ thủ tục nên đề xuất chưa phân bổ 25.000 triệu đồng dự kiến phân bổ cho dự án. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất nâng tổng kế hoạch ngân sách địa phương năm 2023 chưa phân bổ tăng lên 25.000 triệu đồng, cụ thể từ 88.000 triệu đồng tăng lên 113.000 triệu đồng. |
|  | Chỉ đạo rà soát, cập nhật, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2023 đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, chủ trương của Tỉnh ủy, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; số liệu khớp đúng, đồng bộ giữa Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2023 và phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2023. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo rà soát, cập nhật, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2023 đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, chủ trương của Tỉnh ủy, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; số liệu khớp đúng, đồng bộ giữa Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2023 và phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2023. |
|  | Đề nghị tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị được giao chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị được giao chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023. |
|  |  | Bên cạnh đó, tại Công văn số 760-CV/TU ngày 01 tháng 12 năm 2022, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cơ bản thống nhất dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 của tỉnh; đồng thời, trên cơ sở dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (**4.500 tỷ đồng**) đề nghị rà soát, xây dựng phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2023 cho phù hợp. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị hoàn thiện phương án phân bổ nguồn ngân sách địa phương năm 2023 và hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, theo đó, một số nội dung thay đổi như sau:  a) Tổng nguồn thu năm 2023 là 4.500.000 triệu đồng (tăng 300.000 triệu đồng), do đó nguồn thu tiền sử dụng đất, thuê đất, tiền bán tài sản trên đất từ các dự án khai thác quỹ đất tỉnh giao tăng thêm trong kế hoạch đầu tư công tăng lên 256.889 triệu đồng (từ 1.268.552 triệu đồng lên 1.525.441 triệu đồng) so với phương án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 209/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022, vì vậy làm thay đổi phương án phân bổ phương án phân bổ nguồn thu đất và kế hoạch đầu tư công năm 2023.  b) Các nội dung thay đổi của kế hoạch đầu tư công năm 2023: Tổng kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2023 là 2.211.678 triệu đồng (tăng 256.889 triệu đồng), trong đó: số vốn phân bổ chi tiết là 1.875.937 triệu đồng (tăng 9.148 triệu đồng); số vốn chưa phân bổ chi tiết là 335.741 triệu đồng (tăng 247.741 triệu đồng), cụ thể:  - Tăng Chi quản lý đất đai tại tỉnh (thuộc nguồn thu tiền sử dụng đất, thuê đất, tiền bán tài sản trên đất từ các dự án khai thác quỹ đất tỉnh giao tăng thêm) tăng từ 91.473 triệu đồng thành 120.681 triệu đồng (tăng 29.208 triệu đồng)  - Tăng mức bổ sung Quỹ phát triển đất (thuộc nguồn thu tiền sử dụng đất, thuê đất, tiền bán tài sản trên đất từ các dự án khai thác quỹ đất tỉnh giao tăng thêm) tăng từ 16.593 triệu đồng thành 21.533 triệu đồng (tăng 4.940 triệu đồng)  - Tăng mức vốn chưa phân bổ chi tiết nguồn thu tiền sử dụng đất từ 88.000 triệu đồng thành 310.741 triệu đồng (tăng 222.741 triệu đồng).  - Các nội dung khác của kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2023 không thay đổi so với phương án được Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân tỉnh tại Tờ trình số 209/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022. |
| **24** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định điều kiện về diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | |
|  | Báo cáo cơ sở đề xuất chọn diện tích nhà ở cho thuê, cho mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh hiện nay tối thiểu là 10m2 sàn/người. Qua thảo luận các đại biểu đề nghị cân nhắc xác định diện tích tối thiểu nhà ở cho thuê, cho mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và đúng qui định, tạo điều kiện cho người dân có nhu cầu đăng ký thường trú; tương đồng với các tỉnh lân cận. | Tiếp thu ý kiến thẩm tra và ý kiến thảo luận các đại biểu, để tạo điều kiện cho công dân đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ và đảm bảo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 20 Luật Cư trú, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉnh sửa lại Điều 3 dự thảo Nghị quyết thành: “*Điều kiện diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh Kon Tum là* ***08m2 sàn/người***.”. Với diện tích nhà nêu trên là đảm bảo tính tương đồng quy định điều kiện diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ của các tỉnh lân cận[[52]](#footnote-52). |
|  | -Biên tập lại Điều 4 như sau: *"****Điều 4. Tổ chức thực hiện*** *1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện. 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực từ ngày...tháng...năm 2022./.* | Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và đã biên tập lại Điều 4 của dự thảo Nghị quyết. |
|  | Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết đúng thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ | Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và đã rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết đúng thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. |
| **25** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định địa bàn hạch toán số thu ngân sách nhà nước từ nguồn thu thuế giá trị gia tăng khấu trừ công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | |
|  | Bổ sung điều khoản “**phạm vi điều chỉnh**” và “**đối tượng áp dụng**” vào dự thảo Nghị quyết; đồng thời, bổ sung cụm từ “*(thuộc diện khấu trừ)*” vào nội dung tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:  *“****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng***  *1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định địa bàn hạch toán số thu ngân sách nhà nước từ nguồn thu thuế giá trị gia tăng khấu trừ theo tỷ lệ quy định là 1% trên doanh thu (thuộc diện khấu trừ) chưa có thuế giá trị gia tăng đối với khối lượng hoàn thành của các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản (sau đây gọi chung là công trình liên huyện, thành phố hoặc công trình ở huyện, thành phố khác với nơi nhà thầu đóng trụ sở) bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.*  *2. Đối tượng áp dụng: ....”* | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định. |
|  | Đề nghị điều chỉnh bỏ các nội dung mang tính hướng dẫn thủ tục hành chính theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kho bạc nhà nước không thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định. |
|  | Đề nghị xem xét biên tập Điều 1 dự thảo Nghị quyết đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 80/2021/TT-BTC theo hướng chủ đầu tư có trách nhiệm xác định doanh thu của công trình chưa có thuế giá trị gia tăng theo từng huyện, thành phố gửi Kho bạc Nhà nước để hạch toán…; đồng thời xem xét bổ sung nội dung *“Trường hợp có khó khăn, vướng mắc về xác định doanh thu của công trình theo từng huyện, thành phố thì chủ đầu tư có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.”*. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định. |
|  | Đề nghị rà soát, biên tập “Tổ chức thực hiện” và “Điều khoản thi hành” theo Mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định. |
|  | Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết đúng thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định. |
| **26** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | |
|  | Biên tập điểm a Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết như sau:  *"a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, công tác phí trong nước: Thực hiện mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị, chế độ đón tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019; Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 và khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 35/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ Nghị quyết, nội dung trong Nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành".* | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định. |
|  | Rà soát các mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Thông tư số 43/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính cho phù hợp, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời tại điểm c Khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết xem xét về đề xuất mức chi “báo cáo định kỳ: 5.000.000 đồng/báo cáo” có đúng qui định không. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định. |
|  | Xem xét điều chỉnh bỏ nội dung tại điểm d Khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định. |
|  | Đề nghị rà soát, biên tập “**Tổ chức thực hiện”** và **“Điều khoản thi hành”** theo Mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định. |
|  | Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định. |
| **27** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết sửa đổi Điều 2 Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | |
|  | Đối với phần kinh phí tăng thêm của khối huyện (*bình quân mỗi huyện khoảng 135 triệu đồng*)([[53]](#footnote-53)), đề nghị Ủy ban nhân dân chỉ đạo các huyện/thành phố cân đối, bố trí phần Ngân sách tăng thêm đảm bảo thực hiện hiệu quả, đúng quy định theo phân cấp quản lý NSNN tại Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 ban hành Quy định về phân cấp NSNN tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2025. | Đối với phần kinh phí tăng thêm của khối huyện: Sở Tài chính đã đề nghị các huyện, thành phố xây dựng dự toán phần kinh phí tăng thêm cho năm 2023 (*theo mức quà tặng của dự thảo của Nghị quyết sửa đổi Điều 2 Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND*[[54]](#footnote-54)) và gửi Sở Tài chính để tham mưu theo quy định.  Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các huyện/thành phố triển khai thực hiện sau khi Nghị quyết được ban hành. |
|  | Đề nghị gộp khoản 3, khoản 4 Điều 1 dự thảo Nghị quyết; đồng thời rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. | Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết (*kèm theo*). |
| **28** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | |
|  | Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy định mức phân bổ theo dự thảo Nghị quyết lấy bằng mức quy định tại Thông tư số 42/2022/TT-BTC và cao hơn nhiều so với Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2015. Tuy nhiên, kinh phí xây dựng VBQPPL hàng năm phân bổ trong định mức chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan nên sẽ rất khó khăn trong việc cân đối bố trí kinh phí của các đơn vị để thực hiện nhiệm vụ xây dựng VBQPPL được giao([[55]](#footnote-55)). Trên cơ sở ý kiến thảo luận, đề xuất của đại biểu tại cuộc họp, đề nghị xem xét mức phân bổ theo đề xuất của Sở Tài chính([[56]](#footnote-56)) *(mức phân bổ bằng khoảng 67-80% so mức quy định tại Thông tư số 42/2022/TT-BTC và có tăng trưởng hợp lý so mức quy định cũ tại Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh([[57]](#footnote-57)))*, trong đó xem xét điều chỉnh tăng mức phân bổ đối với nội dung *“Quyết định ban hành mới hoặc thay thế và sửa đổi, bổ sung Quyết định của UBND huyện”*cho phù hợp. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh điều chỉnh mức phân bổ, như sau:  1. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân được ban hành mới hoặc thay thế:  a) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân: Cấp tỉnh: 20.000.000 đồng/dự thảo; Cấp huyện: 10.000.000 đồng/dự thảo; Cấp xã: 8.000.000 đồng/dự thảo.  b) Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân: Cấp tỉnh: 14.000.000 đồng/dự thảo; Cấp huyện: 8.500.000 đồng/dự thảo; Cấp xã: 6.400.000 đồng/dự thảo.  2. Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân sửa đổi, bổ sung:  a) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân: Cấp tỉnh: 16.000.000 đồng/dự thảo; Cấp huyện: 8.000.000 đồng/dự thảo; Cấp xã: 6.400.000 đồng/dự thảo.  b) Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân: Cấp tỉnh: 11.200.000 đồng/dự thảo; Cấp huyện: 6.900.000 đồng/dự thảo; Cấp xã: 5.100.000 đồng/dự thảo.  3. Các quy định về nội dung chi, mức chi, lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí và các quy định khác liên quan đến công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hiện theo quy định tại Thông tư số [338/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-338-2016-tt-btc-lap-du-toan-kinh-phi-ngan-sach-xay-dung-van-ban-quy-pham-phap-luat-316082.aspx) ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [338/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-338-2016-tt-btc-lap-du-toan-kinh-phi-ngan-sach-xay-dung-van-ban-quy-pham-phap-luat-316082.aspx) ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật. |
|  | Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tư pháp hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết, điều chỉnh “Điều 3. Tổ chức thực hiện” theo đúng quy định. |
| **29** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Phụ lục 02 ban hành kèm theo Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 Quy định mức chi hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | |
|  | Điều chỉnh tên gọi dự thảo Nghị quyết, biên tập như sau: **“Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Kon Tum”.** | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định. |
|  | Điều chỉnh tiêu đề Điều 1 dự thảo Nghị quyết, biên tập như sau: ***“Điều 1.******Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 02 Khoản 1 Điều 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi hỗ trợ, mức tặng quà cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh Kon Tum”.*** | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định. |
|  | - Rà soát, điều chỉnh cụm từ trong Khoản 1 và Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết cụ thể như sau:  + “*Mức hỗ trợ hộ nghèo…*” thành “*Hỗ trợ hộ nghèo…*;  + “*Mức hỗ trợ hộ cận nghèo…*” thành “*Hỗ trợ hộ cận nghèo…*”. |
|  | - Bổ sung căn cứ: *“Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025”.* |
|  | - Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết đúng thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. |
| **30** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết về việc bãi bỏ các Nghị quyết về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Kon Tum giai đoạn 2012 - 2020 và định hướng đến năm 2030 do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành** | |
|  | Đề nghị biên tập lại tên gọi của dự thảo Nghị quyết (*theo quy định tại Mẫu số 42 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP)* như sau: “*Nghị quyết bãi bỏ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Kon Tum giai đoạn 2012 - 2020 và định hướng đến năm 2030*”. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và đã biên tập lại tên gọi của dự thảo. |
|  | Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết đúng thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và đã rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo. |
| **31** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2030** | |
|  | Theo Quy định tại khoản 2a, Điều 4 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP (*được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 30/2021/NĐ-CP)*: *a)* *Trước thời hạn 06 tháng, tính đến khi hết giai đoạn thực hiện chương trình phát triển nhà ở theo quy định đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải tổ chức xây dựng chương trình phát triển nhà ở mới để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua theo quy định của pháp luật về nhà ở; sau khi chương trình phát triển nhà ở được thông qua, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải phê duyệt chương trình và tổ chức xây dựng, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương theo quy định của pháp luật về nhà ở*.”  Đề nghị báo cáo nguyên nhân vì sao chậm trễ trong việc xây dựng trình HĐND tỉnh xem xét thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 – 2030? Báo cáo làm rõ trách nhiệm cơ quan đơn vị liên quan. | **Ủy ban nhân dân tỉnh giải trình như sau:**  Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Kon Tum giai đoạn 2012 - 2020 và định hướng đến năm 2030 được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết: số 09/2012/NQ-HĐND ngày 10 tháng 4 năm 2012, số 12/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019.  Ngày 26 tháng 3 năm 2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 30/2021/NĐ-CP, tại khoản 1 Điều 1 **bổ sung** quy định *“Trước thời hạn 06 tháng, tính đến khi hết giai đoạn thực hiện Chương trình phát triển nhà ở theo quy định đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải tổ chức xây dựng chương trình phát triển nhà ở mới để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua theo quy định của pháp luật về nhà ở”.*  Trong năm 2021, Bộ Xây dựng triển khai lập Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2021. Đây là một trong những cơ sở quan trọng cho việc tổ chức lập Chương trình phát triển nhà ở toàn tỉnh *(quy định các mục tiêu cụ thể phát triển diện tích nhà ở, chất lượng nhà ở…).* Đồng thời, tại thời điểm này, tình hình dịch bệnh Covid19 còn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến việc khảo sát, thu thập tài liệu,… làm chậm tiến độ chung lập Chương trình phát triển nhà ở.  Mặt khác, để tháo gỡ các vướng mắc, bất cập cho các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện, ngày 13 tháng 3 năm 2022, Bộ Xây dựng có Văn bản số 820/BXD-QLN hướng dẫn xây dựng, điều chỉnh Chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021 - 2030.  Từ các nguyên nhân nêu trên, nên việc xây dựng Chương trình, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua có chậm trễ.  Ủy ban nhân dân tỉnh xin rút kinh nghiệm về việc chậm trễ nêu trên. |
|  | Đề nghị rà soát, phân tích cơ sở xác định các mục tiêu phát triển nhà ở giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; việc xác định mục tiêu phát triển nhà ở công vụ có phù hợp không. Trường hợp không có thì đề nghị không đặt vấn đề phát triển nhà ở công vụ trong giai đoạn này. Bên cạnh đó qua tham khảo các tỉnh đã ban hành Chương trình phát triển nhà ở thì hầu như không có mục tiêu phát triển nhà ở công vụ | Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và giải trình như sau:  **1. Về cơ sở xác định các mục tiêu phát triển nhà ở giai đoạn 2021 - 2030:**  Chỉ tiêu nhà ở trên địa bàn tỉnh được dự báo dựa trên cơ sở dự báo về sự gia tăng dân số, chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân từng giai đoạn, nhu cầu nhà ở (*bao gồm dự án xây dựng nhà ở nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ, nhà ở để phục vụ tái định cư* *và các vị trí, khu vực dự kiến phát triển dự án nhà ở*),…[[58]](#footnote-58)  Danh mục các dự án đầu tư xây dựng nhà ở nêu trên, Sở Xây dựng sẽ cụ thể hóa trong Kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Nhà ở[[59]](#footnote-59) và hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Văn bản số 820/BXD-QLN ngày 14 tháng 03 năm 2022[[60]](#footnote-60).  **2. Về xác định mục tiêu phát triển nhà ở công vụ**  Chỉ tiêu xây dựng nhà công vụ xác định trong nội dung Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025 là cho các đối tượng: *(i)* Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được điều động, luân chuyển theo yêu cầu quốc phòng, an ninh, trừ đối tượng mà pháp luật quy định phải ở trong doanh trại của lực lượng vũ trang; *(ii)* Giáo viên đến công tác tại khu vực nông thôn, xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới; *(iii)* Bác sĩ, nhân viên y tế đến công tác tại khu vực nông thôn, xã vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới và các đối tượng khác theo quy định.  Qua khảo sát, nhu cầu trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn đến năm 2025 là 2.500 m2 sàn, giai đoạn đến 2030 là 3.350 m2 sàn *(số liệu do Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh cung cấp).*  Để đảm bảo nhu cầu về nhà ở cho các đối tượng nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh giải trình và đề nghị giữ lại chỉ tiêu phát triển nhà ở công vụ. Tuy nhiên, tiếp thu ý kiến thẩm tra, Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối lại nguồn vốn trong Chương trình theo hướng không dùng vốn ngân sách nhà nước xây dựng nhà công vụ. |
|  | Về chất lượng nhà ở toàn tỉnh, đề nghị bám theo các quy định, hướng dẫn của Trung ương và Chiến lược phát triển nhà ở Quốc gia[[61]](#footnote-61), để xác định mục tiêu chất lượng nhà ở toàn tỉnh cho phù hợp với quy định theo từng giai đoạn, trong đó xem xét điều chỉnh bỏ mục tiêu “*nhà ở bán kiên cố*” vì loại hình này không có trong quy định và Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 | Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và biên tập mục tiêu chất lượng nhà ở lại khoản 2 Điều 1 Dự thảo Nghị quyết thành:  *a) Giai đoạn đến năm 2025*  *…*  *- Chất lượng nhà ở toàn tỉnh:* *Phấn đấu tăng tỷ lệ nhà ở kiên cố trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 40% (trong đó khu vực đô thị đạt khoảng 50%, khu vực nông thôn đạt khoảng 35%), giảm tỷ lệ nhà ở thiếu kiên cố và nhà ở đơn sơ.*  *b) Giai đoạn đến năm 2030*  *…*  *- Chất lượng nhà ở toàn tỉnh: Phấn đấu tăng tỷ lệ nhà ở kiên cố trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 85% (trong đó khu vực đô thị đạt 100%, khu vực nông thôn đạt khoảng 70%), không để phát sinh nhà ở đơn sơ trong khu vực đô thị*”. |
|  | Đề nghị báo cáo thực trạng nhà ở hiện nay trên địa bàn tỉnh, kết quả thực hiện các chỉ tiêu về nhà ở giai đoạn 2012-2020; những thuận lợi, khó khăn thách thức. Trên cơ sở đó xác định các chỉ tiêu phát triển nhà ở cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, giải pháp thực hiện nhằm đạt được các chỉ tiêu đề ra. | Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến và báo cáo cụ thể như sau:  **1. Về hiện trạng nhà ở, kết quả thực hiện các chỉ tiêu về nhà ở giai đoạn 2012-2020:**  - Tính đến năm 2020, toàn tỉnh có 142.473 căn nhà ở, chủ yếu là nhà ở riêng lẻ, loại hình nhà ở chung cư phát triển tại thành phố Kon Tum. Tỷ lệ nhà kiên cố đạt 18,3%.  - Tổng diện tích sàn nhà ở năm 2020 đạt 11.779.674 m2. Diện tích nhà bình quân toàn tỉnh đạt 21,2 m2 sàn/người (*trong đó nhà ở đô thị bình quân đạt khoảng 29 m2sàn/người, nhà ở nông thôn bình quân đạt 17,4 m2 sàn/người*); diện tích nhà ở tối thiểu là 6,97 m2 sàn/người (*Nhà ở cho học sinh trường trung học phổ thông: tổng diện tích ký túc xá hiện có là 18.061 m2 sàn ở, đang đáp ứng cho 2.590 học sinh, tương đương 6,97 m2 sàn/học sinh*).  - 100% sinh viên có nhu cầu được thuê nhà ở trong ký túc xá; khoảng 64% học sinh được giải quyết chỗ ở.  - Chưa giải quyết cho công nhân khu công nghiệp có nhu cầu được thuê nhà ở trong dự án nhà ở dành cho công nhân vì hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa có dự án nhà ở dành cho công nhân trong khu công nghiệp *(các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, mặt hàng sản xuất chưa đa dạng, lượng công nhân làm việc tại các khu vực này chưa nhiều, chưa thu hút được lực lượng lao động nhập cư về làm việc, công nhân ở các khu công nghiệp này chủ yếu là người địa phương, đã có nhà ở, số ít thuê phòng trọ trong khu dân cư gần khu công nghiệp. Vì vậy, nhu cầu nhà ở cho công nhân trên địa bàn tỉnh là có nhưng chưa thật sự bức xúc).*  **2. Những thuận lợi, khó khăn thách thức**  **- Thuận lợi:** Sau hơn 08 năm thực hiện Chương trình phát triển nhà ở tỉnh giai đoạn 2012-2020, đã đạt được một số kết quả nhất định như diện tích nhà ở bình quân đầu người ở khu vực đô thị và nông thôn đều đạt chỉ tiêu trong Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh và gần bằng chỉ tiêu trong Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia.  **- Khó khăn, thách thức:** Do nguồn lực, khả năng thu hút đầu tư còn hạn chế và đặc điểm dân cư, điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán của người dân có phần đặc thù, một số chỉ tiêu chưa đạt, chưa đáp ứng đòi hỏi thực tế của các đối tượng có nhu cầu về nhà ở[[62]](#footnote-62).  *(Nội dung cụ thể đã được nêu tại Chương II thuyết minh Chương trình trình phát triển nhà ở)*  **3. Về xác định các chỉ tiêu phát triển nhà ở:**  Nhu cầu về nhà ở được dự báo thông qua các số liệu về dự báo dân số; Dự báo tăng trưởng kinh tế *(nội dung chương trình đã sử dụng số liệu dự báo đồng bộ với nội dung báo cáo cuối kỳ của Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030)* và các số liệu chuyên ngành liên quan. Theo đó, đã xác định được diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người; tổng diện tích sàn nhà ở tỉnh qua các giai đoạn (*đến năm 2025 và năm 2030*). Đồng thời đã tính toán phân bổ chỉ tiêu sàn cho các loại hình nhà ở:  - Đến năm 2025: Tổng diện tích sàn nhà ở toàn tỉnh đạt khoảng 16.120.000m2 sàn (*tăng thêm khoảng 4.340.327 m2 sàn*), trong đó: Nhà ở xã hội: Khoảng 104.046m2 sàn; Nhà ở thương mại: Khoảng 1.148.171m² sàn; Nhà ở của hộ gia đình, cá nhân: Khoảng 3.085.610m² sàn; Nhà công vụ: Khoảng 2.500 m² sàn  - Đến năm 2030: Tổng diện tích sàn nhà ở toàn tỉnh đạt khoảng 21.136.230m2 sàn (*tăng thêm khoảng 5.016.229 m2 sàn*), trong đó: Nhà ở xã hội: Khoảng 221.009 m2 sàn; Nhà ở thương mại: Khoảng 1.738.539 m² sàn; Nhà ở của hộ gia đình, cá nhân: Khoảng 3.053.331 m² sàn; Nhà công vụ: Khoảng 3.350 m² sàn.  (*Số liệu cụ thể tại mục 3 Chương III - Thuyết minh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025*) |
|  | Đề nghị xem xét bổ sung vào dự thảo Nghị quyết “cơ cấu nguồn vốn” để thực hiện Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021 - 2030 | Tiếp thu ý kiến thẩm tra, Ủy ban nhân dân tỉnh đã biên tập lại dự thảo Nghị quyết (mục 2.3): *“Tổng nguồn vốn cần để phát triển nhà ở trong giai đoạn 2021 - 2025 là 37.210,33 tỷ đồng và giai đoạn 2026 - 2030 là 43.172,34 tỷ đồng* ***từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác*”** |
|  | Các nội dung đề nghị khác:  - Chỉ đạo các sở, ngành, các huyện, thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021 - 2030. Thực hiện lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển để đáp ứng nhu cầu phát triển nhà ở đặc biệt là nhà ở xã hội, nhà ở cho các đối tượng thu nhập thấp, người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội;  - Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trong quá trình thẩm định chủ trương đầu tư các dự án nhà ở thương mại cần xem xét kỹ quy định về tỷ lệ xây dựng nhà ở tối thiểu trong dự án, đặc biệt là đối với diện tích xây dựng nhà ở xã hội; chỉ đạo giám sát, kiểm tra chặt chẽ kết quả thực hiện các nội dung đã được chấp thuận chủ trương đầu tư.  - Đưa các chỉ tiêu phát triển nhà ở vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ của tỉnh; đồng thời tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc và định kỳ đánh giá kết quả thực hiện.  - Chỉ đạo rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định | Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến thẩm tra, tham mưu hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021 - 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo các cơ quan có liên quan triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả. |
| **32** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | |
|  | - Đối với dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Hội đồng nhân dân tỉnh cần thu hồi đất: Chỉ đạo rà soát danh mục các dự án đã được cấp thẩm quyền quyết định đầu tư và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch và điều chỉnh tên cho phù hợp. | - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn *(Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư)* rà soát danh mục các dự án đã được cấp thẩm quyền quyết định đầu tư, theo đó các dự án đều được bố trí vốn trong năm 2023. Đồng thời, đã rà soát điều chỉnh tên dự án theo đúng chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. |
|  | - Đối với các dự án còn lại do các cơ quan đơn vị có thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư: đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, tổng hợp vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện phê duyệt theo thẩm quyền; chịu trách nhiệm về tính chính xác thông tin, số liệu trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất. Xem xét điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án chuyển tiếp từ năm 2022 sang năm 2023 | - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát các dự án đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thuộc khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố sẽ rà soát, tổng hợp vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định. |
|  | - Đối với các dự án không thuộc ngân sách nhà nước, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát một số dự án thu hồi đất liên quan tới đất rừng phải xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời báo cáo tiến độ thực hiện của 36 dự án đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cần thu hồi đất, hiện nay một số dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận đầu tư, như vậy, có phù hợp với quy định Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương dự án đầu tư, trong đó yêu cầu có *“Bản sao Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua;”* | **- UBND tỉnh báo cáo tiếp thu giải trình như sau:**  UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát các dự án thu hồi đất liên quan tới đất rừng phải xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ và đã đưa ra khỏi danh mục trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Đồng thời, hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương dự án đầu tư, trong đó yêu cầu có *“Bản sao Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua”* là phù hợp theo quy định pháp luật về đầu tư được quy định cụ thể tại Điểm a, Khoản 2, Điều 31, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. Tuy nhiên các biểu mẫu về danh mục dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất  được quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, trong đó phải nêu rõ *(tên dự án, Vị trí thực hiện dự án, diện tích đất thực hiện dự án…)* việc xác định các nội dung này phải có cơ sở pháp lý dựa vào thông tin dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở đó mới đánh giá được sự phù hợp về quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, lâm nghiệp. Khi triển khai Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ còn vướng mắc khi trình hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư. Trên cơ sở hướng dẫn của Tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 2541/CV-TCT ngày 18 tháng 4 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổng hợp các dự án theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất làm cơ sở phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện. |
|  | - Qua đối chiếu nội dung dự thảo Nghị quyết và số liệu tại danh mục kèm theo dự thảo Nghị quyết chưa đồng bộ, khớp đúng (số lượng, diện tích,...), đề nghị chỉ đạo rà soát, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp | - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát các số liệu để biên tập lại dự thảo Nghị quyết cho phù hợp. |
|  | - Đề nghị biên tập Điều 1 dự thảo Nghị quyết “***Điều 1. Thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh.*** *1. Thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng*  *- Dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư:*  *... dự án/...ha*  *- Dự án do các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư: ... dự án/... ha*  *3. Dự án đầu tư ngoài ngân sách nhà nước: … dự án/…ha. (Chi tiết tại Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo)*  *Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, căn cứ pháp lý của các dự án theo đúng quy định pháp luật; rà soát, đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện theo thẩm quyền.*  *Kinh phí bố trí để bồi thường, giải phóng mặt bằng: Trên cơ sở danh mục dự án cần thu hồi đất năm 2023 được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, các dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận được ngân sách tỉnh bố trí trong Kế hoạch đầu tư công năm 2023; các dự án không do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất do ngân sách cấp huyện, xã bố trí; các dự án đầu tư ngoài ngân sách nhà nước do chủ đầu tư bố trí vốn theo tiến độ đầu tư, đảm bảo bố trí đủ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng trong năm 2023.”* | - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát hoàn thiện, biên tập lại Điều 1 dự thảo Nghị quyết như sau:  *“1. Thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng*  *- Dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư: 04 dự án/24,63ha*  *- Dự án do các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định, chấp thuận chủ trương đầu tư: 311 dự án/902,51 ha.*  *- Dự án đầu tư ngoài ngân sách nhà nước: 36 dự án/932,05 ha.*  *(Chi tiết tại Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo)*  *2. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, căn cứ pháp lý của các dự án theo đúng quy định pháp luật; rà soát, đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của pháp luật trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện theo thẩm quyền.*  *3. Kinh phí bố trí để bồi thường, giải phóng mặt bằng: Trên cơ sở danh mục dự án cần thu hồi đất năm 2023 được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, các dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận được ngân sách tỉnh bố trí trong Kế hoạch đầu tư công năm 2023; các dự án không do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất do ngân sách cấp huyện, xã bố trí; các dự án đầu tư ngoài ngân sách nhà nước do chủ đầu tư bố trí vốn theo tiến độ đầu tư, đảm bảo bố trí đủ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng trong năm 2023.”* |
|  | Đề nghị rà soát, xem xét biên tập nội dung tại Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết như sau:  *“Chỉ thực hiện việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất khi đã đảm bảo thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục và điều kiện theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát quy mô, diện tích sử dụng đất của từng dự án, đánh giá tiến độ triển khai, sắp xếp thứ tự ưu tiên, tính cấp thiết của từng dự án, đảm bảo mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm. Sau khi có quyết định thu hồi đất, yêu cầu chủ đầu tư khẩn trương triển khai dự án, phát huy hiệu quả sử dụng đất. Kiên quyết xử lý theo quy định của pháp luật các trường hợp chậm triển khai thực hiện dự án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.”* | - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát hoàn thiện, biên tập lại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết như sau:  *“1. Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện.*  *Chỉ thực hiện việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất khi đã đảm bảo thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục và điều kiện theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát quy mô, diện tích sử dụng đất của từng dự án, đánh giá tiến độ triển khai, sắp xếp thứ tự ưu tiên, tính cấp thiết của từng dự án, đảm bảo mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm. Sau khi có quyết định thu hồi đất, yêu cầu chủ đầu tư khẩn trương triển khai dự án, phát huy hiệu quả sử dụng đất. Kiên quyết xử lý theo quy định của pháp luật các trường hợp chậm triển khai thực hiện dự án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.”* |
|  | - Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tăng cường trách nhiệm trong lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm; nâng cao chất lượng thẩm định kế hoạch sử dụng đất các dự án đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả nhất là đối với các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước | - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát tăng cường trách nhiệm trong lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm; nâng cao chất lượng thẩm định kế hoạch sử dụng đất các dự án đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả nhất là đối với các dự án sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước |
|  | - Chỉ đạo rà soát, cập nhật các vị trí thu hồi đất để đồng bộ với từng vị trí, khu vực theo chủ trương dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo; căn cứ pháp lý của các dự án theo quy định của pháp luật | - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát cập nhật các vị trí thu hồi đất để đồng bộ với từng vị trí, khu vực theo chủ trương dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt và chịu trách nhiệm về nội dung tham mưu của mình. |
|  | - Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các huyện, thành phố thực hiện nghiêm kế hoạch được phê duyệt; tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai để người dân nắm vững các quy định, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường. Tăng cường kiểm tra, giám sát, phát hiện, xử lý kịp thời các vi phạm về quản lý, sử dụng đất | - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các huyện, thành phố thực hiện nghiêm kế hoạch được phê duyệt; tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật đất đai để người dân nắm vững các quy định, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường. Tăng cường kiểm tra, giám sát, phát hiện, xử lý kịp thời các vi phạm về quản lý, sử dụng đất. |
|  | - Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định | - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát hoàn thiện biên tập lại dự thảo Nghị quyết cho phù hợp. |
| **33** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | |
|  | - Đối với các dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác, đề nghị rà soát đưa ra khỏi danh mục các dự án chưa được cấp thẩm quyền quyết định đầu tư. | - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND đã đạo cơ quan chuyên môn tiếp thu, rà soát lại danh mục các dự án, theo đó thống nhất chưa đưa vào danh mục chuyển đổi mục đích đất trồng lúa đối với 05 dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước chưa được cấp thẩm quyền Quyết định chủ trương *(gồm: Dự án Nâng cấp Đập Kon Braih 1 xã Ngọc Réo, huyện Đăk Hà; Dự án Nâng cấp Đập Kon Braih 2, xã Ngọc Réo, huyện Đăk Hà; Hồ chứa nước Đăk Pret, xã Ngọc Réo, huyện Đăk Hà; Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai tại thôn Đăk Rế xã Mường Hoong, huyện Đăk Glei; Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai thôn Long Năng, xã Ngọc Linh)*. |
|  | - Đối với các dự án có nhu cầu chuyển đổi diện tích rừng phòng hộ chưa có chủ trương chuyển mục đích rừng của cấp có thẩm quyền và ý kiến của cơ quan chuyên ngành, đề nghị chỉ đạo lấy ý kiến của cơ quan chuyên ngành theo đúng quy định (hiện trạng, diện tích rừng,...); đồng thời, khẳng định hồ sơ đủ điều kiện trình cấp thẩm quyền chuyển đổi rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật | - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát lại danh mục và thống nhất đưa dự án: Nâng cấp tuyến đường Đăk Man đi Đăk Blô thuộc Bộ Chỉ huy Biên Phòng tỉnh Kon Tum (Đoạn từ đường Hồ Chí Minh- xã Đăk Man đến cửa khẩu phụ Đăk Blô, xã Đăk Blô, huyện Đăk Glei) ra khỏi danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ. |
|  | - Chỉ đạo rà soát, cập nhật các vị trí chuyển mục đích sử dụng đất để đồng bộ với từng vị trí, khu vực theo chủ trương dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo; căn cứ pháp lý của các dự án theo quy định của pháp luật. | - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, cập nhật các vị trí chuyển mục đích sử dụng đất để đồng bộ với từng vị trí, khu vực theo chủ trương dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.  - Đồng thời qua rà soát, UBND tỉnh đề nghị đính chính tại Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết, cụ thể như sau:  + Tại Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết thể hiện: Dự án mỏ đá La Lua xã Đăk Choong, huyện Đăk Glei có diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là **0,56 ha**.  + Nội dung đề nghị đính chính: Dự án mỏ đá La Lua xã Đăk Choong, huyện Đăk Glei có diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa là **0,65 ha**.  **Lý do:** Do lỗi kỹ thuật của cơ quan chuyên môn trong quá trình soạn thảo Văn bản. |
|  | - Đề nghị chỉ đạo rà soát các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác, trình xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo Quy chế số 07-QC/TU ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Tỉnh ủy Kon Tum | **- UBND tỉnh giải trình như sau:**  Tại khoản 4 Điều 2 Quy chế số 07-QC/TU ngày 25 tháng 10 năm 2022của Tỉnh ủy Kon Tum ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 (sửa đổi, bổ sung) quy định Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra nghị quyết hoặc kết luận để lãnh đạo, gồm: *“****Cho chủ trương (gồm các bước: (1) Cho chủ trương khảo sát (gồm cả ý tưởng đầu tư); (2) Cho chủ trương đầu tư)*** *đối với các dự án đầu tư ngoài ngân sách (kể cả các dự án theo hình thức đối tác công tư) có quy mô lớn lớn, quan trọng, nhạy cảm; dự án liên quan đến quốc phòng, an ninh, cụ thể:* ***(1)*** *Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 30, Điều 31 củaLuật Đầu tư năm 2020 (cho ý kiến trước khi trình cấp có thẩm quyền trình Quốc hội, trình Thủ tướng Chính phủ).* ***(2)*** *Dự án có tổng vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên.* ***(3)*** *Dự án không phân biệt quy mô, vốn đầu tư có một trong các yếu tố sau: + Dự án có chuyểnmục đích sử dụngđất trồng lúa nước, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng; chuyển mục đích sử dụng các loại rừng (đặc dụng, phòng hộ, sản xuất) sang mục đích khác theo quy định tại Điều 20 Luật Lâm nghiệp”.*  Các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác nêu trên đã được **cấp có thẩm quyền thống nhất chủ trương đầu tư**. Tại Nghị quyết này trình HĐND tỉnh thông qua danh mục dự án có nhu cầu chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ sang mục đích khác nên đối chiếu với quy định tại Quy chế số 07-QC/TU ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Tỉnh ủy Kon Tum thì không phải trình xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy. |
|  | - Rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định | - Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn hoàn chỉnh lại dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định. |
| **34** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, quy định vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | |
|  | Báo cáo làm rõ cơ sở xác định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi.  Hiện nay đa phần dân cư ở khu vực nông thôn chủ yếu sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, việc quy định khu vực dân cư tại các thôn trên địa bàn xã không được phép chăn nuôi như dự thảo Nghị quyết có phù hợp với tình hình thực tế địa phương hiện nay không. | **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến tiếp thu, giải trình như sau:**  1. Cơ sở xác định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi:Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các huyện, thành phố về việc đề xuất khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi.  2. Hiện nay đa phần dân cư ở khu vực nông thôn chủ yếu sản xuất nông nghiệp là chủ yếu, việc quy định khu vực dân cư tại các thôn trên địa bàn xã không được phép chăn nuôi như dự thảo Nghị quyết có phù hợp với tình hình thực tế địa phương hiện nay không:  - Theo đề xuất của các huyện, thành phố về khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi: là khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư tập trung, hoạt động sản xuất chủ yếu là lĩnh vực thương mại, dịch vụ, có rất ít hộ sản xuất nông nghiệp; có một số thôn trong khu vực không được phép chăn nuôi như: thông Kon Trang- Long Loi là khu du lịch của huyện Đăk Hà.  Như vậy, việc quy định khu vực dân cư tại các thôn trên địa bàn xã không được phép chăn nuôi như dự thảo Nghị quyết là phù hợp với tình hình thực tế địa phương. |
|  | Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết, đề nghị rà soát, biên tập lại một số vị trí, khu vực “không được phép chăn nuôi” theo hướng xem xét “khu dân cư” tại khu vực Tổ dân phố và khu vực thôn, làng cho phù hợp với quy định (*khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi)*. Đồng thời đưa nội dung *“Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi”* vào Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết. | **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến tiếp thu, giải trình như sau:**  1. Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, biên tập lại một số vị trí, khu vực “không được phép chăn nuôi” theo hướng xem xét “khu dân cư” tại khu vực Tổ dân phố và khu vực thôn, làng cho phù hợp với quy định (*khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi). Tuy nhiên, theo thực tế hiện nay trên địa bàn tỉnh, tại một số địa phương, khu dân cư xen kẻ trong khu vực sản xuất nông nghiệp chăn nuôi và phân bố rải rác không liên tục theo các tuyến đường, do đó Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát biên tập sử dụng cụm từ “khu dân cư” tại một số địa bàn như: các xã của thành phố Kon Tum, thị trấn của các huyện thành phố.*  *2.* Đãđưa nội dung *“Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi”* vào Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết. |
|  | Việc xác định khu vực không được phép chăn nuôi đã được lấy ý kiến trực tiếp các huyện, thành phố và đối tượng chịu sự tác động chưa. Đề nghị nêu rõ quá trình lấy ý kiến bằng biên bản hoặc phiếu lấy ý kiến của những hộ dân có liên quan đến quy định không được phép chăn nuôi, chính sách hỗ trợ và quy định vùng nuôi chim yến. | **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến tiếp thu, giải trình như sau:**  Cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết đã gửi lấy ý kiến góp ý của các Sở, ngành, các đơn vị liên quanvà các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh theo đúng quy định.  Ngoài ra, cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết đã phối hợp với các địa phương tham gia việc khảo sát thực tế tại các khu vực không được phép chăn nuôi và lấy ý kiến trực tiếp của một số đối tượng chịu tác động trên địa bàn các huyện, thành phố, với 571 phiếu. |
|  | Đề nghị báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở chăn nuôi trên địa bàn toàn tỉnh số lượng, quy mô chăn nuôi([[63]](#footnote-63)), đối tượng, mức độ ảnh hưởng; lộ trình, số lượng cơ sở chăn nuôi phải di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, ngừng hoạt động; số hộ/nhân khẩu cần được hỗ trợ ổn định di dời, ổn định đời sống. | **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến tiếp thu, giải trình như sau:**  Theo báo cáo, rà soát thống kê của các huyện, thành phố Kon Tum: trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư theo quy định có 970 hộ, cơ sở hộ chăn nuôi; trong đó: 931 hộ , 39 cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa, chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ; không có chăn nuôi trang trại quy mô lớn trong khu vực này.  Kèm theo bảng tổng hợp khái toán nguồn lực thực hiện Nghị quyết và lộ trình thực hiện. |
|  | Báo cáo rõ về khu vực dự kiến hoặc quy hoạch khu chăn nuôi tập trung để thực hiện di dời, các điều kiện đảm bảo cho hoạt động chăn nuôi tại các khu quy hoạch chăn nuôi tập trung có phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, tập quán chăn nuôi,... | **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến tiếp thu, giải trình như sau:**  Về khu vực dự kiến hoặc quy hoạch khu chăn nuôi tập trung hiện nay đã được tích hợp trong quá trình xây dựng, trình phê duyệt quy hoạch sử dụng đất của địa phương cơ bản đáp ứng nhu cầu chăn nuôi và tình hình, dự báo phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đến 2030. (hiện nay Quy hoạch đang được cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt theo quy định) |
|  | Theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 80 Luật Chăn nuôi, quy định HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.  Đề nghị báo cáo làm rõ cơ sở đề xuất chính sách ổn định đời sống cho chủ cơ sở, người lao động trực tiếp tại các cơ sở chăn nuôi khi thực hiện di dời ra khỏi vùng không được phép chăn nuôi. Đồng thời, xem xét quy định mức hỗ trợ gạo và cụ thể đối tượng được hỗ trợ theo quy mô chăn nuôi gia súc, gia cầm cho phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương. | **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến tiếp thu, giải trình như sau:**  - Theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 80, quy định HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi là phù hợp theo quy định của pháp luật về chăn nuôi. Hiện nay, Trung ương đang lấy ý kiến về dự thảo Nghị định Quy định về chính sách đầu tư hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi **(**Điều 10. Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi). Chính sách đặc thù của địa phương hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi: áp dụng, tham chiếu theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum. Quyết định 546/QĐ-UBND, ngày 01/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt và ban hành hồ sơ thiết kế mẫu nhà tiêu hợp vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh trên địa bàn tỉnh Kon Tum.  **Ủy ban nhân dân tỉnh biên tập lại dự thảo Nghị quyết như sau:**  **Điều 4. Hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi**  1. Đối tượng thụ hưởng  Chủ cơ sở chăn nuôi trong khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 Nghị quyết này thực hiện việc kê khai hoạt động chăn nuôi về loại vật nuôi và số lượng vật nuôi tối thiểu phải kê khai theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.  2. Nguyên tắc hỗ trợ  Hỗ trợ đối với các cơ sở chăn nuôi di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, việc hỗ trợ được thực hiện sau khi hoàn thành việc di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.  3. Các chính sách hỗ trợ  a) Hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi  Các cơ sở chăn nuôi thuộc khu vực không được phép chăn nuôi quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này khi chấm dứt hoạt động chăn nuôi và di dời đến khu vực được phép chăn nuôi thì được hỗ trợ kinh phí với các mức cụ thể như sau:  - Chăn nuôi nông hộ:  + Từ 01 đến dưới 05 đơn vị vật nuôi: 02 triệu đồng/cơ sở.  + Từ 05 đến dưới 10 đơn vị vật nuôi: 05 triệu đồng/cơ sở.  - Chăn nuôi trang trại quy mô vừa và nhỏ: 10 triệu đồng/cơ sở.  - Chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 20 triệu đồng/cơ sở.  b) Hỗ trợ ổn định đời sống cho chủ cơ sở, người lao động trực tiếp tại các cơ sở chăn nuôi khi thực hiện di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi và đang trong thời gian xin việc hoặc đang tìm việc mới với mức hỗ trợ tương đương 15 kg gạo/lao động/tháng, trong thời gian 06 tháng, theo giá thị trường tại thời điểm hỗ trợ. Số lao động được hỗ trợ theo quy mô chăn nuôi như sau:  - Chăn nuôi nông hộ: 01 lao động/cơ sở.  - Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ (từ 10 đến dưới 30 đơn vị vật nuôi): không quá 03 lao động/cơ sở.  - Chăn nuôi trang trại quy mô vừa (từ 30 đến dưới 300 đơn vị vật nuôi): không quá 05 lao động/cơ sở.  - Chăn nuôi trang trại quy mô lớn (từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên): Chủ cơ sở và hợp đồng lao động thực tế tại cơ sở. |
|  | Đối với nguồn kinh phí hỗ trợ, đề nghị báo cáo làm rõ về nguồn kinh phí để triển khai thực hiện; xem xét quy định rõ nguồn kinh phí hỗ trợ thực hiện theo phân cấp ngân sách? | **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến tiếp thu, giải trình như sau:**  - Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và quy định của Luật Ngân sách nhà nước. UBND tỉnh tiếp thu và biên tập Khoản 4 Điều 4 như sau: “4. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách địa phương thực hiện theo phân cấp và các nguồn hợp pháp khác”  - Khái toán nguồn lực thực hiện chính sách: Theo báo cáo, rà soát, của các huyện, thành phố đã tổng hợp trên địa bàn tỉnh Kon Tum, hiện tại trong khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư theo quy định([[64]](#footnote-64)) có khoảng 970 cơ sở chăn nuôi; trong đó có 931 cơ sở chăn nuôi nông hộ; 39 cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ, quy mô vừa.  Khái toán về kinh phí với tổng số 6.280.000.000 đồng (Bằng chữ: sáu tỷ, hai trăm, tám mươi triệu đồng). |
|  | Tại Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, đề nghị biên tập như sau: *“2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chăn nuôi; các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.”* | **Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chăn nuôi; các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.” |
|  | Rà soát, biên tập nội dung tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết đảm bảo thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ. | **Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Điều 3. Quy định vùng nuôi chim yến  1. Vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài khu vực không được phép chăn nuôitheo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này. Đồng thời vùng nuôi chim yến phải bảo đảm phù hợp tập tính hoạt động của chim yến, phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và không gây ảnh hưởng đến đời sống của cư dân tại khu vực nuôi chim yến.  2. Các cơ sở nuôi chim yến đã hoạt động trước ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành mà nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này thì phải giữ nguyên trạng, không được cơi nới; trường hợp nhà yến nằm trong khu dân cư, nhà yến cách khu dân cư dưới 300m thì không được sử dụng loa phóng phát âm thanh. |
|  | Xem xét biên tập toàn bộ nội dung tại Điều 5 dự thảo Nghị quyết vào Điều 2, 3 dự thảo Nghị quyết cho đồng bộ, thống nhất. | **Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến tiếp thu, giải trình như sau:**  Điều 2. Khu vực không được phép chăn nuôi:  1. Khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi: Chi tiết có phụ lục kèm theo.  2. Các cơ sở chăn nuôi thuộc khu vực không được phép chăn nuôi hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 phải ngừng hoạt động hoặc di dời đến địa điểm phù hợp theo quy định.  **Điều 3.** **Quy định vùng nuôi chim yến**  1. Vùng nuôi chim yến là vùng nằm ngoài khu vực không được phép chăn nuôitheo quy định tại Điều 2 Nghị quyết này. Đồng thời vùng nuôi chim yến phải bảo đảm phù hợp tập tính hoạt động của chim yến, phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương và không gây ảnh hưởng đến đời sống của cư dân tại khu vực nuôi chim yến.  2. Các cơ sở nuôi chim yến đã hoạt động trước ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành mà nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết này thì phải giữ nguyên trạng, không được cơi nới; trường hợp nhà yến nằm trong khu dân cư, nhà yến cách khu dân cư dưới 300m thì không được sử dụng loa phóng phát âm thanh. |
|  | Cơ quan trình chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo; căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật. Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua, Ban đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo các ngành, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, chính sách pháp luật trong lĩnh vực hoạt động chăn nuôi, đảm bảo môi trường. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý, phối hợp về kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong hoạt động chăn nuôi, môi trường theo đúng quy định pháp luật. | **Ủy ban nhân dân tỉnh** tiếp thu; đồng thời sẽ chỉ đạo tổ chức thực hiện ngay sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua |
|  | Đề nghị rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. | Ủy ban nhân dân tỉnhtiếp thu và chỉ đạo hoàn thiện dự thảo Nghị quyết. |
| **35** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết về giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | |
|  | Báo cáo tiến độ thực hiện các Chương trình MTQG năm 2022 *(bao gồm vốn đầu tư và vốn sự nghiệp)*. Ước thực hiện, giải ngân đến ngày 31/12/2022. Tỷ lệ vốn đối ứng của các cấp ngân sách; đánh giá việc thực hiện các Danh mục dự án đầu tư thuộc Chương trình MTQG năm 2022 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua([[65]](#footnote-65)). Những khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện. | **UBND tỉnh báo cáo như sau:**  - Đến ngày 25/10/2022 đã giải ngân 14.119 triệu đồng nguồn ngân sách Trung ương bố trí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia *(vốn đầu tư phát triển 10.828 triệu đồng, vốn sự nghiệp 3.291 triệu đồng)*, đạt 1,6% dự toán Trung ương giao. Ước đến 31/12/2022, thực hiện giải ngân đạt khoảng 284.618 triệu đồng *(vốn đầu tư phát triển 212.698 triệu đồng, vốn sự nghiệp 71.920 triệu đồng)*, đạt 31,7% dự toán Trung ương giao.  - Tổng kế hoạch vốn ngân sách địa phương đã cân đối bố trí đối ứng, lồng ghép thực hiện các chương trình khoảng 319.979 triệu đồng *(ngân sách tỉnh 53.213 triệu đồng; ngân sách huyện, xã 266.766 triệu đồng)*, trong đó: Chương trình xây dựng nông thôn mới 285.673/161.210 triệu đồng *(177,2% mức đối ứng)*, Chương trình giảm nghèo bền vững 11.495 triệu đồng *(43,2% mức đối ứng)*, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 22.811 triệu đồng *(48,4% mức đối ứng)*; UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương tiếp tục rà soát, bố trí vốn đối ứng đảm theo theo quy định.  - Về danh mục dự án đầu tư năm 2022, căn cứ danh mục dự án được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh đã giao danh mục dự án cho các đơn vị địa phương triển khai thực hiện, đến nay cơ bản các đơn vị, địa phương đã hoàn tất thủ tục phê duyệt dự án, giao chi tiết kế hoạch vốn cho các dự án và triển khai thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn theo quy định.  - Một số khó khăn, vướng mắc:  Tiến độ xây dựng, trình ban hành và ban hành các văn bản quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của các bộ, cơ quan Trung ương còn chậm và chưa được ban hành đồng bộ, kịp thời đã ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện, địa phương không có đầy đủ cơ sở để tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia sau khi hoàn thành việc phân bổ, giao kế hoạch vốn cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc.  Thông tư hướng dẫn thực hiện các chương trình, hướng dẫn tổ chức thực hiện nội dung, dự án, tiểu dự án thành phần của các chương trình chưa được bộ, ngành Trung ương ban hành đầy đủ, dẫn đến các đơn vị, địa phương không đủ cơ sở để tổ chức thực hiện và giải ngân vốn của các chương trình.  Việc Trung ương giao kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2022 chậm so với thời hạn lập dự toán ngân sách Nhà nước hằng năm gây nhiều khó khăn cho các địa phương trong cân đối xác định nguồn lực đối ứng từ ngân sách địa phương, huy động nguồn lực hợp pháp để thực hiện các chương trình; gây khó khăn trong công tác tổng hợp nhu cầu từ cấp trực thuộc để xác định danh mục dự án đầu tư trình Hội đồng nhân dân tỉnh. |
|  | Cơ sở xây dựng phương án phân bổ kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG năm 2023. Tỷ lệ bố trí vốn cho dự án khởi công mới, dự án chuyển tiếp, thứ tự ưu tiên, đảm bảo thực hiện hoàn thành dự án, chương trình trong giai đoạn 2021-2025 theo quy định của Luật Đầu tư công. | **UBND tỉnh báo cáo làm rõ như sau:** Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình giai đoạn 2021-2025([[66]](#footnote-66)), dự kiến dự toán ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện các chương của bộ, ngành Trung ương([[67]](#footnote-67)) và các quy định, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, UBND tỉnh xây dựng phương án phân bổ dự toán thực hiện các chương trình năm 2023 đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình giai đoạn 2021-2025.  Kế hoạch năm 2023 các đơn vị, địa phương đăng ký thực hiện đầu tư 596 dự án, trong đó ưu tiên bố trí kế hoạch vốn năm 2023 thực hiện 148 dự án chuyển tiếp, kế hoạch vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới theo quy định. |
|  | Chỉ đạo các Sở ngành, địa phương nâng cao trách nhiệm trong việc thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của các Chương trình, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn, phát huy hiệu quả nguồn vốn trong năm 2023. Chỉ đạo tăng cường phân cấp cho cấp xã trong việc lập hồ sơ, tổ chức thi công xây dựng, bảo trì công trình đối với các dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp được tổ chức thực hiện theo cơ chế đặc thù. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các Sở ngành, địa phương nâng cao trách nhiệm trong việc thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn, phát huy hiệu quả nguồn vốn trong năm 2023. Chỉ đạo tăng cường phân cấp cho cấp xã trong việc lập hồ sơ, tổ chức thi công xây dựng, bảo trì công trình đối với các dự án quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp được tổ chức thực hiện theo cơ chế đặc thù. |
|  | Tăng cường kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện, kịp thời báo cáo các khó khăn vướng mắc về cấp thẩm quyền, xem xét giải quyết, tháo gỡ. Hạn chế thấp nhất việc thực hiện chuyển tiếp dự án như năm 2022. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các Sở ngành, địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện, kịp thời báo cáo các khó khăn vướng mắc về cấp thẩm quyền, xem xét giải quyết, tháo gỡ và hạn chế thấp nhất việc thực hiện chuyển tiếp dự án. |
|  | Đề nghị rà soát, cập nhật số liệu trong các bảng biểu phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết, danh mục dự án đầu tư thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo khớp đúng, đầy đủ, dễ hiểu, dễ thực hiện, tránh trùng lắp, không chồng chéo, bám sát quy định của Trung ương, Nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt. Đồng thời chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác về thông tin, số liệu các tiêu chí tính toán điểm số phân bổ cho các đơn vị, địa phương. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kiểm tra, rà soát số liệu trong việc phân bổ dự toán ngân sách Trung ương, danh mục dự án đầu tư thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo khớp đúng, đầy đủ, dễ hiểu, dễ thực hiện, tránh trùng lắp, không chồng chéo, bám sát quy định của Trung ương, nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương được HĐND tỉnh phê duyệt. Đồng thời chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác về thông tin, số liệu các tiêu chí tính toán điểm số phân bổ cho các đơn vị, địa phương.  Về danh mục dự án đầu tư thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023, sau khi rà soát, kế hoạch năm 2023 các đơn vị, địa phương đăng ký thực hiện đầu tư 596 dự án *(trong đó có 148 dự án chuyển tiếp)*, cụ thể:  - Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 349 dự án *(trong đó có 115 dự án chuyển tiếp)*.  - Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 72 dự án *(trong đó có 15 dự án chuyển tiếp)*.  - Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 175 dự án *(trong đó có 18 dự án chuyển tiếp)*. |
|  | Rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh. |
| **36** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Kon Tum năm 2022** | |
|  | Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh:  - Theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP:*“Trường hợp trong điều kiện bình thường, các chi phí đầu vào trong giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi dự kiến năm kế hoạch ổn định, không biến động so với năm liền kề trước đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không đề nghị điều chỉnh giá tối đa hoặc khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi nhưng phải quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và không được vượt qu giá tối đa và khung giá do Bộ Tài chính đã thông báo trước đó để các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi thực hiện; đồng thời gửi báo cáo về Bộ Tài chính”*. Đề nghị báo cáo làm rõ vì sao chậm trễ trong việc trình Hội đồng nhân dân thông qua giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi. | Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giải trình cụ thể như sau:  Căn cứ tiết a khoản 2 Điều 35 Luật Thủy lợi quy định*“Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trên cơ sở giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi* ***do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định****”.* năm 2021, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021, tại Điều 3 quy định*“**... Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua theo quy định hiện hành...”,* theo đó Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII Kỳ họp chuyên đề ban hành Nghị quyết số 49/2021/NQ-HĐND ngày 22/10/2021 về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý của tỉnh năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 48/2021/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh năm 2021.  Tuy nhiên, tại Điều 4 Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 quy định “*Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký* ***và được áp dụng cho cả năm ngân sách 2021****”* và đến thời điểm này, Bộ Tài chính chưa có văn bản hướng dẫn đối với việc áp dụng giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 và các năm tiếp theo theo quy định tai tiết a khoản 2 Điều 35 Luật Thủy lợi để làm cơ sở tham mưu cấp có thẩm quyền triển khai thực hiện.  Theo báo cáo của các sở, ngành đơn vị, năm 2022 các chi phí đầu vào trong giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi dự kiến năm kế hoạch ổn định, không biến động so với năm liền kề trước đó.*..*  Do đó, để có cơ sở triển khai thực hiện về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh năm 2022, căn cứ khoản 3 Điều 10 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh kỳ họp thứ 4 ban hành Nghị quyết về giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh năm 2022 là phù hợp với quy định hiện hành, đồng thời để giải quyết khó khăn cho các địa phương, đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh trong việc cấp phát, tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí sử dụng dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 đảm bảo duy trì hoạt động các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.  Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ theo dõi, chỉ đạo các sở, ngành đơn vị liên quan theo dõi, kịp thời tham mưu trình HĐND tỉnh về giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh theo quy định. |
|  | - Biên tập bỏ Điều 5 dự thảo Nghị quyết; đồng thời rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. | - Tiếp thu và chỉ đạo hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết kèm theo. |
| **37** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết về tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | |
|  | Đề nghị báo cáo làm rõ vì sao không xây dựng tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù riêng **đối với từng** Chương trình mục tiêu quốc gia*.* | **UBND tỉnh báo cáo làm rõ như sau:** Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia quy định: *“Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo từng giai đoạn”*. Theo đó không quy định phải xây dựng tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù riêng đối với từng chương trình. |
|  | Đề nghị báo cáo làm rõ cơ sở đề xuất chọn tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù. | **UBND tỉnh báo cáo làm rõ như sau:** Trên cơ sở các nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 do UBND tỉnh ban hành, các đơn vị, địa phương đề xuất đầu tư khoảng **1.894** dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn 2021-2025, trong đó có **918** dự án dự kiến thực hiện theo cơ chế đặc thù, tương ứng tỷ lệ chung cả tỉnh khoảng **48%** trong tổng số dự án đầu tư, cụ thể:  - Dự án do các đơn vị cấp tỉnh thực hiện: **20** dự án - không thực hiện theo cơ chế đặc thù.  - Dự án do các địa phương thực hiện: **1.874** dự án, với **918** dự án dự kiến thực hiện theo cơ chế đặc thù, tương ứng tỷ lệ chung cả tỉnh khoảng **49%** trong tổng số dự án đầu tư do các địa phương thực hiện. Tỷ lệ dự án dự kiến thực hiện theo cơ chế đặc thù do các địa phương đăng ký không đồng đều, tỷ lệ từ **16%** đến **77%**.  Thực tế trình độ năng lực quản lý và thực hiện dự án của các xã và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh không đồng điều, còn hạn chế và số lượng dự án đầu tư thuộc các chương trình giai đoạn 2021-2025 rất lớn, do vậy để đảm bảo khả năng triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 và qua tham khảm một số tỉnh khác([[68]](#footnote-68)),UBND tỉnh đề xuất tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 **chung cả tỉnh tối thiểu 40%** trên tổng số dự án đầu tư xây dựng thuộc các chương trình. |
|  | Chỉ đạo các huyện, thành phố triển khai thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia của cộng đồng dân cư trên địa bàn cấp xã đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ; theo dõi, hướng dẫn và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các dự án theo cơ chế đặc thù. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các huyện, thành phố triển khai thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc chương trình mục tiêu quốc gia có sự tham gia của cộng đồng dân cư trên địa bàn cấp xã đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ, đồng thời chỉ đạo các sở, ngành thường xuyên theo dõi, hướng dẫn và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các dự án theo cơ chế đặc thù. |
|  | Chỉ đạo việc thực hiện hướng dẫn cụ thể từng chương trình để các đơn vị, địa phương thuận tiện trong việc triển khai thực hiện đúng quy định. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các Sở, ngành phối hợp với địa phương tiếp tục rà soát các quy định về quản lý, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, kịp thời triển khai, hướng dẫn cụ thể từng chương trình để các đơn vị, địa phương thuận tiện trong việc triển khai thực hiện theo quy định. |
|  | Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết đúng thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh theo quy định. |
| **38** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương để thực hiện một số nội dung, công việc thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | |
|  | 1. Biên tập tên gọi dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, cụ thể, đề nghị điều chỉnh lại thành *“Ban hành Quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum”*. | Thống nhất tiếp thu và điều chỉnh tên gọi dự thảo Nghị quyết như sau:  *“Ban hành Quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum”* |
|  | 2. Điều chỉnh Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết như sau: “*Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định* *nội dung và mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn**ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.”* | Thống nhất tiếp thu và điều chỉnh lại Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết thành:  “*Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định* *nội dung và mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn**ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.”* |
|  | 3. Điều chỉnh tên và Khoản 1 Điều 1 Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết đối với *“phạm vi điều chỉnh”* cho phù hợp với nội dung của dự thảo Nghị quyết | Thống nhất tiếp thu và điều chỉnh lại khoản 1 Điều 1 Quy định kèm theo Nghị quyết thành: *Nghị quyết này quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn**ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.* |
|  | 4. Đề nghị rà soát các quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh để điều chỉnh, biên tập lại quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với các huyện *(huyện miền núi, các huyện còn lại)*, cấp huyện; mức hỗ trợ đối với các nội dung theo dự toán được cấp thẩm quyền giao, phê duyệt cho phù hợp. | Thống nhất tiếp thu và rà soát để điều chỉnh, biên tập lại quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với các huyện, huyện miền núi*(huyện miền núi, các huyện còn lại)*, cấp huyện; mức hỗ trợ đối với các nội dung theo dự toán được cấp thẩm quyền giao, phê duyệt cho phù hợp. |
|  | 5. Điều chỉnh lại tiêu đề củaĐiều 3 Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết: Nội dung và mức hỗ trợ. | Thống nhất tiếp thu và điều chỉnh lại Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết thành: Nội dung và mức hỗ trợ. |
|  | 6. Điều chỉnh lại Khoản 2 Điều 3 Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết theo hướng:  *“2. Chi mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã, phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ:*  *a. Mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã: Hỗ trợ 95% kinh phí thực hiện trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với xã đặc biệt khó khăn và 90% kinh phí thực hiện trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các xã còn lại.*  *b. Mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt”* | Thống nhất tiếp thu và điều chỉnh lại khoản 2 Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết thành:  *“2. Chi mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã, phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ:*  *a. Mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã: Hỗ trợ 95% kinh phí thực hiện trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với xã đặc biệt khó khăn và 90% kinh phí thực hiện trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các xã còn lại.*  *b. Mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt”* |
|  | 7. Điều chỉnh lại Khoản 3 Điều 3 Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết như sau:  *“3. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.*  *Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện mô hình trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các huyện miền núi; 50% kinh phí thực hiện mô hình trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các huyện còn lại.”* | Thống nhất tiếp thu và điều chỉnh lại khoản 3 Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết thành:  *“3. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.*  *Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện mô hình trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các huyện miền núi; 50% kinh phí thực hiện mô hình trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các huyện còn lại.”* |
|  | 8. Điều chỉnh lại Khoản 4 Điều 3 Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết như sau:  *“4. Chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.*  *Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 95% kinh phí thực hiện trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn và 90% kinh phí thực hiện trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các xã, thôn còn lại.”* | Thống nhất tiếp thu và điều chỉnh lại khoản 4 Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết thành: *“4. Chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân tổ chức; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh.*  *Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 95% kinh phí thực hiện trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn và 90% kinh phí thực hiện trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các xã, thôn còn lại.”* |
|  | 9. Tại Khoản 5 Điều 3 đề nghị xem xét điều chỉnh mức hỗ trợ phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 61/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh. | Thống nhất tiếp thu và điều chỉnh lại khoản 5 Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết thành: *" 5. Chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp.*  *Mức hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum."* |
|  | 10. Đối với các mức hỗ trợ cho cấp tỉnh, cấp huyện tại Khoản 10, 11 Điều 3 của Quy định này, xem xét biên tập thực hiện theo mức hỗ trợ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 3 Quy định này cho phù hợp. Đối với các mức hỗ trợ cho cấp xã, cấp thôn tại Khoản 10, 11 Điều 3 của Quy định này, xem xét biên tập thực hiện theo mức hỗ trợ quy định tại Khoản 4 Điều 3 Quy định này cho phù hợp. | Thống nhất tiếp thu và điều chỉnh lại khoản 10 và khoản 11 Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết thành:  *(1) " 10. Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương. Mức hỗ trợ:*  *- Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quy định này và không quá 1.000 triệu đồng/thiết chế.*  *- Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quy định này và không quá 500 triệu đồng/thiết chế.*  *- Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này và không quá 80 triệu đồng/thiết chế.*  *- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này và không quá 50 triệu đồng/thiết chế.”*  *(2) " 11. Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn. Mức hỗ trợ:*  *- Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quy định này và không quá 100 triệu đồng/01 tủ sách.*  *- Thư viện, tủ sách xã: Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này và không quá 50 triệu đồng/01 tủ sách.*  *- Tủ sách thôn: Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này và không quá 30 triệu đồng/tủ sách."* |
|  | 11. Điều chỉnh lại khoản 18 Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết như sau:  *" 18.Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.*  *Mức hỗ trợ: Căn cứ theo các quy định hiện hành, quy định tại Điều 5 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính và nội dung mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể:*  *- Đối với mô hình tại cấp tỉnh, cấp huyện: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quy định này*  *- Đối với mô hình thực hiện tại cấp xã, thôn: Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này* | Thống nhất tiếp thu và điều chỉnh lại khoản 18 Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết thành:  *" 18.Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.*  *Mức hỗ trợ: Căn cứ theo các quy định hiện hành, quy định tại Điều 5 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính và nội dung mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể:*  *- Đối với mô hình tại cấp tỉnh, cấp huyện: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quy định này*  *- Đối với mô hình thực hiện tại cấp xã, thôn: Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy định này”.* |
|  | 12. Điều chỉnh lại khoản 20 Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết như sau:  *"20. Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có nhằm vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"*  *Mức hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 18 điều 3 Quy định này và không quá 30 triệu đồng/mô hình."* | Thống nhất tiếp thu và điều chỉnh lại khoản 20 Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết thành: *"20. Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có nhằm vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"*  *Mức hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 18 điều 3 Quy định này và không quá 30 triệu đồng/mô hình."* |
|  | 13. Chỉ đạo Sở, ban ngành chuyên môn phối hợp rà soát các quy định, hướng dẫn của cơ quan Trung ương để tham mưu cấp thẩm quyền ban hành các quy định, hướng dẫn thực hiện, đảm bảo tính pháp lý, đồng bộ tránh chồng chéo giữa các Chương trình MTQG. | Thống nhất tiếp thu và chỉ đạo các đơn vị thực hiện |
|  | 14. Chỉ đạo việc thực hiện hướng dẫn cụ thể từng chương trình để các đơn vị, địa phương thuận tiện trong việc triển khai thực hiện đúng quy định. | Thống nhất tiếp thu và chỉ đạo hướng dẫn thực hiện |
|  | 15. Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết đúng thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. | Thống nhất tiếp thu và biên tập đảm bảo đúng theo quy định. |
| **39** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025** | |
|  | Điều chỉnh tên gọi dự thảo Nghị quyết và biên tập thành “*Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025”.* | **Tiếp thu, biên tập lại tên gọi Dự thảo Nghị quyết như sau**:  “*Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025”* |
|  | Điều chỉnh Điều 1 và biên tập thành “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh”.* | **Tiếp thu, biên tập lại Điều 1 như sau:** “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 60/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025 như sau:” |
|  | Bỏ Điều 3 và biên tập Điều 2 lại thành:  ***“Điều 2. Tổ chức thực hiện***  *1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.*  *2.**Giao**Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.”* | **Tiếp thu, biên tập lại Điều 2 như sau:**  “**Điều 2. Tổ chức thực hiện**  1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.  2.GiaoThường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.” |
|  | Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết đúng thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Đồng thời chỉ đạo việc thực hiện hướng dẫn cụ thể cho từng chương trình để đơn vị, địa phương thuận tiện trong việc triển khai thực hiện | Đã tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết theo thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật tại Mẫu số 36 của phụ lục ban hành kèm theoNghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. |
| **40** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định về các mức hỗ trợ, mức chi cho tiểu dự án Giảm nghèo về thông tin của dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin và mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum** | |
|  | - Đề nghị xem xét, biên tập tên gọi dự thảo Nghị quyết theo hướng ***“Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ thực hiện Dự án 5 (Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo) và Dự án 6 (Truyền thông và giảm nghèo về thông tin) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum”*** | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã biên tập lại tên gọi dự thảo Nghị quyết:*“Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ thực hiện Dự án 5 (Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo) và Dự án 6 (Truyền thông và giảm nghèo về thông tin) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum”* |
|  | - Tại Điều 1 dự thảo Nghị quyết, biên tập “Phạm vi điều chỉnh” đảm bảo ngắn gọn, đầy đủ các nội dung thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của tại Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã biên tập lại nội dung Điều 1 dự thảo Nghị quyết như sau: “Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi, mức hỗ trợ cho một số nội dung tiểu dự án Giảm nghèo về thông tin của dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin; mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 *(sau đây viết tắt là Chương trình)* trên địa bàn tỉnh Kon Tum”. |
|  | - Tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết, biên tập “đối tượng áp dụng” như sau: *“1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, thụ hưởng, quyết toán nguồn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách đối ứng địa phương thực hiện Chương trình”.* | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Đã tiếp thu, biên tập lại khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết như ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách. |
|  | - Tại Điều 3 dự thảo Nghị quyết, đề nghị biên tập bổ sung cụm từ *“ngoài mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương hỗ trợ”* đảm bảo rõ ràng và dễ thực hiện, cụ thể như sau:  *“****Điều 3. Mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, ngoài mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương hỗ trợ:***  *1. Nhà xây mới: 04 triệu đồng/hộ (nguồn ngân sách huyện).*  *2. Sửa chữa nhà: 02 triệu đồng/hộ (nguồn ngân sách huyện).”* | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Đã tiếp thu, biên tập lại Điều 3 dự thảo Nghị quyết như ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách. |
|  | - Tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết *(Đối với mức hỗ trợ, nội dung chi và mức chi cho tiểu dự án giảm nghèo về thông tin của dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin)* |
|  | *+* Đối với các nội dung chi Điều 4 Dự thảo Nghị quyết, đề nghị báo cáo cơ sở để hỗ trợ nội dung và xác định mức chi, mức hỗ trợ như dự thảo Nghị quyết. | **UBND tỉnh báo cáo như sau**:  **1.**Về nội dung chi thiết lập, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng đối với cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới: Tối đa 95% dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt đối với cụm thông tin điện tử tại cửa khẩu biên giới thuộc xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn và tối đa 90% dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt đối với cụm thông tin điện tử tại cửa khẩu biên giới thuộc các xã, thôn còn lại. Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.  ***Cơ sở đề xuất*:** Tham khảo mức hỗ trợ tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 61/2022/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng nội dung, công việc cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.  **2.** Về nội dung chi hỗ trợ các Bưu điện văn hóa xã (BĐVHX) cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện các nội dung tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT: 500.000 đồng/điểm Bưu điện - Văn hóa xã/tháng.  ***Cơ sở đề xuất:***  - Các điểm BĐVHX thuộc các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hầu hết không kinh doanh đạt yêu cầu để có mức lương cao, do đó nhân viên điểm BĐVHX có mức lương cơ bản thấp nên nhân viên hay nghỉ việc. Bưu điện tỉnh phải có thêm chế độ hỗ trợ nhằm duy trì các điểm này (Bưu điện tỉnh hỗ trợ tiền ăn ca và bảo hiểm xã hội (1.253.000đ/tháng).  - Căn cứ Thông tư 17/2015/TT-BTTTT quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí, các điểm BĐVHX duy trì hoạt động phục vụ tối thiểu 4h/ngày; các ngày từ thứ hai đến thứ sáu trong tuần (trừ ngày lễ, ngày tết);  - Để thực hiện các nội dung tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 06/2022/TT- BTTTT; điểm BĐVHX phục vụ tối thiểu 06 giờ/ngày, từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (không bao gồm ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của Nhà nước). Như vậy 1 tháng nhân viên BĐVHX phải làm thêm so với quy định tại Thông tư 17/2015/TT-BTTTT là: 16\*4= 64h.  - Căn cứ Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2022, quy định mức lương tối thiểu giờ đối với người lao động làm việc cho người sử dụng lao động tại vùng IV là 15.600đ/giờ. Như vậy, 1 tháng mức lương tối thiểu làm thêm của nhân viên BĐVHX = 64\* 15.600 = 998.400đ  - Bưu điện tỉnh đề xuất mức hỗ trợ tại văn bản số 685/BĐKT-KHKD ngày 16/8/2022: 497.000đ/1 điểm BĐVHX/ tháng.  Vì vậy, UBND tỉnh đề xuất mức hỗ trợ 500.000 đồng/điểm Bưu điện - Văn hóa xã/tháng.  **3.** Nội dung chi hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã cho các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện các nội dung tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT: Theo dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 30 triệu đồng/cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông. Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.  ***Căn cứ đề xuất:***  - Thiết lập mới đài truyền thanh xã đối với các xã chưa có đài truyền thanh; Mở rộng hoạt động của đài truyền thanh xã để đáp ứng nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền; Thay thế cụm loa có dây, không dây FM bị hỏng, không còn sử dụng được sang cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông”: hiện nay theo quy định việc thiết lập mới đài truyền thanh xã đều phải thực hiện đầu tư công nghệ mới, theo đó đài truyền thanh xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông là tập hợp các cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông hoạt động riêng rẽ và được điều khiển bằng phần mềm. Mặt khác, mỗi xã có diện tích, địa hình và phân bổ dân số khác nhau. Do đó, việc thiết lập mới đài truyền thanh xã đối với các xã chưa có đài truyền thanh; Mở rộng hoạt động của đài truyền thanh xã để đáp ứng nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền; Thay thế cụm loa có dây, không dây FM bị hỏng, không còn sử dụng được sang cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông tại mỗi xã là khác nhau. Do đó, khi thực hiện cần được cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán.  \* Về mức chi “**không quá** 30 triệu đồng/cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông: phù hợp với quy định về việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.  - Mặt khác, hiện nay theo báo giá của 3 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ (Công ty TNHH đầu tư Giang Phong; Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Phát triển L&D; Công ty TNHH MTV công nghệ TĐN) thì mức giá đều trên 35 triệu đồng/cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông; Xã Ya Hội, huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai hợp đồng tháng 5/2022 là 35 triệu đồng/cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông.  - Sở Thông tin và Truyền thông đã dự toán kinh phí (đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt) mua sắm 9 đài truyền thanh cấp xã trên địa bàn tỉnh[[69]](#footnote-69), theo đó trung bình mỗi cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông: 30 triệu đồng/cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông.  Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất: mức chi là “theo dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 30 triệu đồng/cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông. Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu”. |
|  | + Đề nghị biên tập Khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị quyết đảm bảo đồng bộ với các Nghị quyết đã ban hành theo hướng:  *“Điều 4.* *Nội dung, mức chi hỗ trợ dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025*  *1. Chi thiết lập, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng đối với cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới*  *Mức hỗ trợ: tối đa 95% kinh phí thực hiện trong dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt đối với cụm thông tin điện tử tại cửa khẩu biên giới thuộc xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn và tối đa 90% kinh phí thực hiện trong dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt đối với cụm thông tin điện tử tại cửa khẩu biên giới thuộc các xã, thôn còn lại. Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.”* | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Đã tiếp thu, biên tập lại Khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị quyết như ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách. |
|  | + Đối với Khoản 2 và Khoản 3 Điều 4, biên tập ngắn gọn tương tự như Khoản 1 nêu trên *(nội dung và mức chi)*, tránh lặp lại nội dung chi. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã biên tập lại Khoản 2 và khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết, cụ thể:  2. Chi hỗ trợ các Bưu điện văn hóa xã cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện các nội dung tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT: 500.000 đồng/điểm Bưu điện - Văn hóa xã/tháng.  3. Chi hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã cho các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện các nội dung tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT: theo dự toán được cấp thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 30 triệu đồng/cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông. Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. |
|  | + Đối với mức chi tại điểm b Khoản 3 Điều 4, để đảm bảo chặt chẽ và dễ thực hiện, đề nghị biên tập như sau: *“Mức chi: Theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng không quá 30 triệu đồng/cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin-viễn thông. Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu”* | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Đã tiếp thu, biên tập lại điểm b Khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị quyết như ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách. |
|  | - Chỉ đạo Sở, ban ngành chuyên môn phối hợp rà soát các quy định, hướng dẫn của cơ quan Trung ương để tham mưu cấp thẩm quyền ban hành các quy định, hướng dẫn thực hiện, đảm bảo tính pháp lý, đồng bộ tránh chồng chéo giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, sau khi Nghị quyết được ban hành, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo triển khai thực hiện theo quy định. |
|  | - Đề nghị bổ sung Khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị quyết nội dung: *“Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế”* | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Đã tiếp thu, bổ sung Khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị quyết như ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách. |
|  | - Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết đúng thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy định tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Đồng thời chỉ đạo việc thực hiện hướng dẫn cụ thể cho từng chương trình để đơn vị, địa phương thuận tiện trong việc triển khai thực hiện. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau**: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, biên tập, hoàn thiện về thể thức và kỹ thuật trình bày dự thảo Nghị quyết theo quy định. |
| **41** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư và bổ sung kế hoạch vốn trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương của Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu Dự án tỉnh Kon Tum** | |
|  | Đề nghị báo cáo phân tích rõ cơ sở pháp lý trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư. | **UBND tỉnh báo cáo như sau:**  - Dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục Dự án tại Quyết định số 739/QĐ-TT,g ngày 29-4-2016 theo quy định tại Điều 13, Nghị định số 38/2013/NĐ-CP, ngày 23-4-2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn ODA (*theo Nghị định 38/2013/NĐ-CP, quyết định phê duyệt danh mục chính là quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư*).  - Theo quy định tại khoản 1, Điều 98, Nghị định 114/2021/NĐ-CP, ngày 16-12-2021, Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục, trong quá trình thực hiện cần sửa đổi, điều chỉnh thì thực hiện theo quy định về điều chỉnh chủ trương đầu tư.  - Theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 1 và khoản 1, Điều 11, Luật số 03/2022/QH15, ngày 11-01-2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự **(có hiệu lực từ ngày 01-3-2022)** quy định về thẩm quyền điều chỉnh chủ trương các dự án ODA như sau:  + Tại khoản 1, Điều 11 quy định“*1. Đối với dự án đầu tư công* ***nhóm B, nhóm C*** *sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài* ***đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư*** *trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành và trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan,* ***người có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư quy định tại Điều 1 của Luật này có thẩm quyền điều chỉnh chủ trương đầu tư*.”**  + Tại điểm c, khoản 1, Điều 1 quy định “***Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài****, quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý, trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều này*”  Từ những nội dung nêu trên, thẩm quyền điều chỉnh chủ trương đầu tư của Dự án là Hội đồng nhân dân tỉnh. |
|  | Đề nghị báo cáo làm rõ Kế hoạch vốn đã bố trí, tiến độ đầu tư, khối lượng giải ngân thanh toán, dự kiến thời gian hoàn thành dự án. | **UBND tỉnh báo cáo như sau:**  **1. Tình hình thực hiện dự án:** Dự án đã hoàn thành các gói thầu thuộc hoạt động đào tạo nhận thức an toàn giao thông, hỗ trợ du lịch cộng đồng và Hỗ trợ xúc tiến thương mại. Hiện tại, dự án còn đang triển khai các hoạt động xây lắp thuộc gói thầu KT-Cw-01 và KT-Cw-02. Đến hết 31 tháng 10 năm 2022, gói KT-Cw-02 đã hoàn thành khối lượng thi công theo hợp đồng, hiện đang thực hiện các thủ tục liên quan để nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa gói thầu vào sử dụng; giá trị khối lượng hoàn thành gói KT-Cw-01 đạt 32% giá trị hợp đồng, dự kiến hoàn thành vào 15 tháng 10 năm 2023. Dự kiến hoàn thành Dự án vào 31/12/2023.  **2. Tình hình bố trí vốn và giải ngân**  **a) Tình hình bố trí vốn**  **-** Vốn đối ứng: Luỹ kế kế hoạch vốn đối ứng của Dự án đã bố trí đến năm 2022 là 57.321 triệu đồng *(Trong đó: năm 2017 là 10.000 triệu đồng, năm 2018 là 16.500 triệu đồng, năm 2019 là 10.000 đồng, năm 2020 là 11.500 triệu đồng, năm 2021 là 6.321 triệu đồng, năm 2022 là 3.000 triệu đồng)*. Kế hoạch vốn còn lại dự án chưa bố trí trong trung hạn, dự kiến bố trí trong năm 2023 là 12.409 triệu đồng.  - Vốn ODA: Luỹ kế kế hoạch vốn ODA của Dự án đã bố trí đến năm 2022 là 390.721 triệu đồng. Trong đó, năm 2019 là 33.100 triệu đồng *(vốn ODA ngân sách trung ương cấp phát là 29.329 triệu đồng, vốn địa phương vay lại 3.771 triệu đồng); năm 2020 là 33.125 triệu đồng (vốn ODA ngân sách trung ương cấp phát là 26.500 triệu đồng, vốn địa phương vay lại là 6.625 triệu đồng); năm 2021 là 60.217 triệu đồng (vốn ODA ngân sách trung ương cấp phát là 48.174 triệu đồng, vốn địa phương vay lại là 12.043 triệu đồng)*; năm 2022 là 264.279 triệu đồng *(vốn ODA ngân sách trung ương cấp phát là 220.000 triệu đồng, vốn địa phương vay lại là 44.279 triệu đồng*). Kế hoạch vốn còn lại dự án chưa bố trí trong trung hạn, dự kiến bố trí trong năm 2023 là 90.078 triệu đồng.  **b) Tình hình giải ngân**  - Vốn đối ứng: Giải ngân kế hoạch vốn đối ứng năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2022 là 4.347 triệu đồng (*Trong đó, giải ngân kế hoạch vốn 2021 được phép chuyển nguồn sang 2022 là 1.758 triệu đồng, giải ngân kế hoạch vốn 2022 là 2.589 triệu đồng*). Luỹ kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31 tháng 10 năm 2022 là 56.025 triệu đồng; đạt 98% kế hoạch vốn đã bố trí (*Trong đó giải ngân kế hoạch vốn các năm lần lượt là: năm 2017 là 10.000 triệu đồng, năm 2018 là 16.500 triệu đồng, năm 2019 là 10.000 triệu đồng, năm 2020 là 11.500 triệu đồng, năm 2021 là 5.436 triệu đồng, năm 2022 là 2.589 triệu đồng)*. Dự kiến giải ngân 100% kế hoạch vốn đối ứng được giao trong năm 2023.  - Vốn ODA: Giải ngân kế hoạch vốn ODA năm 2022 đến hết 31 tháng 10 năm 2022 là 30.794 triệu đồng (*vốn ODA ngân sách trung ương cấp phát là* 24.635 *triệu đồng; vốn ODA địa phương vay lại là* 6.159 *triệu đồng)*. Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết ngày 31 tháng 10 năm 2022 là 156.859 triệu đồng; đạt 40% kế hoạch vốn đã bố trí (*Trong đó giải ngân kế hoạch vốn các năm lần lượt là: năm 2019 là 33.100 triệu đồng, năm 2020 là 32.748 triệu đồng, năm 2021 là 60.217 triệu đồng, năm 2022 là 30.794 triệu đồng)*. Dự kiến giải ngân kế hoạch vốn ODA năm 2022 là 153.681 triệu đồng *(vốn ODA ngân sách trung ương cấp phát là 122.945 triệu đồng; vốn ODA địa phương vay lại là 30.736 triệu đồng)*, đạt 58% kế hoạch vốn được giao*.* |
|  | Lý do vì sao Hiệp định vay của Dự án không quy định Dự án được phép sử dụng vốn vay để thanh toán thuế; đồng thời báo cáo làm rõ việc không trình Hội đồng nhân dân tỉnh cân đối bố trí vốn ngân sách địa phương ngay từ khi dự án được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, để đến khi dự án gần hoàn thành mới báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét bố trí vốn. Việc bổ sung vốn đối ứng để thanh toán thuế của Dự án và giảm vốn ODA tương ứng có phù hợp với Hiệp định vay và các văn bản pháp luật có liên quan không. | **UBND tỉnh báo cáo như sau:**  - Theo quy định tại khoản 5, Điều 98, Nghị định 114/2021/NĐ-CP ngày 16-12-2021, việc thanh toán thuế, phí từ nguồn vốn ODA cho các chương, trình dự án đã được ký Hiệp định, sẽ được thực hiện theo Hiệp định, Điều ước quốc tế đã được ký với nhà tài trợ. Tại Hiệp định vay của Dự án có nội dung ADB sẽ giải ngân 100% tổng chi phí *(Hiệp định vay của tất cả các dự án do ADB tài trợ được xây dựng theo mẫu quy định chung)*. Theo Công thư ADB ngày 15/12/2020 của Giám đốc Quốc gia gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Lăk và đồng gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh tham gia dự án, ADB khẳng định, thuế và phí được thanh toán từ nguồn vốn vay ADB. Tuy nhiên theo ý kiến Bộ Tài chính tại Văn bản số 13405/BTC-QLN ngày 24-11-2021, Hiệp định vay của Dự án không quy định cụ thể Dự án được phép sử dụng vốn vay để thanh toán thuế. Vì vậy, phải bố trí bổ sung vốn đối ứng để thanh toán thuế của Dự án theo quy định.  - Hiệp định vay của Dự án thể hiện mức vốn ODA tối đa mà ADB tài trợ cho Chính phủ Việt Nam để thực hiện Dự án. Vì vậy, việc bổ sung vốn đối ứng để thanh toán thuế và giảm vốn ODA tương ứng không ảnh hưởng đến Hiệp định vay đã ký và phù hợp với hướng dẫn của Bộ Tài Chính.  - Việc đề nghị bố trí bổ sung vốn đối ứng để thanh toán thuế VAT của dự án là một phần của nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, bên cạnh nội dung gia hạn thời gian thực hiện dự án. Sau một thời gian dài làm việc với nhà tài trợ và các Bộ ngành Trung ương, mới thống nhất được vấn đề thanh toán thuế của dự án, mốc thời gian điều chỉnh thực hiện dự án, việc sử dụng vốn dư và được ADB thống nhất tại cuộc họp đánh giá dự án với 05 tỉnh từ ngày 05-15/4/2022. Vì vậy, để thống nhất nội dung và tránh điều chỉnh nhiều lần, đến thời điểm hiện tại mới trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương của Dự án, trong đó có nội dung về bổ sung kế hoạch vốn ngân sách địa phương cho Dự án. |
|  | Báo cáo cụ thể các khoản thanh toán tiền thuế của các gói thầu sử dụng vốn ODA. | **UBND tỉnh báo cáo như sau:** Dự án có các gói thầu có chi phí VAT với tổng dự toán các gói thầu là 366.572.461.000 đồng, trong đó chi phí bảo hiểm là 1.513.149.000, chi phí Thuế VAT là **33.187.210.182 đồng** và vốn ABD là 331.872.101.818 đồng, cụ thể như sau:  1. Gói thầu KT-Cw-01 *(Đang thực hiện)*: Dự toán gói thầu là 212.876.678.000 đồng, trong đó chi phí bảo hiểm là 920.354.000 đồng, chi phí Thuế VAT là **19.268.756.727 đồng** và vốn ABD là 192.687.567.273 đồng.  2. Gói thầu KT-Cw-02 *(Đang thực hiện)*: Dự toán gói thầu là 140.148.857.000 đồng, trong đó chi phí bảo hiểm là 592.795.000 đồng, chi phí Thuế VAT là **12.686.914.727 đồng** và vốn ABD là 126.869.147.273 đồng.  3. Gói thầu KT-Cs-10*(Đang thực hiện)*: Dự toán gói thầu là 12.431.926.000 đồng, trong đó chi phí Thuế VAT là **1.130.175.091 đồng** và vốn ABD là 11.301.750.909 đồng.  4. Gói thầu KT-Cs-09A, KT-Cs-09B *(Gói thầu KT-Cs-09A đã thực hiện xong, gói thầu KT-Cs-09B đang triển khai theo hợp đồng đã ký kết)*: Dự toán gói thầu là 1.115.000.000 đồng, trong đó chi phí Thuế VAT là **101.363.636 đồng** và vốn ABD là 1.013.636.364 đồng*.* |
|  | Về điều chỉnh thời gian thực hiện, báo cáo rõ thời gian thực hiện, giải ngân vốn vay theo Hiệp định đã ký kết; việc điều chỉnh kéo dài thời gian thực hiện có phù hợp với Hiệp định vay, văn bản pháp luật có liên quan và ý kiến của nhà tài trợ, Bộ, ngành Trung ương? | **UBND tỉnh báo cáo như sau:**  - Theo Quyết định số 739/QĐ-TTg ngày 29-4-2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Danh mục Dự án, thời gian thực hiện Dự án là 6 năm kể từ khi ký Hiệp định *(04-5-2017 - 04-5-2023).* Hiệp định vay của Dự án kết thúc vào 30-6-2023.  - Dự án đề xuất kéo dài thời gian thực hiện đến 31-12-2023. Theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 33, Nghị định 114/2021/NĐ-CP, Dự án thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh quyết định đầu tư trước khi thực hiện trình tự, thủ tục gia hạn Hiệp định vay.  - Việc đề xuất gia hạn thời gian thực hiện dự án đã được Đoàn công tác của ADB thống nhất tại đợt đánh giá từ ngày 05-4-2022 - 15-4-2022.  - Tại Văn bản số 5444/BKHĐT-KTĐN ngày 05-8-2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho biết việc đề xuất kéo dài thời gian thực hiện dự án đến 31-12-2023, phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc bố trí vốn trong năm 2023 để làm cơ sở cho việc kéo dài thời gian thực hiện dự án. Dự án đã được xây dựng phương án bố trí kế hoạch vốn ODA năm 2023, thuộc trường hợp Dự án chuyển tiếp và quá thời hạn bố trí vốn, tỉnh cam kết hoàn thành Dự án và không bố trí vốn ODA cho Dự án sau năm 2023. Sau khi thẩm định, Dự án đã nằm trong danh mục bố trí vốn năm 2023 được Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Văn bản số 393/BC-CP ngày 10-10-2022 và Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo số kế hoạch vốn dự kiến tại Văn bản số 7248/BKHĐT-TH ngày 12-10-2022. Vì vậy việc trình điều chỉnh thời gian thực hiện Dự án đến 31-12-2023 là phù hợp, là cơ sở để triển khai các thủ tục tiếp theo để gia hạn Hiệp định vay của Dự án. |
|  | Dự án liên quan đến việc sử dụng vốn vay của ADB; bên cạnh đó, dự án được bổ sung vốn từ nguồn dự phòng ngân sách địa phương trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Vì vậy, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, hoàn thiện nội dung, xem xét trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy chế làm việc([[70]](#footnote-70)). | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh chỉ đạo rà soát, hoàn thiện nội dung và tham mưu BCSĐ UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét cho ý kiến về nội dung nêu trên tại Tờ trình số 812-TTr/BCSĐ ngày 28/11/2022 theo quy chế làm việc của Tỉnh ủy. |
|  | Chỉ đạo rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định. |
| **42** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa nâng cấp Đập Đăk Cấm, thành phố Kon Tum** | |
|  | Báo cáo tiến độ triển khai thực hiện dự án Sửa chữa nâng cấp Đập Đăk Cấm, thành phố Kon Tum; khó khăn, vướng mắc. | **UBND tỉnh báo cáo như sau:**  a. Tiến độ triển khai dự án: Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh có Nghị quyết điều chỉnh Chủ trương đầu tư Dự án, Chủ đầu tư đã tiến hành hoàn thiện hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, đến nay hồ sơ thiết kế cơ sở đã được các Sở chuyên ngành có Thông báo kết quả thẩm định và đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định dự án.  b. Khó khăn, vướng mắc: Theo chủ trương đầu tư dự án đã được HĐND tỉnh thông qua, địa điểm thực hiện của dự án là tại thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên quá trình triển khai thực hiện, phạm vi xây dựng dự án có ảnh hưởng đến diện tích đất của xã Ngọk Wang, huyện Đăk Hà và thành phố Kon Tum. Do đó, phải lấy ý kiến phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Kon Tum, các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân nên đã ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện Dự án. |
|  | Tại Kỳ họp chuyên đề Hội đồng nhân dân tháng 4/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư của dự án, nội dung điều chỉnh làm thay đổi cơ bản quy mô của dự án, tuy nhiên Ủy ban nhân dân tỉnh không đề cập đến việc điều chỉnh, bổ sung phạm vi thực hiện dự án *(bổ sung diện tích đất của xã Ngọc Wang huyện Đăk Hà và thành phố Kon Tum)*. Đề nghị báo cáo làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của đơn vị chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan. | **UBND tỉnh báo cáo như sau:** Trong quá trình tổng hợp trình HĐND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tại kỳ họp chuyên đề tháng 4 năm 2022 vừa qua, chủ đầu tư đã tập trung vào điều chỉnh quy mô đầu tư dự án, mà thiếu sót trong việc đề xuất điều chỉnh về địa điểm xây dựng (bổ sung diện tích đất của xã Ngọc Wang huyện Đăk Hà và thành phố Kon Tum). Về nội dung này, Chủ đầu tư đã có văn bản xin kiểm điểm rút kinh nghiệm (Công văn số 231/CV-BQL ngày 02/12/2022). |
|  | Đề nghị chỉ đạo tổ chức thẩm định về điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án, trong đó phải có ý kiến của các cơ quan chuyên môn([[71]](#footnote-71)) và địa phương theo quy định. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư bổ sung, củng cố hồ sơ tại Báo cáo số 309/BC-SKHĐT ngày 01/12/2022 về kết quả thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa nâng cấp Đập Đăk Cấm, thành phố Kon Tum (điều chỉnh địa điểm dự án). Trong đó đã lấy ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ngoài ra do trong quá trình lập đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư, chủ đầu tư đã có các văn bản và biên bản phối hợp làm việc của huyện Đăk Hà, nên Sở Kế hoạch và Đầu tư không lấy lại ý kiến của UBND huyện Đăk Hà. |
|  | Chỉ đạo chủ đầu tư chịu trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn được bố trí, bảo đảm việc thực hiện dự án hiệu quả, đúng tiến độ, tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu chất lượng theo quy định hiện hành; đồng thời, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, sự phù hợp với quy định của pháp luật. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo chủ đầu tư chịu trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn được bố trí, bảo đảm việc thực hiện dự án hiệu quả, đúng tiến độ, tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu chất lượng theo quy định hiện hành; đồng thời, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, sự phù hợp với quy định của pháp luật. |
|  | Rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định. |
| **43** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án do Văn phòng Tỉnh ủy quản lý dự án** | |
|  | Báo cáo tiến độ triển khai thực hiện 02 dự án đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư *(bao gồm tổng vốn đã bố trí, khối lượng thực hiện, giải ngân,...)*; dự kiến thời gian hoàn thành, khó khăn, vướng mắc trong quản trị triển khai thực hiện. | **UBND tỉnh báo cáo như sau:** UBND tỉnh báo cáo như sau: Tính đến hết kế hoạch vốn năm 2022, cả 02 dự án đều đã được bố trí đủ kế hoạch vốn có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, đảm bảo theo đúng thời gian, tiến độ thực hiện dự án theo chủ trương đầu tư đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, cụ thể:  - Dự án Xây dựng mới hội trường Tỉnh ủy, các phòng họp và Trụ sở làm việc các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy được phân bổ 115.300 triệu đồng để triển khai công tác chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án, lũy kế tính đến ngày 20 tháng 11 năm 2022, dự án đã giải ngân 77.559 triệu đồng, đạt 67,26% tổng kế hoạch vốn bố trí.  - Dự án Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ quan Đảng tỉnh được phân bổ 24.200 triệu đồng để triển khai công tác chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án, lũy kế tính đến ngày 20 tháng 11 năm 2022, dự án đã giải ngân 7.280 triệu đồng, đạt 30% tổng kế hoạch vốn bố trí.  Theo chủ trương đầu tư đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt thì 02 dự án cần phải được thực hiện hoàn thành trong năm 2022. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện dự án Xây dựng mới hội trường Tỉnh ủy, các phòng họp và Trụ sở làm việc các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy do ảnh hưởng của dịch COVID-19 ở Việt Nam và các nước trên thế giới làm ảnh hưởng lớn đến quá trình sản xuất của các đơn vị tại nước ngoài và kế hoạch giao hàng. Quá trình nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị kéo dài hơn 90 ngày so với dự kiến dẫn đến tiến độ chung của dự án bị kéo dài khoảng 120 ngày. Bên cạnh đó, dịch COVID-19 làm biến động giá vật liệu xây dựng, thiếu hụt nhân lực, làm chậm tiến độ cung cấp thiết bị, vật tư, vật liệu về công trường. Ngoài ra, việc thực hiện dự án Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ quan Đảng tỉnh chịu ảnh hưởng bởi tiến độ thực hiện dự án Xây dựng mới hội trường Tỉnh ủy, các phòng họp và Trụ sở làm việc các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy. Do đó, dự kiến năm 2023 các dự án nêu trên mới có thể đầu tư hoàn thành. |
|  | Đề nghị chỉ đạo tổ chức thẩm định về điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án, trong đó phải có ý kiến của các cơ quan chuyên môn([[72]](#footnote-72))theo quy định. | **UBND tỉnh báo cáo như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư bổ sung, củng cố hồ sơ tại Báo cáo số 306/BC-SKHĐT ngày 01/12/2022 về kết quả thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư 02 dự án do Văn phòng Tỉnh ủy quản lý dự án theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ. |
|  | Chỉ đạo chủ đầu tư chịu trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn được bố trí, bảo đảm việc thực hiện các dự án đúng tiến độ, đồng bộ, hiệu quả, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu chất lượng theo quy định hiện hành; đồng thời, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, sự phù hợp với quy định của pháp luật. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo chủ đầu tư chịu trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn được bố trí, bảo đảm việc thực hiện các dự án đúng tiến độ, đồng bộ, hiệu quả, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu chất lượng theo quy định hiện hành; đồng thời, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, sự phù hợp với quy định của pháp luật. |
|  | Rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định. |
| **44** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Kè chống sạt lở bờ suối Đăk Ter, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum** | |
|  | Đề nghị báo cáo tiến độ triển khai thực hiện dự án, tiến độ giải ngân vốn đến thời điểm hiện nay. Dự kiến số vốn bố trí, thời gian bố trí vốn đầu tư hoàn thành dự án. | **UBND tỉnh báo cáo như sau:** Dự án được bố trí thực hiện khởi công mới từ năm 2020. Tính đến hết kế hoạch vốn năm 2022, dự án đã được bố trí đủ nguồn ngân sách Trung ương và nguồn Chương trình 30a là 42.017,62 triệu đồng, đã giải ngân 100%. Tiến độ thi công hiện nay đạt khoảng 92%. Trong Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được Hội đồng nhân dân huyện Tu Mơ Rông thông qua tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 15 tháng 07 năm 2022, dự án được bố trí 4.411 triệu đồng, huyện dự kiến giao năm 2023 là 4.312 triệu đồng (vừa đủ để bố trí hoàn thành dự án theo thực tế). |
|  | Đề nghị chỉ đạo làm rõ trách nhiệm của đơn vị chủ đầu tư, huyện Tu Mơ Rông và đơn vị có liên quan trong việc tham mưu, quyết định cân đối bố trí đủ vốn theo cam kết; công tác kiểm tra, giám sát, thẩm định việc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm của cấp huyện, dẫn đến chậm trễ bố trí vốn, kéo dài thời gian đầu tư công dự án. | **UBND tỉnh báo cáo như sau:** Theo báo cáo của UBND huyện Tu Mơ Rông do khó khăn, hạn chế về nguồn vốn nên tuy huyện đã xác định sẽ bố trí cho dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nhưng do nguồn vốn có hạn và trong năm 2021, 2022 huyện cũng đã ưu tiên bố trí vốn đối ứng hoàn thành các dự án sử dụng vốn NSTW khác, nên đã không đủ vốn để bố trí cho dự án này trong các năm qua.  UBND huyện Tu Mơ Rông đã xin rút kinh nghiệm và cam kết thời gian tới huyện không để xảy ra trường hợp như trên.  Về công tác kiểm tra, giám sát, thẩm định việc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm của cấp huyện, dẫn đến chậm trễ bố trí vốn, kéo dài thời gian đầu tư công dự án: Sở Kế hoạch và Đầu tư đã thẩm định kế hoạch đầu tư công năm 2022 của huyện và đã phát hiện một số trường hợp quy định về thời hạn bố trí vốn dự án nhóm C đến thời điểm kế hoạch năm 2022, theo đó đã đề nghị huyện làm rõ và báo cáo các trường hợp tương tự, trong đó có dự án Kè chống sạt lở bờ suối Đăk Ter bị quá hạn thời gian bố trí trong dự kiến kế hoạch năm 2023. |
|  | Đề nghị chỉ đạo tổ chức thẩm định về điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án, trong đó phải có ý kiến của các cơ quan chuyên môn([[73]](#footnote-73)) và địa phương theo quy định. | **UBND tỉnh báo cáo như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư bổ sung, củng cố hồ sơ tại Báo cáo số 308/BC-SKHĐT ngày 01/12/2022 về kết quả thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Kè chống sạt lở bờ suối Đăk Ter, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum. |
|  | Chỉ đạo chủ đầu tư có văn bản cam kết bố trí đủ vốn, hoàn thành dự án theo đúng quy định; quản lý và sử dụng nguồn vốn được bố trí bảo đảm hiệu quả, thực hiện đầu tư theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu chất lượng theo quy định hiện hành; đồng thời, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, sự phù hợp với quy định của pháp luật. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo chủ đầu tư có văn bản cam kết bố trí đủ vốn, hoàn thành dự án theo đúng quy định; quản lý và sử dụng nguồn vốn được bố trí bảo đảm hiệu quả, thực hiện đầu tư theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu chất lượng theo quy định hiện hành; đồng thời, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, sự phù hợp với quy định của pháp luật. |
|  | Rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định. |
| **45** | **Tờ trình dự thảo Nghị quyết về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng doanh trại các đơn vị thuộc Sư đoàn 10 tại xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum** | |
|  | Báo cáo cụ thể tiến độ triển khai thực hiện dự án, tiến độ giải ngân vốn trong thời gian qua; những khó khăn, vướng mắc trong việc xác minh nguồn gốc đất đối với các hộ gia đình, cá nhân. Giải pháp tháo gỡ trong thời gian đến. | **UBND tỉnh báo cáo như sau:**  1. Công tác lập phương án bồi thường, hỗ trợ  - Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Thông báo số 141/TB-UBND ngày 07/4/2022 về việc thu hồi đất - đợt 1 (diện tích 179,1 ha) và Thông báo số 147/TB-UBND ngày 15/4/2022 về việc thu hồi đất - đợt 2 (diện tích 22,9 ha).  \* Tổng số hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức bị ảnh hưởng đã kiểm đếm 100 hộ/62 ha: (Trong đó: 34 hộ/25,1 ha: trồng cây cao su bị ảnh hưởng; 66 hộ/36,9 ha đất trồng lúa, cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản và cây lâu năm khác; 01 tổ chức - Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum/140,1 ha (trong đó có 159 hộ nhận khoán với Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum)):  - 07 hộ+01 tổ chức/27,79 tỷ đồng/147,81 ha: Ủy ban nhân dân thành phố đã phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ: (04 hộ +01 tổ chức /23,51 tỷ đồng/144,25 ha đã chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; 03 hộ/4.3 tỷ đồng/3.46 ha chưa chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ lý do: Hiện nay đang chờ bố trí kinh phí để tiếp tục chi trả).  - 01 hộ đang hoàn thiện hồ sơ để phê duyệt phương án bồi thường; 92 hộ chưa công khai lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ vì chưa cung cấp hồ sơ.  2. Số hộ nhận khoán Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum  Đến thời đểm hiện nay Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum đã cung cấp 170 (158 hộ gia đình, cá nhân) hợp đồng giao nhận khoán với các hộ gia đình, cá nhân. Trong đó:  - 39 hộ /1.111.764.000 đồng: Ngày 24/10/2022 UBND thành phố đã phê duyệt phương án trợ nhận giao khoán với Công ty Cao su. Hiện nay đang chờ bố trí kinh phí để chi trả cho các hộ dân.  - 119 hộ chưa đủ điều kiện hỗ trợ quy định tại điểm c khoản 2 điều 1 Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh vì có hợp đồng giao nhận khoán nhưng không trực tiếp chăm sóc, cạo mủ cao su.  3. Về việc bàn giao đất đã thu hồi, đã chi trả tiền bồi thường cho Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum để thực hiện dự án.  - Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã chi trả toàn bộ tiền bồi thường cho Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum/ 17.981.549.811 đồng/140,1 ha.  - Ngày 20/7/2022, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam ban hành Văn bản số 421/HĐQTCSVN-KHĐT về việc thỏa thuận chủ trương ban giao đất về địa phương để thực hiện dự án đầu tư xây dựng doanh trại các đơn vị thuộc Sư đoàn 10 tại xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.  - Hiện nay, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đã thống nhất chủ trương bàn giao đất và thanh lý vườn cây để địa phương thực hiện dự án đầu tư xây dựng doanh trại các đơn vị thuộc Sư đoàn 10 tại xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum. Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum đã thực hiện cưa cắt cây vào ngày 24/8/2022 nhưng các hộ dân cản trở, chống đối (với lý do các hộ dân đề nghị bồi thường, hỗ trợ công khai hoang và chia tỷ lệ đối với phần cây Cao su sau khi đấu giá).  4. Tiến độ giải ngân: Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được bố trí 82.513 triệu đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất (đảm bảo đủ nguồn ngân sách địa phương theo Nghị quyết của HĐND tỉnh). Đến nay, dự án đã được bố trí 56.000 triệu đồng (năm 2022), tuy nhiên nguồn thu không đảm bảo nên mới thông báo chi tiết cho dự án là 25.000 triệu đồng; theo báo cáo của UBND thành phố đã giải ngân đến nay: 24,9 tỷ đồng, đạt 99,6% thực nguồn.  5. Giải pháp tháo gỡ trong thời gian đến:  - Tiếp tục chỉ đạo UBND thành phố tiếp tục tuyên truyền, vận động 75 hộ chấp hành chủ trương về xây dựng dự án, cung cấp các hồ sơ đất đai, căn cước công dân, số lượng nhân khẩu trong hộ gia đình, giấy chứng nhận quyến sử dụng đất. Khẩn trương phối hợp với xác minh nguồn gốc đất của 76 hộ/50 ha và xác định diện tích đất nông nghiệp đang quản lý sử dụng tại xã Hòa Bình và xác định các hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp để có cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định.  - Chỉ đạo UBND thành phố và các ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh làm việc với Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum về tỷ lệ “ăn chia” đối với cây cao su sau khi được nhà nước bồi thường. |
|  | Đề nghị chỉ đạo tổ chức thẩm định về điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án, trong đó phải có ý kiến của các cơ quan chuyên môn([[74]](#footnote-74)) và địa phương theo quy định. | **UBND tỉnh báo cáo như sau:** UBND tỉnh tiếp thu và đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư bổ sung, củng cố hồ sơ tại Báo cáo số 370/BC-SKHĐT ngày 01/12/2022 về kết quả thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng doanh trại các đơn vị thuộc Sư đoàn 10 tại xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ. |
|  | Chỉ đạo chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ xác minh nguồn gốc đất, chịu trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý và sử dụng nguồn vốn được bố trí bảo đảm hiệu quả và đúng quy định; đồng thời, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, sự phù hợp với quy định của pháp luật. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ xác minh nguồn gốc đất, chịu trách nhiệm trong việc thực hiện quản lý và sử dụng nguồn vốn được bố trí bảo đảm hiệu quả và đúng quy định; đồng thời, chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, sự phù hợp với quy định của pháp luật. |
|  | Rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định. | **UBND tỉnh có ý kiến như sau:** Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, UBND tỉnh đã rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định. |

1. (1) Giám sát tình hình triển khai thực hiện chính sách pháp luật về bảo hiểm y tế và công tác khám chữa bệnh đối với người dân tộc thiểu số thuộc nhóm đối tượng được ngân sách Nhà nước đóng và hỗ trợ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum; (2) Gám sát tình hình triển khai thực hiện Đề án cho vay tiêu dùng từ nguồn ngân sách địa phương uỷ thác qua ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; (3)Giám sát tình hình triển khai thực hiện chỉ tiêu Kế hoạch trồng rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-1)
2. (1) Giám sát hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; (2) Giám sát tình hình hoạt động của Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo Luật Hợp tác xã năm 2012; (3) Giám sát tình hình triển khai thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh năm 2022. [↑](#footnote-ref-2)
3. (1) Giám sát về tình hình chấp hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh; (2) Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Phương án cho thuê rừng để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, kết hợp phát triển cây Sâm Ngọc Linh tại huyện Đăk Glei và Tu Mơ Rông; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Phương án giao rừng, cho thuê rừng để bảo vệ và phát triển rừng bền vững, kết hợp kinh doanh cảnh quan du lịch, sản xuất nông lâm nghiệp dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; (3) Giám sát công tác đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành và hiệu quả sử dụng các công trình nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; (4) Giám sát công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh; (5) Giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội; thu, chi ngân sách trên địa bàn tỉnh năm 2022; (6) Giám sát tình hình thực hiện chính sách cho Người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Kon Tum; (7) Giám sát việc công nhận gia đình văn hoá, khu dân cư văn hoá trên địa bàn tỉnh Kon Tum; (8) Giám sát việc triển khai xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum; (9) Giám sát về việc hỗ trợ tái định cư cho người dân *(vùng đồng bào DTTS*) có nguy cơ bị ảnh hưởng bởi thiên tai, sạt lở giai đoạn 2016-2020 thuộc nhóm đối tượng 1 tại Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Kon Tum về phê duyệt quy hoạch tổng thể bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến 2025; (10) Giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 44/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 và Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về quy định một số nội dung và mức chi thực hiện các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020. [↑](#footnote-ref-3)
4. () Xã Tu Mơ Rông và xã Ngok Lây huyện Tu Mơ Rông, [↑](#footnote-ref-4)
5. () Dự kiến xã Ngok Tem huyện Kon Plong không đạt. [↑](#footnote-ref-5)
6. () Dự án Bổ sung cơ sở vật chất cho Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Ia H’Drai; Dự án Đầu tư hạ tầng Khu du lịch văn hóa, lịch sử Ngục Kon Tum; Dự án Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ quan Đảng tỉnh [↑](#footnote-ref-6)
7. () Dự án Trưng bày bảo tàng ngoài trời; dự án Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh Kon Tum; Dự án Ðầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 676 nối huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi; Dự án Đầu tư hạ tầng Khu du lịch văn hóa, lịch sử Ngục Kon Tum;… [↑](#footnote-ref-7)
8. () Dự án Cấp nước sinh hoạt trung tâm huyện Ia H’Drai: hiện chưa có tuyến đường ống cấp III nối đến các hộ dân; dự án Chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu công nghiệp Sao Mai: dự án dự kiến tiến hành khai thác quỹ đất Khu đô thị để đầu tư hạ tầng KCN;… [↑](#footnote-ref-8)
9. () Chỉ mới ban hành 03 định mức kinh tế - kỹ thuật: Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định quy định định mức kinh tế- kỹ thuật áp dụng đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực việc làm trên địa bàn tỉnh Kon Tum [↑](#footnote-ref-9)
10. () Chi trả lương cho nhân viên cấp dưỡng trong trường phổ thông dân tộc nội trú; trẻ em nhà trẻ không có chính sách hỗ trợ ăn trưa, chính sách miễn giảm học phí; chính sách về bán trú cho học sinh, chính sách hỗ trợ ăn trưa cho học sinh mẫu giáo, chính sách hỗ trợ giáo viên… tại các xã khu vực II, III sau khi được cấp có thẩm quyền công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg;… [↑](#footnote-ref-10)
11. () Huyện Đăk Hà: Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ chi tiết vốn đầu tư thực hiện dự án trên địa bàn; Huyện Tu Mơ Rông, Ia H’Drai: Hội đồng nhân dân huyện phân bổ chi tiết vốn đầu tư thực hiện dự án trên địa bàn. [↑](#footnote-ref-11)
12. Nhất là Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018, Kết Luận số 12-KL/TW ngày 6/4/2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ “về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc”. [↑](#footnote-ref-12)
13. () Các kiến nghị cử tri: Về vấn đề liên kết trong cao su của cử tri xã Ia Chim, thành phố Kon Tum ; vấn đề phủ sóng điện thoại trên địa bàn huyện Ia H’Drai; vấn đề nâng cấp mở rộng hệ thống kênh để đảm bảo nước tưới tiêu sản xuất cho nhân dân xã Đăk Xú, huyện Ngọc Hồi; việc giải quyết, bồi thường của các Công ty thủy điện đối với cử tri xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà; việc sửa chữa và lắp đặt thêm các hệ thống cảnh báo giao thông của cử tri xã Đăk Hring, huyện Đăk Hà. [↑](#footnote-ref-13)
14. () Phân loại theo kết quả giải quyết: Kiến nghị đã được giải quyết xong; kiến nghị đang giải quyết; kiến nghị sẽ giải quyết; kiến nghị giải trình, thông tin lại với cử tri. [↑](#footnote-ref-14)
15. Năm 2022 có 02 vụ TNLĐ làm chết 02 người; Tần suất TNLĐ = (2x1.000)/ 43.200 (số người tham gia BHXH bắt buộc) [↑](#footnote-ref-15)
16. Năm 2021: tần suất TNLĐ là 0,050 [↑](#footnote-ref-16)
17. Năm 2021 khám bệnh nghề nghiệp cho 27 người lao động, năm 2022 khám bệnh nghề nghiệp cho 162 người lao động [↑](#footnote-ref-17)
18. Trung bình hàng năm tăng thêm 5% số người lao động được khám bệnh nghề nghiệp. [↑](#footnote-ref-18)
19. Các huyện: Đăk Glei, Tu Mơ Rông, Ngọc Hồi, Sa Thầy, Ia H‘Drai, Kon Rẫy và TP Kon Tum đã phân công Trưởng phòng LĐTBXH chỉ đạo, quản lý tổ chức thực hiện công tác AT, VSLĐ; Các huyện: Kon Plông, Đăk Tô, Đăk Hà đã phân công PhóTrưởng phòng LĐTBXH chỉ đạo, quản lý tổ chức thực hiện công tác AT, VSLĐ và Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh đã phân công Phó trưởng phòng Quản lý đầu tư chỉ đạo, quản lý tổ chức thực hiện công tác AT, VSLĐ. [↑](#footnote-ref-19)
20. Thuộc nhóm 3: người lao động làm các nghề, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về AT, VSLĐ [↑](#footnote-ref-20)
21. Thuộc nhóm 2: người làm công tác AT, VSLĐ gồm chuyên trách, bán chuyên trách về AT, VSLĐ; người trực tiếp giám sát về AT, VSLĐ tại nơi làm việc. [↑](#footnote-ref-21)
22. Chỉ tiêu của Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ: Trên 80% số làng nghề, hợp tác xã có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được tiếp cận thông tin phù hợp về ATVSLĐ. [↑](#footnote-ref-22)
23. Theo Công văn số 3679/SNN-KT ngày 01/12/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phối hợp giải trình các nội dung về kết quả thực hiện chính sách pháp luật về AT, VSLĐ năm 2022. [↑](#footnote-ref-23)
24. Thuộc nhóm 3: người lao động làm các nghề, công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về AT, VSLĐ [↑](#footnote-ref-24)
25. Thuộc nhóm 2: người làm công tác AT, VSLĐ gồm chuyên trách, bán chuyên trách về AT, VSLĐ; người trực tiếp giám sát về AT, VSLĐ tại nơi làm việc. [↑](#footnote-ref-25)
26. Công văn số 287/SLĐTBXH-LĐVL&GDNN ngày 18/2/2022 [↑](#footnote-ref-26)
27. là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng và thân nhân chủ yếu của người có công với cách mạng làm việc không theo hợp đồng lao động khi làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về AT, VSLĐ. [↑](#footnote-ref-27)
28. Trong 9 tháng đầu năm 2021 có 44 doanh nghiệp; 9 tháng đầu năm 2022 có 29 doanh nghiệp báo cáo về tình hình tai nạn lao động. [↑](#footnote-ref-28)
29. Năm 2020: Toàn tỉnh có 112/657 doanh nghiệp có tổ chức công đoàn chiếm tỷ lệ gần 17,04% số doanh nghiệp hoạt động; Năm 2021: 110/861 doanh nghiệp có tổ chức công đoàn; Năm 2022: 110/920 doanh nghiệp có tổ chức công đoàn chiếm gần 11,95%. [↑](#footnote-ref-29)
30. Kế hoạch số 2548/KH-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2022 về việc thực hiện Chương trình quốc gia về ATVSLĐ giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 2853/KH-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2022 triển khai thực hiện Đề án "Nâng cao năng lực thanh tra ngành Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2021-2025” trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Văn bản số 3482/UBND-KGVX ngày 17/10/2022 thực hiện nghiêm các biện pháp, giải pháp đảm bảo ATVSLĐ, phòng ngừa tai nạn lao động trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 3574/VP-HTKT ngày 26/9/2022 quản lý đảm bảo an toàn lao động trong thi công xây dựng. [↑](#footnote-ref-30)
31. Công văn số 1370/SLĐTBXH-TTr ngày 30/6/2022 về việc báo cáo tình hình tai nạn lao động theo Nghị định số 39/NĐ-CP; [↑](#footnote-ref-31)
32. Hiện nay, tỉnh có 135 doanh nghiệp có tổ chức công đoàn, trong đó Liên đoàn lao động tỉnh quản lý 110 doanh nghiệp, công đoàn ngành, tổng công ty quản lý 25 doanh nghiệp). [↑](#footnote-ref-32)
33. () Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, dự trữ quốc gia, kho bạc nhà nước; Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập. [↑](#footnote-ref-33)
34. () Về một số nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện chính sách pháp luật về quản lý, sử dụng các Quỹ tài chính Nhà nước ngoài Ngân sách nhà nước. [↑](#footnote-ref-34)
35. () Công văn số 20/VPCP-KTTH ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 792/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội [↑](#footnote-ref-35)
36. Theo Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 1194/BTTTT-CATTT ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về triển khai Chương trình "Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025. [↑](#footnote-ref-36)
37. Kế hoạch số 2026/KH-UBND, ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh về Triển khai Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 23/KH-BCĐ, ngày 09/3/2022 của Ban Chỉ đạo Chương trình hành động vì trẻ em tỉnh Kon tum về triển khai thực hiện công tác trẻ em năm 2022; [↑](#footnote-ref-37)
38. Quy chế phối hợp liên ngành số 802/QCPH-LĐTBXH-YT-GDDT-TP-CA-TA, ngày 03/11/2021 của các sở, ngành liên quan về Quy trình hỗ trợ, can thiệp, xử lý các trường hợp trẻ em bị bạo lực, xâm hại, xâm hại tình dục trên địa bàn tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-38)
39. Công văn số 256/STTTT- TTBCXB ngày 14/3/2019 thực hiện hướng dẫn việc hỗ trợ trẻ em tìm kiếm, thu nhận và phổ biến thông tin, bày tỏ ý kiến, nguyện vọng trên các kênh thông tin, truyền thông phù hợp với độ tuôi, mức độ trưởng, thành, nhu cầu, năng lực của trẻ em. [↑](#footnote-ref-39)
40. Về mục tiêu, nhiệm vụ, dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-40)
41. Về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum [↑](#footnote-ref-41)
42. Báo cáo số 304/BC-SLĐTBXH ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. [↑](#footnote-ref-42)
43. theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ [↑](#footnote-ref-43)
44. Ngân sách tỉnh: 6.212 triệu đồng; Ngân sách cấp huyện: 16.599 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-44)
45. về Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum, [↑](#footnote-ref-45)
46. Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum thông qua Danh mục dự án đầu tư năm 2022 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết 68/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung danh mụcChương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum [↑](#footnote-ref-46)
47. () Công văn số 2794/UBND-KTTH ngày 25/8/2022 về việc chủ trương xây dựng quyết định quy định về xây dựng cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ phát triển sản xuất để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 -2025; trong đó: Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Quyết định trên theo đúng quy trình, quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật có liên quan. [↑](#footnote-ref-47)
48. () Tại văn bản số 1778/SGTVT-KHTC ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Sở Giao thông vận tải [↑](#footnote-ref-48)
49. () Điểm g khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 và kéo dài thời gian thực hiện một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-49)
50. () Quy định mức phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Kon Tum từ nguồn thu xử phạt hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông giai đoạn 2019 – 2020 và quy định một số nội dung, mức chi đặc thù phục vụ công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-50)
51. () Gồm: Đầu tư cơ sở hạ tầng tại các điểm định canh định cư tập trung theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Đầu tư hạ tầng Khu du lịch văn hóa, lịch sử Ngục Kon Tum; Cầu 16/5 thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei; Chỉnh trang đô thị, di dời Bến xe Kon Tum về phía Bắc Thành phố Kon Tum theo quy hoạch (cập nhật di dời Cửa hàng xăng dầu). [↑](#footnote-ref-51)
52. Tỉnh Đăk Lăk, Gia Lai: 8m2 sàn/người; Lâm đồng: 9m2sàn/người. [↑](#footnote-ref-52)
53. () Theo tính toán của Sở Tài chính tại Công văn số 3486/STC-QLNS ngày 31/8/2022. [↑](#footnote-ref-53)
54. Nghị quyết sửa đổi Điều 2 Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-54)
55. Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh. [↑](#footnote-ref-55)
56. Công văn số 3984/STC-QLNS ngày 05/10/2022 của Sở Tài chính. [↑](#footnote-ref-56)
57. Tốc độ trượt giá trong 6 năm qua khoảng 30% *(bình quân mỗi năm 5%)*, kết hợp các yếu tố tăng chế độ khác [↑](#footnote-ref-57)
58. Được phân tích tại nội dung Chương III (*mục 1 và mục 2*); tính toán, đề xuất các chỉ tiêu phát triển tại Chương III (*mục 3 và mục 4*) Thuyết minh Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025. [↑](#footnote-ref-58)
59. Quy định:” 2. Trên cơ sở chương trình phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở hằng năm và 05 năm trên địa bàn bao gồm kế hoạch phát triển nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ, nhà ở để phục vụ tái định cư, nhà ở của hộ gia đình, cá nhân, trong đó phải xác định rõ kế hoạch phát triển nhà ở xã hội để cho thuê.” [↑](#footnote-ref-59)
60. Quy định “Đề nghị xây dựng, phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở 5 năm và hàng năm, trong đó cần xác định cụ thể danh mục các dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn (*bao gồm dự án xây dựng nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ, nhà ở để phục vụ tái định cư và các vị trí, khu vực dự kiến phát triển dự án nhà ở*), làm cơ sở để thẩm định chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án theo quy định” [↑](#footnote-ref-60)
61. Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 [↑](#footnote-ref-61)
62. Theo Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Kon Tum giai đoạn 2012-2020 và định hướng đến năm 2030. Mục tiêu phát triển nhà ở đến năm 2020:

    - Diện tích nhà bình quân toàn tỉnh đạt khoảng 22m2 sàn/người, trong đó nhà ở đô thị bình quân đạt khoảng 26m2 sàn/người, nhà ở nông thôn bình quân đạt khoảng 20m2 sàn/người; diện tích nhà ở tối thiểu là 8,0m2 sàn/người;

    - Tỷ lệ nhà kiên cố đạt khoảng 65%, trong đó đô thị đạt khoảng 74%, nông thôn đạt khoảng 55%.

    - 85% sinh viên có nhu cầu được thuê nhà ở trong ký túc xã.

    - 70% công nhân khu công nghiệp có nhu cầu được thuê nhà ở trong các dự án nhà ở dành cho công nhân. [↑](#footnote-ref-62)
63. a) Chăn nuôi trang trại quy mô lớn: Từ 300 đơn vị vật nuôi trở lên; b) Chăn nuôi trang trại quy mô vừa: Từ 30 đến dưới 300 đơn vị vật nuôi; c) Chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ: Từ 10 đến dưới 30 đơn vị vật nuôi; d) Chăn nuôi nông hộ: Dưới 10 đơn vị vật nuôi. [↑](#footnote-ref-63)
64. () Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Đối với đô thị loại I trực thuộc tỉnh: quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 500.000 người trở lên; khu vực nội thành đạt từ 200.000 người trở lên (theo Điểm b, Khoản 2, Điều 4); Đối với đô thị loại II: Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 200.000 người trở lên; khu vực nội thành đạt từ 100.000 người trở lên (theo Khoản 2, Điều 5); Đối với đô thị Loại III: Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 100.000 người trở lên; khu vực nội thành, nội thị đạt từ 50.000 người trở lên (theo khoản 2, Điều 6). Đối với đô thị loại IV thuộc huyện: Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 50.000 người trở lên; khu vực nội thị (nếu có) đạt từ 20.000 người trở lên. (theo khoản 2, Điều 7); Đối với đô thị loại V thuộc huyện: Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 4.000 người trở lên. (theo Khoản 2, Điều 8). [↑](#footnote-ref-64)
65. Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh [↑](#footnote-ref-65)
66. () Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 21/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 về việc Ban hành Quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 về việc Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; số 23/2022/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 về việc ban hành Quy định nguyên tắc tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum; số 24/NQ-HĐND ngày 23/6/2022 về mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-66)
67. () Văn bản số 7248/BKHĐT-TH ngày 12/10/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Văn bản số 6645/BNN-VPĐP ngày 05/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. [↑](#footnote-ref-67)
68. () - **Tỉnh Lai Châu:** Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù: Đảm bảo tỷ lệ số lượng dự án đầu tư **trung bình toàn tỉnh** giai đoạn 2021-2025 **tối thiểu 30%** (*Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 20/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh)*.

    - **Tỉnh Hà Giang:** Các huyện, thành phố đảm bảo tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021-2025 **tối thiểu 30%** tổng số dự án đầu tư xây dựng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện, thành phố *(Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định tỷ lệ số lượng dự án và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021-2025)*. [↑](#footnote-ref-68)
69. theo kế hoạch số 4222/KH-UBND ngày 10/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ "Phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin" đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kon Tum [↑](#footnote-ref-69)
70. Quy chế số 07-QC/TU ngày 25/10/2022 của Tỉnh ủy về Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 (sửa đổi, bổ sung) [↑](#footnote-ref-70)
71. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường;.. [↑](#footnote-ref-71)
72. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường;.. [↑](#footnote-ref-72)
73. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường;.. [↑](#footnote-ref-73)
74. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường;.. [↑](#footnote-ref-74)